

The Story of Helen Keller

By LORENA A. HICKOK

35¢
TX187



Bà đại sứ

Lorena A. Hickok

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Giới thiệu tác phẩm:

Sau những ngày vật lộn với bệnh viêm màng não vào năm lên hai tuổi, Helen Keller đã hoàn toàn bị điếc, câm, mù. Tương lai tưởng chừng như đen tối của Helen chợt bừng sáng khi em được một cô gia sư giàu lòng nhân ái và thông minh dạy dỗ, giúp đỡ. Với tài năng bẩm sinh và một nghị lực phi thường, từ một cô bé bần tính, ương bướng, Helen đã trở thành một người phụ nữ thanh lịch, nhân hậu, tốt nghiệp trường Đại học Harvard và là Đại sứ thiện chí của Hoa Kỳ.

Tiểu thuyết được viết dựa trên cuộc đời thực của bà Helen Keller và tác phẩm “Chuyện đời tôi” của bà.

Cuộc đời của Helen Keller với biết bao sự dày công khổ luyện, vượt qua mọi khó khăn để vươn lên cùng hình ảnh cao cả của cô gia sư đã được tái hiện hết sức sinh động.

1. Bóng tối và im lặng

Một buổi tối tháng 9 năm 1886, cả gia đình nhà Keller đều ở trong phòng khách. Ngài đại úy Keller lơ đãng cầm tờ báo trên tay. Rồi, ông đặt sang bên, cặp kính trể xuống sống mũi, buồn bã nhìn đứa con gái lớn. Nó đang nằm co ro trên ghế bành, ôm chặt con búp bê to bằng vải vào lòng.

- Helen đã 6 tuổi rồi đấy – đại úy nói – Vậy mà, trí tuệ của nó, cứ cho là nó có đi, vẫn đang bị nhốt trong một nhà tù. Chẳng ai có thể giải phóng cho nó được, không ai có thể mở hộ nó cánh cửa ấy, không ai có thể giúp nó. Chìa khoá đã mất rồi. Chẳng ai có thể tìm lại được nữa ...

Bà Keller đang ngồi khau, lặng lẽ ngẩng lên, đôi mắt mọng nước.

Người dì của cô bé Helen thì nổi giận:

- Arthur, anh chẳng biết gì cả. Tôi, tôi nói cho anh biết nhé, Helen, nó còn thông minh hơn tất cả những người nhà Keller cộng lại đấy!

- Có thể Helen có những tài năng thiên bẩm – đại úy rầu rĩ – nhưng cái đó thì có ích gì cho con bé chứ? Sẽ không bao giờ, không một ai biết đến cái trí thông minh đó. Helen sẽ không dùng đến, và cũng chẳng cho ai dùng được.

Những lời nói của người cha không hề làm tổn thương Helen: cô bé không hề nghe thấy. Năm lên hai tuổi, sau khi phải vật lộn với bệnh viêm màng não, Helen đã hoàn toàn điếc, câm, mù. Không có một cách nào để giao tiếp được với cô bé, người cha và người mẹ buộc lòng phải tin như vậy.

Helen tụt xuống ghế, dò dẫm, lần mò theo mép bàn đi đến bên chiếc nôi đặt cạnh mẹ. Cái nôi này Helen biết rõ lắm, đây là nôi của nó mà, nó đã ngủ trong đó khi còn bé tí. Đôi tay nó có thể biết, có thể nhận ra điều ấy. Nó thích đặt con búp bê của mình vào đó, thích quấn chặt cho con búp bê, thích khẽ khàng đu đưa nôi.

Gần đây, Helen bỗng lo lắng; chiếc nôi không còn trống nữa, có cái gì đó đã lấy chỗ của nó. Mẹ nó đẩy nó ra khi nó muốn đặt con búp bê vào. Có ai đó ở trong nôi, ngo ngoe cái chân cái tay bé xíu, ai đó – không phải là một con búp bê. Helen chẳng có cách nào để biết rằng “ai đó” đấy chính là em gái của mình. Với Helen, “ai đó” không có một tên riêng, mà chỉ là “nó”, một kẻ đã lấy đi chiếc nôi và thường lấy luôn cả vị trí được ưu ái nhất trước nay vẫn dành riêng cho cô bé – trong lòng mẹ.

Lại một lần nữa, “nó” đang ở đó. Helen sờ thấy cái cơ thể bé nhỏ, ấm nóng được quấn trong những chiếc khăn bông mềm mại. Từ cổ họng bật ra những tiếng kêu nghèn nghẹt, hung dữ, gần giống với tiếng gầm gừ của một con chó hơn là âm thanh của một con người, Helen giằng lấy chiếc khăn, lật đổ chiếc nôi hòng tống khứ kẻ đột nhập. May thay, bà mẹ đã kịp vồ lấy đứa trẻ trước khi nó bị rơi xuống đất. Ngài đại úy túm vai Helen, lắc một cách giận dữ:

- Thế đấy, thần đồng đấy! Ai trả lời được những câu hỏi cho thần đồng đây? – ông chưa chát nói – Dù gì Helen cũng chỉ là một “thần đồng gây hại”. Phải gửi con bé vào một trường nội trú đặc biệt thôi.

Bà Keller, vẫn chưa hết bàng hoàng, bật khóc:

- Không... không... không! – bà van vỉ - Chúng ta không thể bỏ nó được... Những nơi đó chỉ để nhận những đứa trẻ thiếu năng, chậm phát triển trí tuệ, chứ không phải dành cho những đứa quá bất hạnh như con bé. Người ta sẽ không dạy được gì cho Helen cả, nó sẽ bị bỏ một mình trong xó, nó sẽ không tiến bộ được gì, và nó sẽ càng bất hạnh vì ở xa chúng ta.

Ngài đại úy vẫn túm chặt tay Helen, con bé hung hãn đập lung tung, cố để thoát ra, ông hạ

giọng nhẹ nhàng hơn:

- Thế chúng ta, chúng ta dạy được gì cho nó chứ? Chúng ta đã thử... Nhưng như thế nào? Em thấy đấy, chúng ta không biết làm cách nào. Chúng ta không thể trông giữ nó ở nhà mãi. Nó đã quá lớn, quá khoẻ, quá nguy hiểm đối với em nó rồi. Một ngày nào đó, nó giết chết con bé mất.

Trong lúc ấy, cái đầu nhỏ tội nghiệp của Hellen lại như muốn vỡ tung vì những ý nghĩ rối bời khiến nó chao đảo. “Tại sao họ lại làm thế với mình, tại sao, tại sao?”.

Thực ra Helen chẳng biết các từ đó. Tất cả những người đang vây xung quanh, với Helen đều là “họ”. Và nó cũng phân biệt được “họ” khá rõ: bố này, mẹ này, dì này và Martha Washington, con gái bà giúp việc da đen thỉnh thoảng vẫn chơi với nó.

“Họ” là những bàn tay, những bàn tay dẫn lối cho nó, kéo nó rất nhanh về đằng sau khi nó bị cụng đầu vào tường, nâng nó dậy khi nó ngã, những bàn tay cho nó ăn, đưa đồ chơi cho nó. Có bàn tay của mẹ, thật mềm mại, dịu dàng; tay của dì to hơn một chút và ít khéo léo hơn một chút; tay của Martha bé tí và dính nham nháp; và bàn tay to khoẻ, cứng chắc là của bố, bàn tay mà giờ đây đang túm lấy nó và không chịu buông nó ra.

Còn với bàn tay của riêng mình, Helen khám phá thế giới xung quang. Đôi bàn tay là mắt, là tai của cô bé. Cô bé bị mất đi thị giác, thính giác, song cảm nhận của đôi tay – xúc giác lại phát triển một cách đặc biệt, và cả khứu giác, vị giác cũng vậy. Từ xa, Helen có thể nhận ra “họ” bằng mùi; ở gần, nó có thể nhận ra những quần áo họ đang mặc, và nó “thấy” được ai có gì mới. Nó phân biệt được những bông hoa đồng nội lẫn trong thảm cỏ; nó cảm nhận được bộ lông con Belle, con chó săn xù to lớn của nó. Nó cũng biết không nên siết quá mạnh cái vỏ ấm và nhẵn của quả trứng, vì nếu vậy, chúng sẽ biến thành một chất nhót mà những ngón tay nó không tài nào giữ lại được.

Đôi bàn tay bé nhỏ, tham lam và tò mò ấy hoạt động không ngừng, chúng trở thành công cụ cho những ý nghĩ. Con bé thường sờ soạng lâu, thật lâu, không biết chán khuôn mặt mẹ nó. Ngón tay nó lần theo đường cong của mũi, của miệng. Nó không ngạc nhiên khi thỉnh thoảng thấy đôi má mẹ nó ướt đầm nước mắt. Nó cũng thế, khi nào nó cảm thấy đau đớn, má nó cũng ướt đầm như thế. Nhưng nó ngạc nhiên vì cái miệng của mẹ thường xuyên nháy nhót. Nó cũng đã thử động dẩy đôi môi. Tại sao, tại sao “họ” lại làm thế nhỉ? Là một trò chơi à? Sao không cho nó chơi với?

Càng lớn, Helen càng thấy khổ sở bởi sự cô độc. Bàn tay người mẹ vuốt ve trên tóc nó, những nụ hôn dành cho nó, cánh tay ôm ấp nó, những cái đó vẫn luôn cần, nhưng đối với nó bây giờ chưa đủ. Những cơn giận giữ điên cuồng thường hay đến với nó hơn, bởi ngày càng có nhiều điều nó mong muốn xiết bao được trả lời, vậy mà không có cách gì để hỏi được, thậm chí nó cũng không có khả năng hình thành được một câu hỏi rõ ràng cho riêng mình.

“Tôi muốn hiểu, tôi muốn nói, tôi muốn nhìn thấy, tôi muốn nghe thấy!”. Kể từ tội khổn khổ đang gào lên trong nó. Nhưng nó chỉ có thể làm phát ra những âm thanh đứt đoạn mà nó không hề nghe được.

Sau những lần như thế, khi đã kiệt sức vì tức giận và thất vọng, Helen chìm vào giấc ngủ. Lần này cũng vậy. Ông bố và bà mẹ đưa cô bé vào giường, rồi cùng quay trở lại phòng khách.

- Không làm gì được – người cha nói – Chúng ta hoàn toàn chẳng có gì trong tay nữa, chúng ta không có khả năng bảo cho nó hiểu cái này hay cái kia là cái gì.

- Em biết – người mẹ thừa nhận – chúng mình quá nhu nhược với nó. Bây giờ nó chỉ làm theo ý nó.

- Nhưng chúng ta phạt nó bằng cách nào? Chúng ta không thể làm cho nó hiểu vì sao nó bị phạt.

Người mẹ lắc đầu:

- Phải viết thư đi Boston thôi, cho ông giáo sư mà bác sĩ Bell nói với chúng ta ấy.

Vài tháng trước, bố mẹ Helen, những người đang sống ở Alabama, vùng Tuscumbia, đã đưa con gái đến một bác sĩ nổi tiếng ở Baltimore, một chuyên gia về mắt. Mặc dù không giúp gì được cho Helen, nhưng ông ta gợi ý nên đưa cô bé đến chỗ bác sĩ Alexander Graham Bell, ở

Washington.

- Có thể bác sĩ Bell sẽ làm được điều gì đó để hồi phục thính giác cho cô bé – ông bác sĩ chuyên khoa mắt nói – Ngài Bell là một nhà khoa học danh tiếng. Chính trong quá trình nghiên cứu để hoàn chỉnh một chiếc máy có thể đem đến cho những trẻ em điếc một số âm thanh tác động được lên dây thần kinh thính giác, ông ta đã phát minh ra máy điện thoại.

Ông bà Keller lại dẫn Helen đến bác sĩ Bell. Ông khám rất kĩ cho cô bé. Ông giữ cô bé ngồi rất lâu trong lòng mình, nhìn cô bé say sưa nghịch cái đồng hồ trên tay ông.

- Tôi không thể làm gì được – ông buồn rầu nói – Nhưng thử đến Boston gặp giáo sư Michael xem sao, ông ấy đang điều hành một trường dành cho trẻ em mù: *Viện Perkins*. Trong trường, có một phụ nữ, Laura Brigman, cũng bị câm, điếc và mù như con gái các vị. Hình như ông Michael Anagnos đã tìm được cách nói chuyện với cô ta: ông ấy gõ ngón tay thế nào đó trong lòng bàn tay cô ấy, để đánh vần cho cô ấy các từ. Điều Anagnos có thể làm cho Laura Brigman, hẳn ông ta cũng có thể làm cho Helen chứ.

Đại úy Keller đã không đi gặp ông Anagnos. Không phải ông không muốn chữa chạy cho Helen, cũng không phải vì ông đã chán nản; mà trong thâm tâm ông sợ rằng vợ mình sẽ không chịu đựng nổi nếu ông bác sĩ đó cũng không thể giúp được gì. Nhưng buổi tối hôm đó, ông đọc thấy trong mắt bà lời cầu khẩn tha thiết, và ông đột ngột quyết định:

- Được rồi, chúng ta sẽ thử. Ngày mai anh sẽ viết thư cho ngài Anagnos.

2. Người lạ

Mồng 3 tháng Ba năm 1887 thực sự là một ngày trọng đại trong cuộc đời Helen Keller, một quyết định thay đổi số phận cô bé. Nhưng ngày hôm đó, Helen không thể hay biết.

Sáu tháng đã trôi qua kể từ buổi tối kinh hoàng, Helen đẩy em bé bóng ra khỏi nôi trong cơn ghen tức hung hãn. Như đã hứa với vợ, đại úy Keller viết thư cho giáo sư Agnasnos. Ông giáo sư trả lời rằng chắc chắn có thể cho Helen thử áp dụng chương trình học mà ông đã đạt được với Laura Brigman và đã có nhiều kinh nghiệm. Chương trình này sẽ phải đào tạo được những giáo viên chuyên môn do chính ông đào tạo giảng dạy. Chính vì vậy, ngày 3 tháng Ba năm 1887 ấy, Ann Sullivan, cô gái vừa tròn 20 tuổi và vừa kết thúc khoá học của mình, đã đến từ Boston; cô sẽ là gia sư cho Helen.

Helen hoàn toàn chẳng biết về sự có mặt sắp tới của Ann Sullivan. Làm sao người ta có thể báo trước cho nó được? Nhưng vài ngày nay đó thấy bồn chồn, căng thẳng, bứt rứt không yên, nó cảm thấy rõ ràng trong không khí một cái gì đó không bình thường.

Một căn phòng trên gác bấy lâu vẫn đóng kín, nay các cửa đều được mở toang và làm thoáng khí. Thay vào cái mùi ẩm mốc ban đầu là hương thơm thanh khiết từ ngoài vườn tràn vào. Mẹ của Martha Washington đi lại quét dọn. Helen dễ dàng nhận thấy sàn nhà rung theo những bước chân. Và nếu Helen lại gần bác ta khi bác ta đang giữ các khăn lau đầy bụi, Helen sẽ bị hắt xì hơi. Giường trải “ga” mới, sạch sẽ, chúng thật mát, thật mịn và được vuốt rất thẳng mịn. Người ta đem vào phòng và treo lên giá những chiếc khăn mặt, khăn tắm thơm tho, mềm mại và hơi lấm lấm.

Còn từ dưới bếp lúc này lại đang toả ra mùi thức ăn quyến rũ. Mẹ của Martha đang làm một cái bánh Gatô rất to. Bác ta để cho Helen liếm cái soong còn dính chút kem đường.

Tất cả các mùi ấy, tất cả các thứ bánh kẹo ấy khiến nó càng thêm lo lắng và đau khổ. Nó không hiểu những điều gì đang diễn ra, chúng làm tăng sự tò mò trong nó, nó mong muốn mãnh liệt được hỏi, được biết. Lòng nó chỉ yên ổn khi được sống trong bầu không khí thân thuộc, khi không có điều gì làm nó ngỡ ngàng hoặc làm xáo trộn những thói quen của nó, khi nó còn có thể sờ được lớp vải của những chiếc váy mẹ hay mặc; nhưng ngay khi nó bỗng nhiên cảm thấy một *cái mới* thì hàng loạt câu hỏi cứ dồn ứ trong đầu nó, khiến nó âu lo không dứt. Và nó trở nên khó chịu, căng thẳng, ủ buồn.

Nó theo mẹ ra cổng, bấu thật chặt vào vạt áo măng-tô của mẹ. Bà Keller đang chuẩn bị ra ga

đón cô Ann Sullivan. Helen không biết chuyện ấy, nhưng nó đã sờ thấy áo măng-tô và mũ. Đã sờ thấy tức là đã nhìn thấy. Nó biết rõ những thứ này hàm ý gì: mẹ nó sắp đi. Nó muốn đi theo mẹ.

Bố cũng vừa đến bên. Helen bỗng sững người. Nó biết người ta đang dẫn xe ngựa tới. Những rung động của đá lát đường theo tiếng vó ngựa đều đặn tưởng như không tồn tại, nhưng Helen lại có thể nhận ra từ rất xa. Nó nắm chặt vạt áo của mẹ nó hơn, nhưng đôi bàn tay to lớn của bố nó đã kéo nó ra. Nó oà khóc, những âm thanh ngăn ngắt trong cổ họng. Helen vùng chạy, nghiêng ngả đuổi theo chiếc xe ngựa. Bố nó giữ lại, dúm cho nó mấy viên kẹo bạc hà. Helen nhét chúng vào miệng, nhưng chúng không đủ để an ủi nó. Nó chậm chậm trở vào nhà, và nó đợi. Khuôn mặt nhem nhuốc giữa nước mắt, đầu tóc rối bù. Bà mẹ không bao giờ muốn bị là người đối địch với đứa con gái bất hạnh nên đã cố gắng chải đầu và cắt tóc cho cô bé ít nhất có thể. Thế nhưng, phải nói rằng Helen vẫn là một cô bé xinh xắn.

Từng phút trôi qua đối với nó thật lâu, trong thời gian đó, nó gặm nhấm nỗi buồn của mình, những ý nghĩ rối bời nhảy nhót trong đầu nó. Và rồi nó cảm thấy những rung động dưới chân mình. Xe ngựa đã về.

Có ai đó đến gần Helen, gần, rất gần. Helen nhảy xổ ra đằng trước, gặm gù... và nó thấy mình ở trong vòng tay một người không quen biết. Ai đó vừa đến cổ vóc dáng gần như mẹ, mặc áo dài và một chiếc áo măng-tô. Cô ta không thơm như mẹ. Helen nhận được cái mùi toả ra từ cô ta, cái mùi nó đã gặp khi đi đi tàu đến Baltimore để gặp ông bác sĩ mắt: mùi than.

- Cô Sullivan, cô là vị khách quý mà chúng tôi mong đợi đã từ lâu – ông Keller nói – chúng tôi vô cùng sung sướng vì cô đã đồng ý đến đây chăm sóc con gái chúng tôi...

Helen, dĩ nhiên, không nghe thấy gì cả. Nếu nó biết tất cả các từ, tất cả các câu mà nó không hề có, nó sẽ gọi người mới đến là *Người Lạ*. Và trên thực tế, dù không thể gọi được bằng những chữ cái đó, nhưng thời gian đầu khi cô Ann Sullivan mới đến, quãng thời gian ngắn ngủi nhưng tưởng như rất dài với cả hai người, trong suy nghĩ của Helen, cô Ann chỉ hoàn toàn là một *Người Lạ*.

Một chiếc túi du lịch để dưới đất thúc vào chân Helen. A, đây là thứ nó thích đấy! Thịnh thoảng nó vẫn thấy có kẹo từ trong các túi như thế.. Đôi bàn tay nó nhoay nhoáy mở túi, sờ soạng và bắt đầu lôi các thứ đồ đạc của *Người Lạ* ra. Cô Ann nhẹ nhàng nhắc chiếc túi sang bên. Helen xô mạnh vào cô một cách hung bạo, đến nỗi không có ông Keller đỡ kịp thì cả hai đều ngã bổ xuống đất.

Nhưng sự tò mò của Helen còn lớn hơn sự tức tối nhiều. Chính sự tò mò ấy đã cho thấy đây là một cô bé rất thông minh. Nó theo người lạ vào tận phòng riêng. *Người Lạ* đang mở túi du lịch, vừa làm vừa phải cố đẩy đôi tay lấm lem của Helen ra – đôi tay muốn được *trông thấy*. Cô lấy từ trong túi ra một con búp bê và đặt vào tay Helen. Con bé lập tức sờ nắn con búp bê, xem mặt, xem tay, xem chân nó, kích động và phấn chấn ra mặt. Rồi nó vuốt ve con búp bê, áp nó vào má, khẽ đu đưa nó, như tất cả những đứa bé khác thường làm.

Người Lạ nắm lấy tay Helen, dắt nó ra bàn. Cô ta đặt tay nó lên đó, ngửa lòng bàn tay lên. Những ngón tay của cô đưa đi đưa lại thật chậm trong lòng bàn tay bé nhỏ đang xoè rộng.

Cô lặp đi lặp lại những đường nét ấy thật nhiều lần, còn Helen thì chờ đợi, tò mò vì trò chơi mới. Rồi cô cầm tay kia của Helen và cho nó làm những động tác như cô vừa làm, những ngón tay đưa đi đưa lại trong lòng bàn tay, hết lần này đến lần khác. Những ngón tay ấy đang đánh vần một từ: “b-ú-p-b-ê, b-ú-p-b-ê”. Helen rất thích thú. Nó thử bắt chước Ann, lúc đầu không đạt, sau rồi nó có thể lặp lại nhiều lần mà không phạm lỗi nào.

Người Lạ bỗng lấy lại con búp bê trong lòng Helen. Cô sẵn sàng trả ngay khi Helen đòi hỏi, tức là khi Helen đánh vần bằng tay hai từ *búp bê* vừa rồi.

Nhưng Helen không hiểu. Nó chẳng thấy cái trò chơi khá thú vị với những ngón tay múa có chút liên hệ nào với con búp bê mà người ta vừa lấy đi của nó. Nó không biết *xin lại* bằng cách ấy. Nó chỉ biết giằng lấy, kêu khóc hoặc lăn ra sàn nếu ai lấy đi cái gì mà nó thích.

Nó lại xổ về phía *Người Lạ* với cái vẻ hung hăng quen thuộc và đập đập hai tay để tìm con

búp bê. Và vì không thể giành được, nó chạy ra cửa, hai tay giơ về phía trước. Nó bỏ đi.

Người La không tìm cách để giữ nó lại. Cô quay ra sắp xếp đồ đạc của mình. Helen không biết rằng người ta vừa dạy cho nó bài học đầu tiên. Nhưng Người La thì biết rất rõ và cô nhận thấy cô bé hoàn toàn có khả năng học được. “Helen, tôi biết là em có thể, tôi sẽ làm tất cả để đưa em ra khỏi đêm tối ấy”.

3. Cuộc đấu quyết định

Người La nhận ra ngay: Điều đầu tiên cần phải dạy cho Helen là đó là sự vâng lời. Ông bà Keller chưa bao giờ dám thật sự trách phạt con gái mình, ngay cả khi nếu có muốn đi nữa, ngay cả khi nếu có muốn đi nữa, họ cũng không biết cách nào để thực hiện điều đó, vì họ không có cách nào để nói với nó. Tất cả những điều ông bố có thể nghĩ ra để xoa dịu những cơn nổi loạn của đứa con gái là: cho nó kẹo.

- Cô bạn nhỏ của tôi ơi, chúng ta giống nhau cả thôi! – Người La tự nhủ - Bạn cứng đầu đấy, nhưng tôi, tôi cũng thế.

Cuộc chiến đầu tiên mà mọi người còn nhớ được xảy ra vào một bữa sáng, ít ngày sau khi Ann Sullivan tới.

Helen thường cư xử rất tệ. Nó không biết dùng thìa và không muốn ngồi nguyên chỗ của mình. Nó thường chạy quanh bàn và bốc thức ăn trong đĩa của bố, của mẹ và cả của khách nếu có họ ở đó. Khứu giác nhạy cảm đặc biệt chỉ chỗ cho nó và nó bốc tất cả những gì nó thấy thơm.

Từ khi nó còn bé, mọi người luôn nhìn nó với con mắt thương cảm, con bé xinh xắn là thế, vậy mà bất hạnh thế. Người ta thường để nó làm những gì nó thích, người ta chơi với nó như với một con chó nhỏ. Khi nó lấy một mẫu thức ăn trong đĩa, những người khách cũng chẳng lấy thế làm bực mình, họ dịu dàng xoa đầu nó.

Buổi sáng hôm ấy, Helen sục tay vào đĩa Người La và định bốc món trứng chưng. Người La đẩy cái tay bẩn của nó ra. Nó vừa vươn người định làm lại thì bị đánh đét vào mu bàn tay.

Helen nổi điên, nó lăn ra đất và bắt đầu tru lên.

Dưới cái nhìn kinh sợ của ông bà Keller, Người La đến bên đứa trẻ, nâng nó dậy, túm lấy hai vai nó bắt nó ngồi lên ghế. Helen vặn vẹo người, dấm đá lung tung, nhưng Người La vẫn coi như không hề gì.

- Các vị đừng lo... nhưng tôi xin các vị, hãy để tôi được làm. Chỉ là một cơn cáu giận đơn thuần thôi, chúng ta không được phép nhượng bộ - Người La nói, cô nhận thấy nét hời hợt trên khuôn mặt người cha và người mẹ.

Cuối cùng cô cũng để được chiếc thìa vào tay Helen. Vừa giữ chặt tay cô bé, Ann vừa chỉ cho nó cách làm thế nào để xúc được trứng chưng bằng thìa. Rồi cô lại cố đưa thìa trứng vào miệng Helen, nhưng con bé đẩy tay cô ra và quẳng thìa xuống đất.

Người La nhắc Helen ra khỏi ghế, ấn nó cúi xuống và túm chặt lấy tay nó đưa về phía chiếc thìa, buộc nó phải nhặt lấy. Rồi cô lại bắt nó ngồi lên ghế.

Helen khóc, nó tự hỏi tại sao người ta lại cư xử với nó thô bạo như thế. Nó không thể hiểu rằng, đây là lần đầu tiên người ta cư xử với nó như một người bình thường, không phải như một con thú nhỏ đáng thương.

Ông đại úy Keller quăng chiếc khăn ăn lên bàn, đứng dậy:

- Tôi không thể chịu nổi cảnh này – ông nói và bỏ ra khỏi phòng ăn.

Bà vợ cũng đi theo.

Người La khoá trái cửa lại sau lưng họ. Rồi cô quay lại bàn, cố ăn nốt bữa sáng một cách bình thản, dù cô chẳng muốn chút nào. “Phải tham chiến thôi, dù có ra sao đi nữa!”.

Helen bắt đầu cấu véo, Người La đánh cho nó một cái.

Helen tụt xuống ghế, mò mẫm men theo cạnh bàn. Không có ai ở chỗ bố, không có ai ở chỗ mẹ. Nó ngạc nhiên quá, chưa bao giờ nó ở trong hoàn cảnh thế này, hoàn toàn đơn độc. Helen quay lại chỗ Người Lạ. Nó không bốc thức ăn trong đĩa nữa. Nó đặt tay lên tay Ann, nó lần theo những động tác của cô, đưa lên đưa xuống, từ đĩa lên miệng, rồi lại từ miệng xuống đĩa.

Một lần nữa, Người Lạ đặt thìa vào tay Helen rồi hướng dẫn nó xúc thức ăn vào miệng. Lần này, nó để yên cho cô làm, và vì nó đã rất đói nên nó ăn hết bữa sáng mà không tỏ ý giận giữ.

Vừa ăn xong, nó giật ngay cái khăn ăn mà người ta đã buộc quang cổ nó, vứt xuống đất. Nó nhảy ra khỏi ghế và chạy ra phía cửa. Khi nhận ra không thể mở được cửa, một cơn tức tối khủng khiếp lại trào lên trong nó, nó nắm chặt tay, đấm bình bình vào cửa. Người Lạ đến gần nó, nhưng không mở cửa cho nó mà dẫn nó lại cạnh bàn và buộc nó nhặt cái khăn lên. Cô muốn dạy nó cách gấp cái khăn lại, nhưng Helen vứt ra và nó lăn xuống đất, đập chân đập tay tứ tung.

Thay vì đỡ nó dậy, Người Lạ làm như không hề có nó ở đó, lẳng lặng ăn tiếp bữa sáng.

Helen không hiểu. Nó không hiểu vì sao cái trò rất có hiệu quả hàng ngày của nó lại chẳng có tác động gì đến Người Lạ. Nó thử cố kéo cái ghế Người Lạ đang ngồi, cố ấn cho cô ta ngã nhưng không được. Nó mất hết dũng khí, nó thất vọng tràn trề, nó khóc. Tại sao sáng nay mọi thứ lại quá tồi tệ đến thế? Những ý nghĩ không thành hình dày đặc trong đầu nó, nhưng cũng có thể tóm gọn lại một điều đơn giản: “Tôi căm thù người!”.

Ann Sullivan cũng đang rối bời. Bài học đầu tiên này thật không hơn một buổi huấn luyện thú.

Trước khi Helen trở thành một con người thực sự, nó phải là “một con thú được dạy dỗ” đã, và có lẽ, còn lâu mới đạt được điều đó.

Buổi sáng chậm chạp trôi qua. Nhiều lần Helen chạy ra cửa, nhưng cửa vẫn đóng chặt và Helen lại diễn lại vở cũ: kêu, khóc, đấm, đá...

- Tôi sẽ phải đợi đến lúc em kiệt sức mất thôi – Người Lạ thở dài.

Nhưng hết lần này đến lần khác, cô vẫn cố thử cầm tay Helen, bắt nó nhặt lại khăn ăn. Nhưng chẳng được việc gì. Lần nào Helen cũng đẩy ra.

Ở bên ngoài, ông Keller vừa đi về phòng làm việc của mình vừa gầm lên: “Giá tôi có thể tổng cổ cô ta về Boston ngay bây giờ!”. Bà mẹ thì giám mình trong một căn phòng ở tầng hai xa phòng ăn nhất để không thể nghe thấy gì. Bác giúp việc bắt đầu tự hỏi không biết đến bao giờ mình mới có thể vào dọn bàn...

Helen cuối cùng đã mệt nhoài, nó nằm dưới đất, đầu rúc vào hai cánh tay.

Người Lạ nhẹ nhàng ngồi xuống bên nó, vuốt tóc nó, và lại một lần nữa, nâng nó dậy, cầm bàn tay nó, nắm lấy chiếc khăn ăn, rồi đưa nó về bàn.

Helen chẳng hề chống cự, nó để yên cho Người Lạ dẫn dắt. Cô giúp nó gấp chiếc khăn ăn, đặt lên bàn. Rồi Người Lạ dẫn nó ra cửa, mở cánh cửa thật rộng.

Và cái cô bé lấm chাম chạy ra vườn chơi giờ đã hoàn toàn là một cô bé hiền lành.

Ann Sullivan đi lên gác, cô gặp bà Keller ở chiếu nghỉ.

- Helen đã ăn xong bữa sáng và xếp khăn ăn gọn gàng rồi – cô nói, nhưng âm điệu lại chẳng có chút hân hoan nào về chiến thắng đầu tiên ấy.

Đến khi chỉ còn một mình trong phòng. Ann Sullivan buông mình xuống giường, bật khóc.

4. Những trò chơi mới

Trận chiến đấu trong bữa sáng ấy là trận đầu tiên và cũng là trận ác liệt nhất trong những trận chiến đấu giữa Helen và Người Lạ. Nhưng đó không phải là những khó khăn duy nhất mà Ann Sullivan phải đối mặt.

Sống cùng gia đình Keller một tuần, Ann Sullivan nhận ra rằng, nếu cô không tách Helen ra

khỏi bố mẹ, cô tuyệt đối sẽ không làm được điều gì. Khi cô phạt con bé, cho nó quen với nề nếp và sự vâng lời, những điều cần thiết để Helen có thể học được cái gì đó cao hơn, thì ngay lập tức bố mẹ con bé can thiệp. Nhất là người cha, ông ta không thể chịu đựng được khi thấy con mình khóc. Ông ta, cho đến bây giờ vẫn là người duy nhất có một chút quyền lực nào đó với con bé, không thể quen được với việc thấy người khác thay thế vào vị trí của mình. Với ông ta, Ann Sullivan cũng chỉ là *Người Lạ*. Ông cảnh giác với cô, và tự nhiên, ông ta đã cùng đưa con gái bé nhỏ hợp thành một phe chống lại cô gia sư.

Nhưng cũng thật đau lòng, bởi chính trong lúc ấy, ông lại mong mỏi với cả trái tim mình rằng Ann Sullivan có thể đưa Helen ra khỏi bóng tối cô độc.

Helen cảm thấy ngay bố mẹ đồng tình với nó chống lại Người Lạ. Mỗi lần cô ta bắt nó làm theo một điều gì đó, thì nó chạy về phía bố mẹ và y như rằng có hiệu quả, họ nhượng bộ ngay.

- Chúng ta không thể làm thế - một hôm, bà Keller chân thành tâm sự cùng cô giáo - Chúng tôi rất thương nó, con bé tội nghiệp.

- Helen không cần lòng thương hại của các vị - Ann Sullivan phản đối thẳng thừng - Lòng thương hại của các vị đã và sẽ không bao giờ giúp gì cho nó hết. Thậm chí còn làm hại nó. Cái mà Helen cần ở các vị đó là sự giúp đỡ.

- Nhưng chúng tôi làm được gì? - Bà Keller thở dài.

- Tôi biết rõ điều cần phải làm! - Ann Sullivan đáp - Trước tiên bà cần nói chuyện với đại úy Keller. Nếu tôi ở một mình với Helen, chắc chắn tôi có thể khiến em vâng lời. Ở đây, con bé có thể chạy lại bên các vị mỗi khi tôi đòi hỏi làm điều gì. Đối với Helen, tôi là *Kẻ thù*, vì nó thấy rõ các vị không bao giờ đồng tình với tôi. Nếu bà muốn tôi giúp Helen, muốn tôi có thể dạy cho em điều gì đó, việc cốt yếu là cần phải để con bé tin tưởng tôi và để tôi không phải là *Kẻ - luôn - luôn - trừng - phạt*.

Bà Keller đồng ý.

- Chúng tôi có một ngôi nhà cách đây khoảng 500m. Lúc đi dạo, chắc cô cũng đã đi qua đó. Nó không lớn, nhưng chúng ta có thể dễ dàng sắp xếp mọi thứ. Cô có thể sống ở đó một thời gian với Helen.

- Đó đúng là cái chúng ta cần! - Ann Sullivan vui mừng.

Bây giờ chỉ còn phải thuyết phục ông Keller. Ban đầu, ý tưởng đó không làm ông hài lòng chút nào.

- Helen sẽ rất buồn khổ. Con bé tội nghiệp. Nếu mang nó đi xa chúng ta, nó sẽ ốm mất.

Nhưng để người vợ vui lòng, ông đã chấp nhận để Ann Sullivan thử.

Ngày hôm sau, Helen được đi chơi bằng xe ngựa. Đây là một trong những thú vui giải trí mà nó thích nhất. Nó vui sướng ra mặt. Nhưng nó không được trở về nhà, mà lại thấy mình ở một nơi xa lạ, một mình, với Người Lạ.

Ban đầu, điều đó không làm nó ngạc nhiên quá đổi. "Họ sẽ đến tìm mình" - nó nghĩ - "từ trước đến nay họ vẫn luôn làm như vậy".

Đến giờ đi ngủ, mọi hi vọng của nó đều đã tan biến. Helen đã quen ngủ một mình trong cái giường nhỏ của nó. Buộc phải trèo lên chiếc giường to và lạnh, nó đã cảm thấy rất kinh khủng rồi - cái giường nó chưa hề biết bấy lâu nay. Mọi *sự thay đổi* đều gọi tò mò cho Helen, đôi khi cũng khiến cô bé thích thú, nhưng chúng vẫn luôn đặt nó trong tình trạng bứt rứt, căng thẳng.

Và khi Người Lạ trèo lên giường với nó thì thật quá sức chịu đựng, nó nổi khùng.

- Không, không! - nổi giận dữ hét lên trong nó - Cút đi! Cút đi! Tôi căm thù cô! Tôi căm thù cô!

Nó nhảy xuống giường, và phải mất hai giờ sau Người Lạ mới đưa nó nằm yên trở lại. Nó đã mệt phờ, nó ngủ, bám sát mép giường, cố tránh xa Người Lạ nhiều nhất có thể được.

"Có lẽ phải bảo mang cái giường của Helen đến đây... Mà không, cần phải tạo cho con bé cảm giác bơ vơ, lạc lõng nhất, cần tạo ra một môi trường xa lạ hoàn toàn... Để cuối cùng mình có thể

thuần phục được cô bé...” – Ann Sullivan tự nhủ.

Những ngày sau đó, Helen bận rộn đến nỗi ít nhiều đã bắt đầu quên đi lòng căm thù với Người Lạ. Có quá nhiều điều hấp dẫn cho nó làm. Nó không có thời gian để lăn ra đất, để dẫm đá lung tung, thậm chí không còn thời gian để dè chừng, để căm ghét Ann Sullivan.

Để bắt đầu, Người Lạ đưa cho nó những hạt cườm và một sợi dây. Những hạt cườm có kích cỡ và hình dạng khác nhau. Một số viên bằng gỗ, một số khác bằng thủy tinh.

Những ngón tay linh hoạt và nhạy cảm của Helen học rất nhanh cách xâu những viên đá, cách chọn lựa chúng, cách phân chia chúng thành những đồng nhỏ riêng biệt. Người Lạ đã dạy nó tạo nên một chuỗi vòng khá phức tạp: hai viên ở đồng này, ba viên ở đồng khác,... Helen làm được điều đó một cách dễ dàng đáng ngạc nhiên.

“Vui thật...” – Có lẽ con bé đang nghĩ vậy, và lần đầu tiên kể từ khi hai cô trò sống một mình, Người Lạ thấy Helen mỉm cười.

Trò chơi tiếp theo còn khó hơn. Người Lạ đưa cho Helen một cuộn len và một cây kim móc. Vừa cầm tay nó, cô vừa dạy cho nó cách tạo ra một cái khuyên nút, dạy nó cách đưa mũi kim qua rồi rút lại, và lặp đi lặp lại như thế để tạo ra một dây xích dài.

Helen thích mê, nhưng nó nhằm liên tục. Nó hoàn toàn quên hẳn nó ghét Người Lạ - Kẻ thù thế nào; chốc chốc nó lại trèo lên đầu gối cô, đưa cho cô tác phẩm của mình, cầm lấy tay cô để cô chỉ cho nó chỗ nào chưa ổn.

“Mình có thể làm được mà!” – nó tự nhủ - “Mình sẽ làm được...”.

Con bé tiếp tục công việc suốt cả ngày, và nó làm được một sợi dây len dài gần bằng chiều dài căn buồng. Nó mỉm cười sung sướng khi Người Lạ thưởng cho nó một chiếc bánh Ga-tô to. Và, lúc cảm thấy bàn tay Người Lạ đặt trên vai mình, nó không tránh ra nữa.

Song thú vị nhất vẫn là “trò chơi những bàn tay”. Helen dĩ nhiên không biết rằng Người Lạ đang dạy nó bằng chữ cái.

Bảng chữ cái bằng tay là một ngôn ngữ dùng ký hiệu. Nó được một người Pháp, một tu sĩ dòng Épée, phát minh vào thế kỷ 18, giúp cho những người câm điếc có thể nói bằng tay. Học nói bằng bảng chữ tay không quá khó, để ý kỹ ta có thể nhận thấy mỗi vị trí khác nhau của ngón tay mang hình dạng hao hao giống một chữ cái, chỉ cần quan sát cẩn thận, ghi nhớ rồi thực hiện bằng các ngón tay của mình.

Helen không chỉ câm điếc mà còn mù, nên chỉ có thể học và sử dụng nó bằng xúc giác. Muốn dạy cô bé học một chữ cái phải ấn, gõ, vẽ trong lòng bàn tay, kết hợp cả bảng chữ cái bằng tay và bảng chữ cái bằng tín hiệu Moóc. Sau đó, Helen sẽ tập làm lại bằng tay mình những gì đã học, và *nói*.

Công việc sẽ kéo dài rất lâu và nhàm chán nếu Helen không có một trí tuệ sinh động đến thế. Cô bé không hề là một đứa trẻ dần dần đáng thương như người cha từng lo sợ; trái lại, em có một trí thông minh đặc biệt, có trí nhớ tốt khác thường. Trong vài ngày, Helen học được cách lặp lại tất cả các chữ cái trong bảng chữ cái. Cô Ann không dạy từng chữ riêng rẽ theo thứ tự: a, b, c, ... mà dạy em trong tổng thể dưới các dạng từ.

Mỗi ngày, Helen được học một số từ mới: b-á-n-h m-ỳ, n-ư-ớ-c, c-h-é-n, H-e-l-e-n, b-ố, m-ẹ, e-m b-é, ...

Vào lúc ấy, những từ đó chẳng mang ý nghĩa gì đối với Helen. *Trò chơi những bàn tay* chỉ là một trò chơi. Helen hãnh diện vì nó có thể ngoáy nhanh nhao các ngón tay như Người Lạ, lặp đi lặp lại rất nhiều lần các động tác khác nhau. Với cô bé, dù rất mơ hồ, nhưng trò chơi này là một cách để em bé thể hiện mình, liên hệ với thế giới chung quanh.

Ngày nào Người lạ cũng lặp lại những bài tập ấy, cô nhìn Helen và nói một mình:

- Sẽ đến một ngày, những từ này sẽ mở cho em các cánh cửa nhà tù, Helen bé bỏng ạ... Cô không biết khi nào, nhưng chúng ta sẽ tới được ngày đó. Cần phải như vậy!

Sáng sáng, trên đường đi làm, ông Keller thường dừng lại trước cửa sổ căn nhà con gái để nhìn nó. Helen không nhìn thấy dáng ông, không nghe thấy tiếng ông, vì vậy hẳn cũng không

biết ông đang đứng đó.

“Nó mới hiền lành làm sao!” – Ông nhủ thầm khi xem con chơi với các viên sỏi và cây kim móc – “...nó không còn là con bé trước đây nữa, đúng là một phép màu...”.

Một buổi, ông dắt con chó Belle của Helen đến ngôi nhà nhỏ. Helen nhận ra bộ lông mềm mại của người bạn, cô bé sướng rơn. Helen ve vuốt con chó, ôm lấy nó. Rồi cô bé ngồi xuống nền đất, cầm một bàn chân Belle lên và bắt đầu vận vẹo các ngón chân ngắn tũn của nó.

- Con bé làm gì thế? – Người cha đứng bên cửa sổ hỏi.

Người Lạ nhìn bàn tay Helen, mỉm cười trả lời:

- Ông nhìn xem, lạ chưa, Helen đang dạy con chó cách đánh vằn. Cô bé đang cố bắt Belle đánh vằn từ b-ú-p b-ê.

Ông Keller lắc đầu vẻ hoài nghi:

- Để làm gì? Con bé đâu có hiểu ý nghĩa của việc đó. Với nó, đó chỉ là một trò chơi...

Một ánh nhìn như van lơn hiện lên trong mắt Người Lạ, cô khẽ nói:

- Sẽ đến một ngày cô bé biết nghĩa của các từ đó. Hãy cho cô bé thời gian, dù chỉ một chút thời gian thôi...

5. N-Ư-Ớ-C

Ngày hôm đó bắt đầu thật tệ. Đó là ngày mùng năm tháng tư, một tháng hai ngày sau khi cô Ann Sullivan đến gia đình Keller.

Theo yêu cầu của ông đại úy Keller, người chỉ nhất nhất muốn thấy con ở gần mình, Ann và Helen đã rời căn nhà nhỏ trở về. Cô Ann đã chấp thuận vui vẻ, vì giờ cô có khá đủ uy tín với đứa trẻ rồi và cô có thể dễ dàng khiến Helen vâng lời. Khi cô Ann cấm Helen làm điều này hay điều kia, hay yêu cầu em ngồi ngay ngắn ở bàn ăn, cô bé không còn chạy đến tìm sự bảo vệ sau váy mẹ nữa. Ông bà Keller kinh ngạc vì những kết quả mà Helen đạt được, đã ngày càng thêm gần gũi và quý trọng Ann; song họ vẫn giữ những định kiến không như cô mong muốn.

Ann nhắc họ nên học trước bảng chữ tay. Bà Keller bắt tay vào học rất nhanh nhưng ngài đại úy thì chẳng có chút cố gắng nào.

- Để làm gì? – Ông nhắc lại, buồn bã.

- Sớm hay muộn, ngài sẽ cần đến nó – Ann Sullivan trả lời – và có lẽ sẽ sớm hơn ngài nghĩ ... Helen sẽ biết ý nghĩa của các từ, em sẽ nhận ra được mối liên hệ giữa các từ với các sự vật. Rồi ngài sẽ có thể nói chuyện với cô bé, ngài có hiểu không? Ngài có thể giao tiếp với Helen, hỏi Helen và Helen sẽ trả lời ngài.

Đại úy Keller lắc đầu e ngại. Ông không muốn ảo tưởng vào một hi vọng, mà theo ý ông, hoàn toàn điên rồ. Việc con gái ông ngoan và lành tính hơn như vậy là tốt lắm rồi.

Rõ ràng Helen ngoan hiền hơn nhiều so với trước đây. Mọi người đều có chung nhận xét ấy. Nó không còn nổi cáu nữa, đúng hơn là rất hiếm khi, và cơn giận giữ cũng không kéo dài lâu. Nó có quá nhiều cái hay để làm, hơn là việc lăn ra đất tru tréo. Bây giờ nó rất bận rộn, nó bị gây tò mò không ngừng, luôn muốn chú tâm vào những trò chơi, những công việc nhỏ nhỏ mà cô Ann đã chuẩn bị cho nó. Nó không còn bị những cơn khủng hoảng, âu lo biến nó thành đứa trẻ hung dữ nữa.

Nhưng sáng hôm đó nó thấy thật khó chịu, cáu bẳn, bức bối. Bỗng nhiên không có gì khiến nó vui nữa: trò chơi với các đồ vật, những ngón tay ngo ngoáy, tất cả đều như trâu tặc nó.

“Mình biết tất cả những cái này rồi mà” – Nó tự bảo – “Tại sao cứ chơi đi chơi lại một trò chơi như thế?”

Suốt buổi sáng, Người Lạ đánh vằn mãi hai chữ trong lòng bàn tay Helen: n-ư-ớ-c và c-h-é-n. Cô đánh vằn từ c-h-é-n rồi đặt cái chén vào lòng bàn tay Helen. Sau đó, cô rót nước vào chén,

nhúng ngón tay Helen vào, và cô đợi, hi vọng rằng Helen sẽ có phản ứng, đánh vần chữ n-ư-ớ-c lên tay cô.

Helen không hiểu điều cô Ann chờ đợi ở nó, nó trung thành lặp lại những động tác của Người Lạ, nó viết đi viết lại không biết mệt mỏi từ *chén*. Nó nhận ra ngay đó không phải điều cô Ann mong muốn.

“Nhưng thế thì cô muốn gì?” – nó bắn khoản tự hỏi – “Cô biết mình không hiểu mà... nếu mình biết, mình sẽ làm mà”.

Helen bắt đầu căng thẳng.

“Hôm nay không nên tiếp tục nữa” – Ann tự bảo, khi nhìn thấy Helen sắp sửa đập cái chén – Chúng ta nghỉ một lát. Nay, em cầm lấy...

Cô đưa cho Helen con búp bê mà em rất thích, đây là con búp bê mà cô đã cho Helen hôm đầu tiên đến đây. Món quà này do các em bé mù ở Viện Perkins muốn dành tặng Helen. Tất cả những đứa trẻ đó đều rất yêu quý cô giáo Ann. Vì vậy chúng tỏ ra buồn rầu khi biết cô Ann sẽ rời khỏi trường. Nhưng cô Ann đã giả thích cho lũ trẻ rằng cô đi để chăm sóc cho một bé gái, cô bé đó cần cô hơn tất cả các em. Những đứa trẻ rất xúc động, đã quyết định tặng cho cô bé ấy một con búp bê và chính Laura Brigman, người phụ nữ cũng bị mù, câm, điếc như Helen đã sắm sửa trang phục cho nó. Tất nhiên, Helen chẳng biết tí gì về chuyện ấy. Nhưng cô bé thích con búp bê mới lắm, em thường chơi với nó suốt, khi thì đặt con búp bê mới ngồi cạnh con búp bê vải cũ, khi thì ru nó ngủ trên chiếc giường nhỏ mà người ta đóng cho Helen để thay chiếc nôi đã dành cho em bé.

Rõ ràng Helen rất thông minh, những ngón tay của Helen nhận ra đôi mắt của búp bê mới. Búp bê cũ (nói đúng ra chỉ là một cái túi vải bông được tạo hình đôi chút) không còn mắt nữa; Helen đã mang nó và hai hạt cườm đến đưa cho cô Ann, cô hiểu ngay Helen muốn cô đính hai hạt cườm lên khuôn mặt búp bê vải để làm cho nó đôi mắt.

Nhìn Helen trở lại hiền lành và vui vẻ giữa đám đồ chơi, cô Ann muốn thử thêm lần nữa, cô đưa cho Helen cái tách rỗng, và đánh vần bằng ngón tay: c-h-é-n, rồi cô rót nước vào tách và đánh vần: n-ư-ớ-c. Helen nổi cáu vì bị làm phiền, và nhất là vì bất lực vì không hiểu được trò chơi cô Ann cứ ngoan cố bắt nó chơi là gì. Helen túm lấy con búp bê, quăng xuống đất. Cái đầu con búp bê vỡ tan tành.

Khi sờ thấy những mảnh vỡ cô Ann vừa gom lại đưa nó vứt vào thùng giấy, Helen lặng đi. Nó không lăn ra đất, không đập chân đập tay. Nó co mình nằm trong ghế bành, không khóc, không gầm gừ, nhưng đáng vẻ nó biểu lộ một điều rất rõ ràng: tôi chẳng làm được gì tốt hết, để cho tôi yên.

Làm thế nào để cho cô bé khuây khỏa bây giờ? May thay, cô Ann biết một cách hay tuyệt. Cô đưa cho Helen một chiếc mũ rơm rộng vành. Helen nhồm ngay dậy. Mũ, có nghĩa là vườn, là mặt trời, là dạo chơi, là biết bao điều thú vị!

Có điều, Helen không biết rằng bài học vẫn chưa chấm dứt. Người Lạ vừa nảy ra một ý: cô mang theo cái tách và dắt Helen hướng về giếng nước cuối vườn.

Helen rất thích vườn. Nó thích mùi của cây kim ngân, mùi của những cây hoa hồng leo bò dọc theo ngôi nhà. Nó thích sờ những chiếc lá dày và gai sần của hàng rào hoàng dương. Nó cảm thấy trên cánh tay, trên bàn tay cái nóng ấm của mặt trời và nó nhận ra những rung động trong không khí từ những con ong bay vo vo, những con chim ruồi bay vù vù xung quanh. Không có gì khiến nó lo sợ, tất cả đều thật tuyệt.

Lúc này hẳn người làm vườn đang kéo nước bên bờ giếng. Ann dẫn Helen đến chỗ ông, và lại một lần nữa đặt cái chén “đáng ghét” vào tay em, rồi nghiêng gàu cho nước chảy xuống.

Ý nghĩ đầu tiên đến với Helen là tức giận, là ném cái chén đi, nhưng nó vốn rất thích cảm giác mát mẻ bao trùm chung quanh bờ giếng này, nó mê cái mát lạnh của nước. Nó thường chơi với nước, nghe nước chảy dịu dàng qua các kẽ ngón tay.

Cô Ann cầm bàn tay Helen và đánh vần lên đó từ n-ư-ớ-c, ban đầu chậm, thật chậm, rồi nhanh dần.

Đột nhiên Helen buông rơi cái chén. Nó đứng bất động, cứng đờ người, tưởng như ngừng thở. **NÓ BIẾT RỒI!** Nó đã hiểu, cuối cùng nó đã hiểu! Một cái gì đó xuất hiện mơ hồ, rồi rất rõ ràng, bỗng chợt đến, một ý nghĩ mới lạ bắt đầu quay quay trong trí: “N-ư-ớ-c! N-ư-ớ-c! Cái thứ tuyệt vời mát lạnh, cái người bạn thân thuộc ấy, đó là n-ư-ớ-c đó sao?”

Helen vội cầm tay Người Lạ. Những ngón tay run run đánh vần: n-ư-ớ-c. Vừa viết xong, Helen thấy ngay đôi tay Người lạ ôm lấy đôi vai nó – một lời khen ngợi. Nó đã đúng, đúng rồi!

Đây chính là lần đầu tiên trong đời Helen Keller *nói* với người khác. Suốt cuộc đời em sẽ ghi nhớ giây phút kì diệu này, từ giây phút ấy, ngôn ngữ sẽ không còn là điều bí mật đối với em nữa.

Đôi mắt Người Lạ ướt đầm, cô bật kêu lên:

- Helen, em đã hiểu! Em đã hiểu rồi!

Helen không thể nghe thấy điều đó. Nhưng em biết rằng em vừa nắm bắt được một phát kiến vĩ đại khác thường. Nếu những kí hiệu mà em vừa làm chỉ *nước* thì tất cả những kí hiệu khác em vẫn thường chơi với Người Lạ mang nghĩa gì?

Em thụp xuống, bốc một nắm đất đưa cho Người Lạ. Lúc ấy, Helen sao có thể hỏi được một câu đầy đủ: “Nói cho em biết cái này gọi là gì?” Nhưng cô Ann lập tức trả lời ngay: “Đ-ấ-t”, cô in từng chữ cái vào lòng bàn tay Helen.

Cô Ann làm đi làm lại nhiều lần. Helen không bỏ sót một động tác nào, và đến lượt em bắt chước: “đ-ấ-t”, “đ-ấ-t”. Bây giờ “đất” đã được đi vào, đã được khắc sâu trong trí nhớ của em. Em sẽ không bao giờ quên nó nữa.

Em cần phải biết, cần phải biết tất cả! Không được để mất một phút nào! Nhanh lên! Phấn chấn và vui mừng khôn xiết, Helen bồng từ chỗ này sang chỗ khác, nắm tất cả những gì có thể chạm phải. Và những ngón tay của Người Lạ không ngừng nói cho cô bé: c-à-n-h, g-i-ế-n-g, c-â-y n-h-o. Helen cầm đầu chạy, và em va vào chân chị hầu gái đang bế em bé ra vườn chơi. Em bé mà Helen đã từng rất ghét, giờ đây Helen ngày càng ghét nó hơn, từ khi cô Ann đến và *giáo dục* em. Nhưng đối với Helen, Mildred vẫn không có tên. Đó vẫn là *nó*, là một vật, một *kẻ đối địch*... Helen sờ thấy ngay đứa bé, cô bé chạy về phía Ann. “Đấy là cái gì? Cô trả lời nhanh đi”. “E-m b-é” ... Helen nhận ra rồi, Ann đánh vần các chữ này suốt. Bây giờ từ đó đã mang một ý nghĩa: nó, cái vật ấy, là “è-m b-é”. Tất cả đều gắn với một vật nào đó, tất cả đều muốn nói một cái gì đó.

Đột nhiên Helen dừng phắt lại, có vẻ đang suy nghĩ lung lăm. Rồi em hỗn hển nắm lấy tay Người Lạ, giật giật.

- Thế cô, cô là gì? – bàn tay ấy đang hỏi

Ann hiểu rõ *câu hỏi* mà cô trò nhỏ sốt ruột muốn biết, cô đánh vần:

- C-ô g-i-á-o.

Chậm, rất chậm, rồi nhanh dần, và đến lượt Helen viết lại: c-ô g-i-á-o.

Vậy là từ bây giờ sẽ chấm dứt. Không còn Người Lạ nữa, không còn sự căm thù, không còn chút ngờ vực nào của Helen đối với Ann nữa. Thực ra những điều đó cũng đã dần tan biến, nhưng vẫn còn đôi chút băn khoăn nào đó nơi sâu thẳm trái tim cô bé. Giờ đây, trong ánh chớp sáng vừa lóe lên, Helen đã hiểu: cô Ann đang mang đến cho em tất cả nhận biết về thế giới quanh em, nhờ có cô mà những cánh cửa nhà tù đang giam hãm em sẽ bị phá tung.

C-Ô G-I-Á-O! Đấy là cái từ quan trọng nhất, cái từ mở khóa cho tất cả. Đấy là từ đẹp nhất, vậy mà cô Ann Sullivan chưa bao giờ viết cho em.

6. Tất cả đều có tên

Chiều tối, khi Đại úy Keller từ văn phòng về nhà, vợ và con gái ông đang chờ sẵn ở cửa. Đó là một việc rất bình thường, và như tất cả những lần khác, ông bế bổng Helen lên, âu yếm hôn con

gái. Nhưng hôm nay bỗng xảy ra một việc chưa từng có: Helen rút khỏi tay người cha (mọi khi nó thường nán lại rất lâu để tận hưởng cảm giác được chiều chuộng, vuốt ve).

Cô bé chạy về phía Người Lạ và sốt sắng giật tay cô. Trước khi cô bé tới nơi, Người Lạ đã hiểu điều Helen muốn. Cô cầm lấy bàn tay em, từ tốn in vào đó từng động tác mạch lạc.

Một nụ cười sáng bừng trên khuôn mặt Helen. Em biết, em nhận ra rồi, em đã làm những động tác này cả trăm lần! Em có thể lặp lại nó một cách hoàn hảo. Em chạy ngay về phía bố, những ngón tay như múa.

- Cái gì thế? – Người cha ngạc nhiên – Con bé đang làm gì thế?

Giọng run run xúc động, bà Keller thốt lên:

- Nhưng đó là từ *bố* mà, Arthur, con đang gọi anh *bố* ời bằng những ngón tay mà.

Say sưa trong niềm vui, bà Keller và cô Ann Sullivan gần như nói cùng một lúc: họ kể những gì xảy ra hôm nay bên bờ giếng. Họ mê mải với những bước tiến của cô bé, trong suốt buổi chiều Helen đã không ngừng gọi tên được tất cả các vật mà cô bé sờ thấy, tất cả những người mà cô bé biết. Chao ôi, Helen hoàn toàn có thể *nói* bằng đôi tay xinh xắn của mình.

Đại úy Keller xiết chặt tay cô Ann, xúc động nói: “Xin cảm ơn cô vì ...” – Nhưng ông không thể nói thêm được gì nữa.

Ngay buổi tối, ông chuyên chú vào học bảng chữ cái bằng tay và lần này chẳng vương vấn mấy may câu hỏi: “Để làm gì?”. Ông muốn giành lại thời gian đã để mất, ông muốn tự mình sẽ nói được với con gái.

Đây quả là khám phá khiến Helen ngây ngất nhất: tất cả đều có tên! Em muốn biết tất cả các tên ấy cùng một lúc. Đến cuối ngày hôm đó, đầu ong ong như có lửa, người mệt bã, nhưng sung sướng như muốn nổ tung, Helen đã biết được 30 từ. Với sự kiên nhẫn không mệt mỏi, Ann Sullivan đánh vần mỗi từ một lần, hai lần, mười lần,... và với lòng ham mê lạ thường, Helen lặp lại những từ ấy một lần, hai lần, mười lần,...

Khi lên phòng ngủ, Helen sờ thấy con búp bê bị vỡ hời sáng. Cái ngày búp bê mới bị vỡ, cái ngày đã bắt đầu tồi tệ, lại là một ngày vĩ đại! Đó là lần đầu tiên trong đời cô bé biết được tình cảm ăn năn hối hận, dù rất mơ hồ, nhưng cũng lần đầu tiên em cảm nhận được niềm vui to lớn đến thế. Lúc Ann Sullivan nghiêng mình xuống ôm hôn và chúc em ngủ ngon, Helen đã vòng tay qua cổ và ôm cô thật chặt. Em hôn cô, điều em chưa từng làm bao giờ và em cũng nán lại trong vòng tay cô thật lâu. Lần này, một hiệp ước đã được ký kết: mãi mãi là những người bạn.

Trong khi Helen hạnh phúc khôn tả, xoay đi xoay lại trên giường, quá phấn chấn không tài nào ngủ được, thì Ann Sullivan cũng đang băn khoăn với ngàn câu hỏi: “Bây giờ mình phải làm gì? Viết tên tất cả mọi thứ cho cô bé ư? Nhưng sau đó là gì? Bản thân mình cũng không được học hành đầy đủ... mình đâu biết gì nhiều... mình chẳng biết gì cả... làm thế nào để đạt tới trình độ cao hơn đây...? Helen quả là có một trí thông minh phi thường. Nhất định sự thông minh ấy phải được sử dụng. Cuộc sống trong ngục tối của cô bé, cuộc sống đã khiến người người thương hại, hoàn toàn có thể trở thành một cuộc sống phong phú, đầy ý nghĩa...”

Ann Sullivan nhớ về thời thơ ấu của cô. Tuổi thơ ấy nào có nhiều hứa hẹn như cuộc sống của Helen bây giờ. Xét về một mặt nào đó, cuộc sống ấy còn rất nhiều tàn nhẫn nữa.

Helen có người cha và người mẹ yêu em, những người sẵn sàng hi sinh tất cả vì em. Họ đã đưa em tới tất cả những bác sỹ mà mọi người mách bảo, không một chút mệt mỏi và chán nản. Họ đã đứng, bởi dù phải trải qua bao nhiêu thất bại, bao nhiêu lần tuyệt vọng, cuối cùng họ đã gặp được Ann Sullivan.

Còn Ann, mồ côi mẹ từ năm lên 8. Hai năm sau, bố cô cũng từ bỏ cô và cả cậu em trai Jimmie ốm yếu. Từ khi ra đời, Jimmie bị sai khớp đùi và do không được chăm sóc cẩn thận, cậu đã trở thành tàn tật. Ann thì thị lực rất kém, mọi người đều nghĩ rằng cô bé sẽ sớm bị mù hoàn toàn. Vì vậy mọi người cho chị em cô vào một trại tế bần ở Tewsbury, bang Massachusetts.

Trại tế bần này không dành riêng cho trẻ con. Còn có rất nhiều người tá túc khác: đó là những người già khốn khổ - những người không còn sức lực làm việc và không còn nguồn gì để sống. Phần lớn họ đều bệnh tật hoặc lẫn lộn.

Jimmi đã chết trong trại tế bần. Ann ở lại đó 4 năm. Và bởi cuối cùng, Ann gần như mù hẳn, một nữ ý tá mới nảy ra sáng kiến gửi Ann cho một trường dành riêng cho trẻ khiếm thị ở Boston, hoạt động dưới sự điều hành của giáo sư Anagnos.

Cho đến lúc đó, Ann đã hoàn toàn bị bỏ mặc với riêng mình. Cô không biết đọc, cũng không biết viết. Mười bốn tuổi, nhưng cô bị xếp học với trẻ con 6 tuổi; chúng chế giễu, trêu chọc cô, chúng bảo rằng hẳn cô là một đứa cực ngu ngốc vì đến bây giờ mà vẫn chẳng biết cái gì với cái gì.

Còn lâu Ann mới là đứa trẻ ngu ngốc. Ann thậm chí còn thông minh hơn bình thường là đằng khác. Mười lăm tuổi, một bác sĩ nhãn khoa đã tiến hành phẫu thuật thành công, trả lại ánh sáng cho đôi mắt cô. Từ nay, Ann đã có thể học đọc, học viết như tất cả những đứa trẻ khác. Bác sĩ chỉ khuyên cô một điều quan trọng là không được làm mắt quá mệt. Và với năng lực tuyệt vời, Ann giành lại thời gian bị mất, trở thành một học trò giỏi.

Khi Đại úy Keller viết thư cho giáo sư Anagnos để xin ông lời khuyên, giáo sư đã nghĩ ngay đến Ann. Cô gái này cũng đã từng bị mù, cô sẽ hiểu rõ hơn bất cứ ai những vấn đề đặt ra cho đứa trẻ. Như những người mù, cô biết đọc chữ nổi; cô lại biết sử dụng bảng chữ tay. Điểm cuối cùng, điểm quan trọng nhất: cô rất yêu trẻ. Ann đã từng bị cha bỏ rơi, đã từng chịu nỗi đau mất mẹ, và sau đó là mất người em trai, cô không còn gia đình. Cô chăm sóc những đứa trẻ ở Viện Perkins với một lòng kiên nhẫn mầu mỡ. Bằng kinh nghiệm của mình, ông Anagnos biết kiên nhẫn là đức tính đầu tiên cần có của một nhà sư phạm tốt. Ann không hề buồn chán khi cứ phải lặp đi lặp lại nhiều lần một lời giải thích; và bởi cô rất nhân hậu, vui vẻ, lạc quan nên bọn trẻ thường đạt được rất nhiều tiến bộ khi học cùng cô.

Được giáo sư Anagnos đề nghị đến gia đình Keller, Ann đã đồng ý ngay. Cô chỉ lo trình độ mình không đủ để đảm đương nhiệm vụ ấy. Từ tháng tám năm 1886 đến tháng hai năm 1887, trước khi đến Tusculum, cô giành tất cả thời gian để chuẩn bị cho “chiến dịch” của mình. Cô vùi đầu vào giáo trình của Howe, vị bác sĩ đã làm cho Laura Bragman *nói* được. Giáo sư Howe là giám đốc Viện Perkins từ năm 1837, hồi đó chính ông đã đón Laura Bragman vào trường. Một vài năm sau đó, giáo sư Anagnos kế nhiệm ông, vẫn tiếp tục duy trì thực nghiệm từ các phương pháp của bác sĩ Howe.

Ann Sullivan nằm trên giường, mắt chong chong nhìn lên trần, không thể ngủ được; cô quá hạnh phúc, quá phấn chấn vì những thành công đầu tiên cô cùng Helen vừa đạt được. Helen sẽ không có một tuổi thơ đáng thương, bất hạnh như mọi người từng nghĩ, tuổi thơ em sẽ không u ám, cô độc như Ann đã phải chịu.

- Tôi xin các vị đấy, đừng bao giờ cho phép ai gọi Helen là “con bé tội nghiệp” nữa! – Ngay ngày hôm sau, Ann đề nghị ông bà Keller – Em là một đứa trẻ khỏe mạnh, được chăm sóc đầy đủ, với một trí thông minh kì lạ. So với phần lớn những đứa trẻ nhìn được và nghe được, cô bé còn thông minh hơn gấp nhiều lần. Nhất là không được để cô bé quen với lòng thương hại để rồi đến một lúc nào đó cô bé tự thương khóc cho thân phận mình. Không được làm nhụt chí cô bé, đừng bao bọc nó giữa những điều cấm đoán: “Con bé không được làm cái này, không được làm cái kia..., không thể được,...” than ôi, con tôi đâu có khả năng,...” vân vân và vân vân. Tôi cam đoan rằng Helen sẽ cho chúng ta rất nhiều bất ngờ đấy!

Ann Sullivan muốn nhất thiết phải làm cho Helen có thể chơi, chạy, nhảy như mọi đứa trẻ khác ở tuổi em. Có một khoảng trống rộng rãi, dọn dẹp cẩn thận để cô bé không bị đụng ngã, rồi cô tập cho Helen chạy tưởng đứt hơi, như những cô bé nghịch ngợm nhất.

- Bà đừng lo – cô trấn an người mẹ – ngay cả nếu Helen có bị vài vết bầm tím thì cũng đâu có gì quan trọng. Điều quan trọng là Helen học được cách tự tin vào mình, không sợ sệt và không còn phải dò dẫm để đi trong cuộc đời với lòng hồ nghi và kinh hãi. Cô bé có thể đi thẳng, rất vững vàng. Với khả năng cảm nhận bằng xúc giác đặc biệt phát triển, em sẽ tập được cách cảm nhận các chương ngại vật khi còn cách xa chúng và sẽ định hướng một cách dễ dàng.

Cô Ann nhận thấy Helen không cười thành tiếng bao giờ. Cô nói điều này với bà Keller. Từ khi đem được thành công tưởng chừng không thể hy vọng đến cho Helen, Ann như có thêm sự bảo đảm, và cô không ngần ngại đặt ra nhiều câu hỏi, dù đôi khi khiến ông bà Keller đau lòng, song

lại giúp cô hiểu rõ về đứa trẻ hơn.

- Helen chưa bao giờ cười từ khi nó bị bệnh – bà Keller buồn bã nói – tôi chắc con bé cũng chẳng biết làm sao người ta cười được thế...

Một buổi chiều, Ann và Helen chạy chơi trong vườn. Hai cô chơi trò “mèo đuổi chuột”. Ann bắt được Helen, cô bé ngo nguậy trong vòng tay Ann, cố thoát ra; còn Ann vẫn ôm lấy em, cù vào hông, vào nách cô bé, cố làm cho cô bé buồn.

Ông bà Keller đang ngồi hóng mát trên bậc tam cấp từ nhà xuống vườn, hình như họ nghe thấy âm thanh gì đó, gương mặt họ rạng ngời, một âm thanh thật tuyệt vời đối với họ.

- Helen đấy! – bà Keller reo lên – Con bé cười, nó cười rồi!

7. Say mê học

Suốt ngày này sang ngày khác, Helen mê mải học các từ mới. Cô bé ghi nhận rất nhanh. Những ngón tay cô Ann không ngừng chạy trong lòng bàn tay Helen, ghép vần, ghép vần mãi. Khi Helen đã khá quen với các danh từ, cũng là lúc một nhiệm vụ mới được đặt ra. Helen chưa biết ghép câu. Cần bắt đầu làm việc đó.

Ann Sullivan nói chuyện với bà Keller.

- Helen thì chúng ta còn nhỏ, chúng ta học như thế nào nhỉ? Bằng cách nghe những người khác ư? Đúng là như thế rồi. Helen cũng sẽ học bằng cách ấy, em sẽ *nghe* trong bàn tay lời những ngón tay nói.

Bà Keller cũng đồng ý như vậy. Bây giờ bà luôn tán thành những điều cô Ann nói.

- Nhưng cô có nghĩ như thế thì sẽ rất lâu không? – bà rụt rè.

- Có lẽ là sẽ nhanh hơn chúng ta tưởng đấy – Ann sôi nổi trả lời – Helen rất thông minh, nhanh nhạy mà. Lúc đầu, em sẽ không hiểu các từ mới ta viết ra trên tay, nhưng em sẽ nhận ra các từ em đã biết, chúng sẽ giúp em liên kết cả câu và tôi tin rằng thậm chí ngay bây giờ em đã cảm thấy sự cần thiết của việc *đặt câu*, dù rất mơ hồ. Chúng ta đã chứng kiến rất nhiều sự kiện thể hiện trí thông minh đặc biệt của cô bé rồi đấy. Ngay ngày mai, chúng ta sẽ bắt đầu nhé.

Cho đến thời điểm đó, Helen chỉ mới biết đến các danh từ, tên các đồ vật, tên mọi người trong nhà, tên những con vật nhỏ em thường chơi cùng... Trước khi có thể đặt câu, em phải học dùng các động từ: là, chạy, đi, tới, đến... và các giới từ nữa: trong, trên, tại, từ...

Cô giáo đưa cho em những mảnh bìa, trên đó có in nổi các từ mà em đã biết: hộp, bàn, Helen, tủ.

Helen lướt các ngón tay lên mấy mảnh bìa. Mỗi lần em sờ xong một từ, Ann lại đánh vần các từ đó vào lòng bàn tay em. Cô bé hiểu rất nhanh. Những vết gồ ghề cộm lên dưới mấy đầu ngón tay cũng dành để thể hiện tên thứ mà cô An đang ghép vần trên tay em. Mỗi một nhóm các vết ấy lại thể hiện một tên khác nhau.

Sau khi đã học nói, giờ đây Helen đang học đọc.

Cô bé thích lắm. Trò chơi mới này rất cuốn hút Helen. Chốc chốc em lại giật giật tay cô Ann ý bảo “chơi nữa đi”.

Cô Ann liền đưa cho Helen mấy mảnh bìa có các vết nổi mà Helen không hiểu được: “Ở” và “TRÊN”. Cô Ann không cố tìm cách giải thích cho Helen mà lại bày ra một trò chơi mới.

Cô đặt một chiếc hộp lên mặt bàn. Sau đó, cô đặt từ HỘP lên chiếc hộp, đánh từ BÀN vào cái bàn. Giữa hai mảnh bìa ấy, cô gắn từ Ở và TRÊN.

Cô cho Helen dò tay lên tất cả những vật đó. Helen hơi phân vân khi sờ thấy các từ Ở và TRÊN, nhưng lại phấn khởi khi nhận ra các từ HỘP và BÀN.

Trò “những từ không biết” thật còn hay hơn cả những trò chơi thú vị trước đây. Đúng như Ann dự đoán, Helen hiểu rất nhanh cách xây dựng câu. Trí tuệ em phát triển hoàn toàn bình

thường, thậm chí còn thông minh đặc biệt so với lứa tuổi. Em không dễ hài lòng với cách giao tiếp rời rạc, không có sự liên hệ nào giữa từ này với từ khác. Đòi hỏi về cú pháp đến với em như một điều dĩ nhiên.

- Cô bé ham học quá! – Cô Ann sung sướng nói với bà Keller – Bà đến mà xem Helen đã làm gì này.

Ann dẫn bà Keller vào phòng Helen: cô bé đang đứng trong tủ tường, cánh tủ mở rộng. Trên váy mình, cô bé gài tấm bìa HELEN. Dưới đất, bên cạnh chân mình, cô bé rải các chữ Ở, TRONG và TỦ!

- Helen làm tất cả một mình đấy! – Ann Sullivan đầy tự hào – Đây là lần đầu tiên cô bé viết!

Chưa hết tháng Tư, Helen đã tạo được khá nhiều câu, tuy không phải luôn luôn hoàn hảo, nhưng chúng luôn “muốn nói một điều gì đó”. Cô bé tập sửa các câu đó nhờ sự giúp đỡ của cô Ann.

Vừa học đặt câu bằng các mảnh bìa, Helen vừa tiếp tục học đọc. Cô Ann vẫn dùng phương pháp như đã từng dạy Helen nói và hiểu bằng chữ tay; Helen được học cách nhận biết tổng thể chứ không học riêng từng chữ cái.

Ann Sullivan đã nhờ người gửi từ Boston vài cuốn sách nhỏ in nổi. tập sách gồm những câu chuyện nhỏ rất ngắn và rất đơn giản dành cho người mới tập đọc. Những ngón tay Helen lướt trên trang sách, em nhận ra các từ quen thuộc và những từ hơi giống với các từ đã biết, chúng giúp cô bé hiểu được sơ sơ nội dung các câu chuyện và giúp em làm quen với cú pháp. Dần dần, cô bé học thêm được những từ mới, những cụm từ thường dùng và những cách diễn tả ...

Không bao giờ Helen bị ấn tượng rằng mình đang phải học, đang phải làm việc. Các bài học là những trò chơi rất thú vị; không hề có những giờ phải học, mà chỉ có những khám phá liên tiếp. Có lẽ vì cô Ann Sullivan đã từng bị mù, đã từng chăm sóc những đứa trẻ mù nên cô có một khả năng miêu tả sinh động đáng ngạc nhiên. Cô biết cách kể cho Helen những khung cảnh của cuộc sống xung quanh và không bao giờ làm cô bé buồn chán do phải tập trung quá căng thẳng.

Ann Sullivan cố ý tạo ra những buổi học thật thoải mái. Với Helen, lúc học *đọc* cũng là lúc được cảm nhận hương thơm của nhựa thông và của cỏ lông chim. Ngồi dưới bóng mát của bụi hoa Tuylip dại, bên cạnh cô giáo, Helen lướt ngón tay khéo léo, nhẹ nhàng trên những dòng chữ nổi. Đâu rồi cô bé hung hăng, dữ dằn thuở trước?

Trang trại của gia đình Keller sinh sống nằm ở ngoại ô Tuscumbia. Cô Ann thường dắt Helen dạo chơi trên những cánh đồng gần đó, nơi các bác nông dân đang cày cuốc, gieo trồng. Cô cho Helen áp tay lên những luống đất vừa được cày xới, ấm nóng dưới nắng mặt trời. Một hôm, cô cho Helen một nắm hạt giống và dạy em cách gieo hạt xuống đất. Vài tuần sau, cô cầm tay Helen, cho em chạm tay vào những chồi non bé xíu đầu tiên đã nảy lên từ những hạt giống ấy.

Mùa xuân này là mùa xuân đầu tiên của Helen. Có rất nhiều những chú ngựa con, bê con, cừu con ra đời trong trang trại. một hôm, cô đặt vào tay Helen một chú lợn con mũm mĩm, nó ngo nguậy trong tay em và đòi chui ra. Helen cười thành tiếng và cố ôm nó thật chặt! Em thích thú vuốt lớp lông dày và mịn màng của chú lợn con. Cô Ann đặt tay Helen lên cổ họng chú lợn con để em cảm thấy những rung động nơi cuống họng, chú lợn đang kêu eng éc chói tai. Đó là “bài học đầu tiên về âm thanh”, nhưng Helen, thậm chí cả cô Ann đều không biết rằng bài học ấy sau này sẽ còn được tiếp nối bởi nhiều điều kỳ diệu khác. Helen có hàng ngàn thứ phải học đang chờ.

Các bài học về khoa học tự nhiên là hấp dẫn và thú vị nhất. hai cô trò *học* trong vườn, trong tàu ngựa, chuồng bò, sân nuôi gà,... Helen đã sung sướng lặng người khi cô giáo cho em chạm vào một quả trứng, đúng lúc chú gà con mổ một cú đầu tiên trong đời để chui ra khỏi vỏ!

Helen cũng rất vui khi cô Ann dạy em trèo cây. Ban đầu, Ann thận trọng đỡ từng tay, rồi từng chân cô bé, lần lần từ cành này sang cành khác. Cô bé Helen giờ có một niềm tin tuyệt đối vào cô giáo, em hăng hái làm theo những hướng dẫn của cô Ann, không hề sợ bị ngã. Em trèo càng lúc càng nhanh và càng ngày càng lên cao một cách rất khéo léo, lên mãi tít lên cái cây mà cô bé

thích nhất – cây anh đào dại. Helen ngồi ở đó với cô giáo hàng giờ, vắt vẻo trên cành cây cao, những ngón tay chăm chỉ chạy ngang những trang sách giáo sư Michael Anagnos gửi tới từ Boston.

Một buổi sáng, trời rất nóng, sau khi đi dạo về, cô Ann và Helen trèo lên cây. Thật tuyệt, ngồi dưới bóng của những tán cây to, mát mẻ hơn rất nhiều. Cô Ann gợi ý ăn trưa ở trên cây. Giờ, Helen đã hiểu được hết tất cả những gì mà cô Ann đánh vần trên tay em. Em chẳng hề lo ngại khi cô Ann bảo “Chờ cô chút nhé! Cô sẽ mang đồ ăn lại.”

Để Helen ngồi thu lu trên chạc cây như một con sóc nhỏ, cô Ann đi vào nhà để kiếm mấy chiếc bánh mỳ cho cuộc picnic.

Hóa ra cô phải vắng mặt lâu hơn mình tưởng. Bác đầu bếp da đen cứ nhất định muốn cô mang đi hai phần bánh ga tô bác làm đã gần chín. Và trong lúc chờ, bác cúi húi sắp vào chiếc giỏ mây một “bữa trưa của một ông vua”. Vậy mà cô Ann chỉ định lấy bánh mỳ và giăm bông rồi đi ngay.

Helen cảm thấy rất rõ thời tiết đang thay đổi. Em đoán bầu trời đang bị mây che phủ, vì em không cảm thấy cái ấm nóng của nắng nữa, sự ấm nóng đó với em biểu hiện cho “ánh sáng”. Mùi đất ẩm đang lan trong không khí khiến em đoán trời sắp mưa. Không một dấu hiệu nào báo trước về cơn bão bị Helen bỏ qua! Cô bé bắt đầu thấy khủng hoảng tinh thần. Em đang chỉ có một mình! Em hoàn toàn chỉ có một mình, em đã bị bỏ rơi!

Xung quanh Helen luôn là im lặng tuyệt đối, nhưng em cảm thấy rõ sắp xảy ra chuyện gì đó.

Một trận cuồng phong bất ngờ ào đến, thổi rạp những tán cây, rồi kéo chúng ngã nghiêng về mọi hướng. Cô bé run lên vì sợ và cố hết sức bấu chặt vào cành cây to mà em đang ngồi trên đó. Các nhánh cây nhỏ gãy răng rắc, từng đám lá bị bứt khỏi cành, theo gió bay rào rào sượt qua má cô bé.

Một tiếng sấm nổ vang nơi chân trời. Helen không nghe thấy tiếng sấm, nhưng em hoàn toàn cảm nhận được: những rung chuyển bất thường mạnh ghê gớm làm Helen càng hoảng hốt hơn. Đúng vào lúc những hạt mưa lớn bắt đầu rơi, Helen được một bàn tay vội vàng túm chặt lấy và em mừng rỡ khô tả nhận ra: bàn tay của cô giáo. Cô bé nhào vào vòng tay Ann: em đã được cứu thoát, nhưng nỗi sợ khủng khiếp trong em vẫn gần như nguyên vẹn.

Nhiều ngày sau cơn bão, chuyện trèo cây không còn được bàn đến nữa. Helen quay bước sang hướng khác khi tới gần cây anh đào; còn cô Ann dù rất buồn nhưng không muốn ép cô bé, vì cô thấy rõ cô trò nhỏ vẫn chưa hoàn toàn bình tĩnh trở lại.

Một buổi sáng, từ lúc sớm, Helen một mình ra vườn. Một mùi thơm tuyệt diệu lan tỏa khắp không gian. Thận trọng, em đi chậm chậm về phía cuối khu vườn, vì em nhận ra đó là hương hoa Mimoza mọc gần hàng rào. Cái cây ở đây rồi, đúng vậy, tắm trong ánh nắng mặt trời, những cành có hoa rủ gần sát đất.

Helen dừng bên gốc cây, một thoáng ngần ngại, rồi vẫn rờ rẫm, em dè dặt đặt chắc chắn một chân lên chạc cây chia thân thành ba nhánh chính; em bắt đầu leo dần, leo dần lên cao, từng cành, từng cành... Những cành cây này thật to, vỏ cây thật sần sùi, Helen trèo lên khá khó khăn, thậm chí còn suýt sạt cả tay. Dù vậy em vẫn tiếp tục, em có cảm giác như mình đang thực hiện một hành động anh hùng, nó làm trào dâng trong em một niềm tự hào khó tả.

Quả đúng như vậy, một hành động anh hùng! Helen đã ngồi trên cành cây cao, giữa hương hoa Mimoza, có một chút ấn tượng mình giống như những kỵ sĩ dũng cảm trong những cuộc phiêu lưu em từng được đọc.

“Vây là xong!” – em tự nhủ, lòng đầy kiêu hãnh, em đang ngồi trên chiếc ghế nhỏ ai đó đã đóng chắc chắn vào thân cây ở trên cao, nó nằm đó khá lâu rồi. “Mình đã làm được, không khó khăn mấy... Từ bây giờ, mình sẽ không bao giờ sợ nữa và mình sẽ làm được tất cả!”

8. Helen viết thư

Ba tháng sau ngày Helen biết cách liên hệ các từ với các vật; ba tháng sau cái giây phút tuyệt vời của “nước và chén”, đến lúc phải dẫn thêm một bước tiến mới.

Một buổi sáng, Helen ngồi bên cô Ann. Cô bé có vẻ buồn chán, em muốn đi dạo, nhưng cô Ann không đồng ý, trời quá nắng. Cô đặt vào tay em một trong mấy tập truyện chữ nổi của em, những cuốn sách phải đặt mua tận Boston. Quyển này em đã đọc cả trăm lần rồi. Những ngón tay em chạm rất nhanh trên trang sách, câu chuyện chẳng còn hấp dẫn em nữa, em đã thuộc lòng nó rồi. Em đặt sách xuống, không biết chính xác phải làm gì nữa, em đến bên cô Ann, lấy cùi tay thúc thúc, rõ ràng em đang muốn nói: “Đi chơi với em đi!”.

Ann đang ngồi ở bàn, bận viết một bức thư. Thị lực của cô không tốt, nên khi viết cô phải cố gắng rất tập trung. Helen chẳng hoan nghênh công việc ấy chút nào, em cứ loay hoay xung quanh, huých vào cô như một con cún nhỏ chưa biết vâng lời.

Phải đến khi Helen suýt hất đổ lọ mực, cô Ann mới đặt bút và kêu lên:

- Ôi con bé đáo đẽ này! Cô biết làm gì với em bây giờ?

Cô cầm tay Helen, và rất từ tốn, lặp lại câu cô đã viết cho em hơn chục lần từ sáng đến giờ: “Tự chơi ngoan đi, cô đang viết thư”.

Helen biết thứ mà người ta gọi là “bức thư”. Một “bức thư”, với Helen là một chiếc phong bì người ta thường bỏ vào thùng bưu điện trên đường đi dạo, đôi lần Helen được cô Ann bế lên để thả thư.

Nhưng Helen không hiểu *viết* là thế nào. Cũng chẳng quan trọng gì: nếu cô Ann viết thì em cũng viết. Helen lại kéo tay áo cô Ann và đánh vằn rất nhanh:

- Helen ... thư ... Helen ... thư.

Ann quá bất ngờ vì sự phát triển nhanh chóng của tư duy đứa trẻ, vì lòng ham mê khám phá không ngừng của Helen; cô đã để em phải chờ lâu quá. Cô đứng dậy, đi về phía tủ, rút từ ngăn trên cao chiếc hộp mà cô không nghĩ có thể dùng sớm đến thế.

Cô lấy từ trong hộp ra một mảnh bìa cứng dày, có kích cỡ như một tờ giấy viết thư. Helen đã đặt tay ngay lên cánh tay cô Ann để theo dõi tất cả các cử chỉ của cô.

Tấm bìa được kẻ dòng như trang vở học sinh, có khác là các dòng kẻ này không được in mà được đập lõm xuống mặt bìa, tạo thành những đường rãnh nhỏ có thể dễ dàng nhận thấy bằng tay. Nó giống như một cái giá đựng bút đặc biệt vậy.

Cô Ann đưa cho Helen và hướng dẫn những ngón tay cô bé lần theo những rãnh bìa. Sau đó, cô đặt lên tấm bìa cứng một tờ giấy, miết thật mạnh lên các rãnh để chúng hằn rõ trên mặt giấy, rồi cô lại cho Helen lần theo đó, giúp em có khái niệm về *dòng kẻ viết*.

Cô lại đưa cho em một chiếc bút chì và vừa cầm tay em, cô vừa cho em vẽ giữa các dòng kẻ. Helen cũng đang viết đấy, dù em chưa biết điều đó: *Mèo uống sữa*.

Ann giúp em bắt đầu lại, cứ như vậy rất nhiều lần, vẫn một “hình vẽ” ấy. Sau vài lần, Helen đẩy tay cô giáo ra, ý muốn nói:

- Để em làm, em hiểu rồi!

Cô Ann vuốt nhẹ lên bàn tay bé nhỏ cần mẫn rồi quay lại với bức thư của mình. Khi viết xong, nhìn ra, cô không thấy Helen đâu nữa. Hẳn con bé lại ra vườn chơi, mặc cho trời nắng gắt, mặc kệ cho những lời dặn dò của cô giáo. Ann đứng đấy, định đi tìm cô bé; vừa lúc bà Keller bước vào, trên tay cầm một tờ giấy gấp tư.

- Helen vừa đưa cho tôi cái này – bà nói – con bé cứ cố giải thích cho tôi điều gì đó, như một bức thư thì phải... Nó có vẻ phần khởi lắm!

Khấp mặt giấy, Helen viết các từ *mèo, uống, sữa*. Nét viết rõ ràng chưa khéo léo, thẳng thớm. Những chữ cái ngả nghiêng xiên xẹo, nhưng dù sao vẫn có thể đọc được và đặc biệt thấy rõ người viết rất chú tâm viết chữ giữa các dòng.

- Hay quá – cô Ann reo lên – như vậy là Helen đã tiến bộ nhanh hơn chương trình tôi đã dự định. Chúng ta phải theo cô bé thôi... Không phải chúng ta cảm thấy thời điểm dạy cô bé điều

gì mới đã đến hay chưa, mà chính cô bé sẽ quyết định việc đó!

Ann lấy trong chiếc hộp ra rất nhiều mảnh bìa nhỏ, chính không in những dòng kẻ mà in những chữ cái to, in nổi. Chúng giống như những chữ in thông thường, chỉ có điều được cấu tạo hoàn toàn từ những nét thẳng. Tất cả các chữ cái đều vuông vức, kể cả chữ “O” và chữ “G”

- Đây là bảng chữ cái in nổi – Ann giải thích cho bà Keller. Chúng tôi dùng những chữ cái này để dạy các em mù biết viết như mọi người bình thường khác. Người ta đã cố gắng đơn giản công việc của người mù bằng cách tạo hình các chữ ở dạng vuông vắn. Khi không nhìn thấy những gì mình làm thì vạch các đường thẳng sẽ dễ dàng hơn phải tạo những đường cong.

Cho đến bây giờ, để nói bằng bảng chữ cái tay, để đọc các quyển sách nhỏ in nổi, Helen không học từ theo cách phân tách từng âm tiết và càng không phải theo từng chữ cái riêng rẽ. Bởi em học chúng tổng thể những gì sờ được dưới các đầu ngón tay.

Mỗi một cụm các bước lồi trên một mảnh bìa hay trong các sách thể hiện một điều khác nhau; mỗi một nhóm động tác trong lòng bàn tay cũng vậy. Mỗi từ mang một dáng dấp riêng của nó.

Helen đã được học rằng một chuỗi các từ thì tạo thành một câu. Bây giờ cần dạy cho cô bé biết mỗi từ được tách thành nhiều chữ cái và dùng những chữ cái riêng rẽ đó, người ta có thể tạo thành rất nhiều từ khác nhau.

Ann bắt đầu bằng từ “bébé” (em bé), một từ đơn giản, được kết từ hai âm tiết giống nhau. Cô xếp 4 chữ cái vuông thành một hàng ngang và để Helen nghiên cứu, *nhìn* chúng bằng các đầu ngón tay.

- Đó là từ “em bé”, - cô Ann *nói* với Helen.

Rồi cô đặt tay trái Helen lên từng chữ cái còn tay phải cô cho em cầm một chiếc bút chì và tập cho em viết “em bé” theo những hình chữ vuông, trên tờ giấy đã được gắn chặt trên mảnh bìa cứng.

Helen hiểu rất nhanh. Em thiết lập dễ dàng mối quan hệ giữa những từ em sờ được với những từ em đang vẽ, cũng như với những từ em đọc thấy trong các cuốn truyện nhỏ. Các chữ vuông này kể ra không khác chữ trong sách là mấy.

Những trò chơi mới bao giờ cũng hấp dẫn hơn tất cả các trò chơi em biết trước đây. Em dành cho nó hầu hết thời gian mình có, rất nhiều thời gian. Em xiết chặt cây bút chì đến nỗi ngón tay thành chai. Ann buộc cô bé đứng lên đi dạo. Helen, cô bé vốn thích chơi trong vườn, bây giờ chỉ nghĩ đến cái giá viết của mình.

Em đã phân biệt được tất cả các chữ cái, nhờ vậy em có thể đọc và viết được các loại từ mới dễ dàng hơn. Em học cách dùng chúng trong câu. Rồi em vừa phải tập viết trên tờ giấy viết thư, vừa phải cố sao cho các chữ cái xếp theo đúng dòng kẻ nổi.

Một hôm, Helen đặt vào tay cô giáo Ann một mảnh giấy gấp tư. Những ngón tay cô bé thoăn thoắt như múa, có vẻ rất nôn nóng, rất sốt sắng:

- Helen đã viết thư!

Bức thư này chẳng nói điều gì to tát cả. Helen đã viết tất cả các câu mà cô bé mới học được, câu nọ nối tiếp câu kia: “Em bé ăn cháo – Helen có váy mới – Cô giáo có một cuốn sách ...”. Vậy mà từ hôm cô bé tập viết từ “em bé” mới chỉ hơn một tuần trôi qua. Những bước tiên của Helen lại một lần nữa nhanh hơn rất nhiều so với những gì người ta có thể kỳ vọng. Ann Sullivan nói đúng: Không cần phải thương hại Helen, đó là một học sinh thần đồng.

9. Kiểu chữ viết khác

Học viết bằng bút chì không dễ. Helen phải rất siêng năng. Dạo này, nét viết đã có vẻ đều đặn, mềm mại hơn; không còn lằn sâu xuống và thậm chí làm rách cả giấy nữa. Bàn tay cô bé không còn quá co quắp như những ngày đầu cầm bút. Cô bé tò mò bây giờ lại có một vấn đề mới để quan tâm.

Em phát hiện ra thỉnh thoảng cô Ann viết những bức thư không dùng bút. “Những bức thư này” khiến Helen thắc mắc. Em muốn biết tất cả mọi thứ, muốn làm tất cả mọi điều cô Ann làm.

Một sáng, em thấy cô Ann đang dùng một cái dùi nhỏ chọc các lỗ trên một mảnh kim loại mỏng.

Helen chưa biết cách đặt câu hỏi cho những điều mình quan tâm. Bây giờ đang là tháng 6, tức là cô Ann mới tới đây hơn ba tháng. Nhưng khi Helen nắm lấy tay cô Ann, cũng như bao lần khác, cô Ann hiểu ngay:

- Cô đang làm gì đấy? – Bàn tay nóng nẩy ấy đang nói.

Ann đặt cái dùi xuống và viết vào tay Helen:

- Đợi cô một lát, cô sẽ chỉ cho em.

Helen chờ, im lặng và ngoan ngoãn, như những khi em biết rằng cô Ann đang sắp dạy em một điều mới. Cô giáo còn dùi thêm vài lỗ nữa, rồi rút các tờ giấy dày ra, đặt sang bên và đưa cho Helen mảnh kim loại.

Dụng cụ này được làm từ hai thanh kim loại dẹt, có dạng gần như chiếc thước kẻ nhỏ thường thấy trong cặp các cô cậu học sinh. Hai thanh đó gắn với nhau ở một cạnh nhờ một bản lề. Thanh bên trên có những lỗ nhỏ và thanh phía dưới có những chấm nổi tương ứng.

Cô Ann cầm lại miếng kim loại. Cô gài vào đó một tờ giấy dày, gập hai thanh kim loại lại với nhau như kiểu người ta làm khuôn bánh kẹp, rồi đưa cả cho Helen.

- Cầm lấy nào – Cô nói với em – bây giờ em chơi với nó nhé.

Cô đặt chiếc dùi vào tay em và dạy em cách dùi lỗ.

Helen bắt đầu đục xuống tờ giấy với vẻ rất nghiêm túc. Em không biết vì sao lại làm như vậy, nhưng em vẫn đầy tin tưởng. Những trò chơi cô Ann dạy em đã mở ra cho em biết bao cánh cửa, cho em biết bao điều mới lạ! Cái thời của nhà tù tối tăm lạnh ngắt đã rất xa rồi!

Khi Helen đã dùi được rất nhiều hàng lỗ, cô Ann mở cái khuôn và lấy tờ giấy ra. Cô lật úp tờ giấy xuống và cho Helen sờ các chấm nổi. Khi xuyên qua các lỗ, mũi dùi đã ấn giấy xuống các chỗ lõm và in lên giấy những chấm nổi như vậy.

Hay thật đấy, Helen thích mê. Em không ngừng ấn dùi lên tờ giấy rồi lại rút giấy ra để sờ lên những dấu nổi vừa làm được.

Bây giờ em muốn biết nhiều hơn về nó. Bàn tay đặt trên nắm tay cô Ann hỏi:

- Cái này để làm gì?

- Đây là một cách viết khác – Cô Ann trả lời.

Helen rất thắc mắc. Em hiểu rất rõ thế nào là viết và em rất tự hào vì mình cũng đã có thể viết được. Sao người ta có thể viết bằng cách đục lỗ nhỉ? Viết, đó là vạch các chữ cơ mà.

“Nhiều thứ buồn cười thật” – Helen tự nhủ.

Hầu hết những gì cô Ann dạy em, ban đầu đều kỳ quặc, khiến em ngỡ ngàng, lúng túng. Dần dần, nó cuốn hút em, khiến em thích thú, thậm chí say mê. Vậy, cứ tiếp tục đục tờ giấy này đi và kiên nhẫn chờ xem điều mới mẻ tiếp theo là gì.

Helen *làm việc* cho đến khi không còn chỗ nào trên tờ giấy dùi được lỗ nữa. Em khua tay để đưa cho cô Ann “bài tập” của mình, nhưng cô đi đâu mất rồi. Cô bé đi xuống vườn và bắt gặp mẹ cùng cô giáo đang ngồi trên ghế xích đu, tay phe phẩy quạt, trời nóng quá.

Helen đưa cho cô Ann tờ giấy, những ngón tay vội vã:

- Thư! Thư!

- Tôi không nghĩ Helen lại biết đó là tôi đang viết thư! – cô Ann reo lên sung sướng – Tôi phải mau mau dạy cho em viết và đọc bằng chữ Braille thôi. Nhưng dù sao, chúng ta cũng phải chờ đến khi cô bé dùng thạo cây bút chì đã.

Cô Ann đợi đến cuối tháng 7. Cô bắt đầu dạy cho Helen dùng cách viết của người mù, được

một người Pháp, Louis Braille phát minh ra năm 1830 và ông đã dùng tên mình đặt cho cách viết này.

Chữ Braille chỉ dùng các chấm nổi, in trên giấy dày, để người mù có thể đọc dễ dàng bằng các đầu ngón tay. Mỗi một nhóm các chấm thể hiện một chữ cái.

- Một chấm là chữ “a”, cũng như cái chữ “a” mà em viết bằng bút chì ấy – cô Ann giải thích cho Helen – hai chấm là chữ “b” ...

Helen hiểu ngay và học rất nhanh bảng chữ Braille. Em rất hồ hởi khi cô Ann đưa cho một cuốn sách in bằng chữ Braille. Theo em, việc đọc chữ Braille dễ hơn nhiều so với việc phải lần tay theo các chữ cái nổi có hình dạng đầy đủ thông thường

- Bây giờ mình học viết chữ Braille nhé – cô Ann nói – cái bảng nhỏ mà em hay chơi đó là “thước Braille”, còn cái em dùng để đục các lỗ gọi là “bút dùi”.

Cô Ann chờ cho Helen gài một tờ giấy vào thước Braille, em làm rất khéo, bởi qua mấy tuần em đã quen làm việc này rồi. Sau đó Helen cầm bút dùi và bắt đầu đục lỗ theo hướng từ trái sang phải như em vẫn viết bằng bút chì trước đây.

Cô Ann khẽ lắc đầu thở dài. Lại có một khó khăn lớn hơn đang chờ cô giải quyết. Cô nghĩ ngợi hồi lâu, trong khi Helen say sưa với cách viết mới dễ dàng hơn đối với em. Cô Ann dùng tay Helen, đưa cho em một tờ giấy mỏng và một cây bút chì. Cô cầm tay em viết chữ “bát”, và ấn ngòi bút thật mạnh (khác hẳn với cách viết cô vẫn dạy em viết từ trước đến nay).

Khi quay ngược tờ giấy lại, Helen có thể sờ thấy các chữ cái ấy, như trong những cuốn truyện in nổi của em, nhưng đây là mặt trái nên em sờ thấy chữ “tà”.

Cô Ann cũng đục từ “bát” bằng chữ Braille lên giấy dày cho Helen, từ trái sang phải; sau khi rút tờ giấy ra rồi úp xuống, lập tức lại hiện ra các chữ cái ngược như khi viết bằng bút chì.

Một lần nữa, cô Ann gài giấy vào thước Braille, cầm tay Helen, cho em đục chữ “bát” từ phải qua trái, chứ không phải từ trái qua phải như cách dùng bút chì. Rồi cô bỏ thước ra khỏi tờ giấy, lật giấy lại, từ “bát” đã hiện ra theo đúng trật tự.

Helen ngồi lặng đi hồi lâu, rõ ràng em đang rất cố gắng để suy nghĩ, để tập trung các thông tin, rồi em cầm lấy dùi và đục các từ khác, lần này thì từ phải qua trái.

Em lấy nhanh tờ giấy ra khỏi kẹp. Những từ dưới ngón tay em bây giờ xếp rất thẳng hàng, hiện ra bằng dạng các dấu chấm, thật rõ ràng và dễ đọc. Cô Ann vỗ nhẹ lên vai em như khen ngợi, còn Helen bật cười sung sướng, em lại vừa biết thêm một điều mới lạ.

Cô Ann cầm tay em bảo:

- Đúng rồi! Em hiểu mau lắm! Bây giờ em chỉ cần tập thật nhiều để viết được thật nhanh.

Helen phát hiện ra viết bằng chữ Braille hay hơn viết chữ bút chì rất nhiều, bởi nó không chỉ dễ viết mà khi lật mặt giấy em có thể đọc lại những gì mình đã viết. Em muốn viết tất cả các thư đều bằng chữ Braille, đơn giản và thật thú vị.

Cô Ann ngần ngại trước khi giải thích cho em tại sao không thể viết mọi bức thư bằng chữ Braille. Liệu Helen có biết rằng những người xung quanh em đang nhìn bằng những đôi mắt của họ không? Không một thái độ nào của cô bé trả lời được cho Ann Sullivan. Rất lâu sau này, khi Helen đã biết giải thích các điều em nghĩ, em kể rằng em vẫn còn giữ một chút ký ức mơ hồ về quãng đời “trước”, khi chưa bị trận ốm tàn tệ quật ngã, chút ký ức mơ hồ về ánh sáng và màu sắc. Nhưng lúc đó, những kỷ niệm ấy bị vùi sâu trong vô thức. Helen không biết những người khác không giống như em.

Cuối cùng, cô Ann dịu dàng cầm tay Helen và giải thích với em:

- Không phải tất cả mọi người đều biết đọc chữ Braille như em đâu, cô bé ạ. Phần lớn họ chỉ biết viết bằng bút chì trên giấy thông thường thôi. Nên ta vẫn phải tiếp tục tập viết bằng bút chì, để có thể viết thư cho tất cả những người mình muốn. Vì họ, em cần phải tiếp tục tập luyện đấy.

Helen rất hài lòng. Ann Sullivan cũng vậy, điều cô mong muốn hơn cả là Helen có được niềm vui sống và đến một lúc nào đó em hiểu được giá trị những quà tặng phi thường mà em có. Bị

tật nguyên do bệnh hiểm nghèo, nhưng em được sở hữu một trí tuệ tuyệt vời, hơn hẳn phần lớn những người em đã và sẽ gặp trong tương lai. Bây giờ, Ann Sullivan hoàn toàn có thể khẳng định cô trò nhỏ Helen có “khả năng thiên tài” thực sự. Nhưng bởi Ann quá khiêm nhường, quá giản dị và quá say mê với công việc để có thể nghĩ về riêng mình, nên cô chưa bao giờ nhận ra rằng nếu không có cô thì khả năng thiên tài ấy chẳng được ai biết đến, kể cả Helen.

10. Người bạn bất ngờ

Helen nhấp nhóm không yên. Cô Ann khó khăn lắm mới chải được tóc cho cô bé, lại còn phải vuốt keo rồi cuộn từng bím tóc vào ngón tay. Kiểu tóc dài buông lộn đang là một thịnh hành của các bé gái. Xong rồi, Helen giật vội lấy chiếc mũ, lao ra cửa.

Em đang vội kinh khủng, nóng lòng lên đường. Hôm nay là một ngày quan trọng: cô Ann dẫn em đi xem xiếc.

Cô Ann mỉm cười lắc đầu khi thấy Helen viết vào tay cô:

- Helen sẽ xem con sư tử!

Cô hơi e ngại: *Xem với Helen tức là sờ*. Muốn xem được sư tử, Helen phải vuốt ve được nó. Ann chẳng muốn chút nào việc dẫn cô học trò vào trong một chiếc lồng nhốt những con thú lớn hoang dã.

Helen rất yêu loài vật, và rõ ràng là rất biết *nói chuyện* với chúng. Đôi bàn tay em đặc biệt nhạy cảm, qua những cái vuốt ve, em có thể nhận ra con vật đang vui thích hay tức giận. Chưa bao giờ em làm đau con chó của mình, con Belle trừ danh mà có lần em đã tập cho nó dùng bảng chữ tay.

Thấy Helen yêu thích động vật, hơn nữa, loài vật lại “*đạy*” em rất nhiều điều (dù chúng không biết cách nói chuyện bằng tay!), cô Ann mua cho Helen một con chim kim tước.

Chú kim tước được đặt tên là Tim, nó rất dạn người. Nó dám đậu trên ngón tay Helen và mổ những hạt hạnh nhân bao đường trong lòng bàn tay cô bé. Mỗi ngày, sau bữa ăn sáng, tự tay Helen chuẩn bị nước cho Tim tắm, lau dọn lồng, đổ ngũ cốc và nước mát vào khay cho Tim ăn. Em cũng không quên gài mấy nhánh cỏ lên cái đu bé xíu của Tim.

Một buổi sáng, Helen đặt chiếc lồng chim lên bậu cửa sổ chốc lát và đi lấy nước tắm cho Tim yêu quý. Lúc quay trở lại, em cảm thấy đuôi của chú mèo to lướt qua chân. Helen chẳng lấy làm lo ngại về cuộc viếng thăm đột xuất này. Nhưng em thò tay vào lồng để vuốt ve Tim thì không thấy nó đâu nữa.

Helen ủ rũ khi cô Ann bảo rằng chính chú mèo đã ăn thịt Tim bé bỏng. Rồi cô giải thích cho Helen không nên oán trách mèo vì trong tự nhiên mọi con mèo đều thích ăn thịt chim; thậm chí trong tự nhiên còn có những con sư tử còn ăn thịt cả hươu sao, hươu cao cổ, dù chúng đều là những con vật đẹp và đáng yêu.

Một thời gian khá lâu sau đó, Helen không thèm chơi với con mèo nữa, không vuốt ve khi nó lại gần. Nhưng dần dần em đã tha thứ cho chú mèo phạm ăn ấy.

- Helen cũng có thể xem được sư tử - cô Ann nói với Helen - nhưng một con sư tử rất to và tính tình rất hoang dã. Nó không thích các cô bé lắm đâu, hay cũng có thể nói là, nó thích các cô bé quá mức, em nhớ chuyện Tim không?

Helen chẳng bao giờ có ấn tượng mình giống con chim bé nhỏ tội nghiệp không có gì tự vệ ấy. Em trả lời ngay bằng những ngón tay:

- Helen sẽ đưa sư tử về nhà, sẽ chơi với nó, và nó sẽ trở nên rất đáng yêu.

Khi Helen bước những bước đầu tiên ra khỏi nhà tù tối tăm và câm lặng, thế giới mà em đang tiến vào thật nhỏ hẹp. Nó chỉ giới hạn trong những thứ em có thể tiếp cận, có thể sờ được, những thứ mà Ann Sullivan có thể nói tên cho em bằng cách đánh vần trên tay. Với mỗi từ mới, thế giới nhỏ hẹp của cô bé lại mở rộng thêm một chút.

Cùng những cuộc dạo chơi trong vườn, trong trang trại, bên giếng nước và các khu rừng nhỏ ở vùng lân cận, nhờ những ngón tay màu nhiệm của cô giáo, Helen đã hiểu có tồn tại một thế giới vô cùng rộng lớn mà em chưa biết.

Những lúc hai cô trò ngồi trên cây mimoza, cô Ann đã kể với Helen chuyện những con vật hoang dã đang sống ở trong rừng, những khu rừng rậm rạp ở rất xa Tuscumbia. Trong số các con vật ấy, con sư tử hấp dẫn Helen nhất.

- Sư tử thuộc gia đình nhà mèo – cô Ann nói với Helen – Nó là người anh họ xa, rất to lớn và khỏe mạnh của mèo.

Helen nóng lòng muốn được gặp con mèo to – vua của các loài động vật này.

Từ mấy ngày nay, khi những tờ quảng cáo sắc sỡ xuất hiện ở hầu khắp các bức tường trong thị trấn, cô Ann đã kể cho Helen về xiếc.

Cô kể cho em nghe về những anh hề với khuôn mặt nhăn nhó làm mọi người tức cười, về những người đi dây thăng bằng, chênh vênh tí trên cao, dưới chân chỉ là một sợi dây mảnh; về những người đu bay, bay lượn trong không gian và nhảy từ đu này sang đu khác.

Và thích thú hơn cả là những con thú! Những con khỉ bé xíu đi xe đạp vòng vòng, những con hươu cao cổ với cái cổ to ngất ngưỡng, những con voi to lớn kèn càng nhưng lại có thể lấy hạt hạnh nhân bé nhỏ trong tay khán giả với cái vòi dài.

- Còn những con sư tử nữa! – Helen luôn nhắc thêm.

Cái ngày Helen mong chờ cuối cùng đã tới. Búi chặt vào tay cô giáo, Helen chạy, chạy, cố đến rạp bạt tròn to tướng. Em không thể trông thấy rạp bạt, cũng không thể nghe thấy tiếng la hét của bọn trẻ con, lời tán tụng quảng cáo của các anh hề mời người xem vào rạp, không thể nghe thấy tiếng đàn ống xú Barbarie đang chơi một điệu nhạc rộn ràng của phiên chợ.

Dù vậy, Helen vẫn biết rất rõ rằng em đã tới nơi, nhờ vào cái mũi! Các thứ mùi nồng nặc, khó chịu, nhưng với Helen – một cô bé có khứu giác rất nhạy cảm và phát triển lại có vẻ thật tuyệt diệu.

Helen cố phân biệt các “mùi hương” đang vây quanh. Có mùi của mìn cưa, em đã biết trong hôm đến thăm một xưởng mộc gần Tuscumbia. Có mùi thơm quyến rũ của ngô nướng và của những chiếc bánh mì kẹp xúc xích mà em rất thích. Cô Ann giải thích cho Helen rằng chung quanh rạp xiếc có rất nhiều quán hàng nhỏ, nơi những người đến xem thường xúm lại ăn uống vui vẻ trước và sau mỗi buổi diễn.

Nhưng điều làm Helen quan tâm hơn cả là có một số mùi mới, là lạ của các con thú, cái mùi ấy xộc vào mũi khiến cô bé bị ho. Nhưng, em muốn được biết tất cả, muốn được làm một phần của mọi sự vật trong thế giới này!

Trước tiên cô Ann dẫn em đến thăm chuồng khỉ. Cô giải thích với người coi thú là Helen không thể nhìn, cũng không thể nghe được.

- Vậy cô bé có sợ nếu tôi để lũ khỉ trèo lên mình cô bé không? – người coi thú hỏi.

Cô Ann trả lời “không”, và ngay lập tức Helen cảm thấy một hình hài nhỏ bé với những bàn tay tí xíu nghịch ngợm cù vào cổ mình. Helen không sợ, em sung sướng vuốt ve khuôn mặt bé bằng bàn tay nhưng đầy những nếp nhăn của chú khỉ.

Chú khỉ giật lấy chiếc mũ Helen đang đội và chụp lên đầu nó, Helen bật cười. Lại đến lượt một chú khỉ khác trèo lên người, nó bắt đầu kéo cái ru-băng buộc trên tóc cô bé.

- Tôi thật không biết ai đang sung sướng vì được chơi đùa hơn đây – người coi thú hỏi – Cô bé hay lũ khỉ nhỉ?

- Mình có thể đem một chú khỉ về nhà không cô? Em thích lắm... Cô đồng ý cô nhé! – Helen đang đánh vần bằng tốc độ nhanh nhất trong bàn tay cô gia sư.

Cái tin mới về sự có mặt của một cô bé vừa mù vừa câm điếc, lan rất nhanh trong rạp xiếc. Những “con người của phiêu lưu” lập tức quyết định sẽ phải làm tất cả mọi điều có thể để dành cho Helen một kỉ niệm đầy ấn tượng không thể quên về chuyến thăm này.

Những anh hề cho Helen sờ lên mặt họ. Dưới các ngón tay, Helen nhận ra lớp phấn dày, cái mũi to, và đôi lông mày rậm rạp. Những diễn viên đu bay từ trên đu bước xuống, rồi nhẹ nhàng đặt Helen lên đó. Có một cảm giác hơi giống khi ngồi hóng gió ở chiếc ghế trước hiên nhà. Các nghệ sỹ nhào lộn thực hiện tiết mục thật gần Helen và cố giữ thật lâu để em có thể sờ và theo dõi hoạt động của họ.

Khi Helen và cô Ann đến trước con hươu cao cổ, một người trong đoàn xiếc đã bế bổng cô bé lên cao để em có được ấn tượng về cái cổ dài, to, khỏe của con vật. Cách đó không xa là một chú gấu đen ục ịch, cậu chàng lịch sự đưa bàn tay lông lá cho Helen thay lời chào.

Helen hơi giật mình lúc sờ vào cái đầu vùi vùi hơi ươn ướt, nhưng em lại bật cười khi cái vùi ấy rất khéo léo lấy hạt đậu phộng trong bàn tay em.

Người ta còn giới thiệu cho Helen với nàng công chúa Phương Đồng, cô và con voi to lớn của cô là tiết mục chính chiêu khách của gánh xiếc. Những ngón tay Helen lướt trên bộ trang phục với rất nhiều vảy nhỏ, mỏng, trơn láng mà cô Ann tả nó phát ra tia sáng lấp lánh như nắng. Helen được chạm cả vào hòn ngọc đính trên vương miện cô gái, viên ngọc lớn và trong như nước. Nàng công chúa Phương Đồng hỏi cô Ann Sullivan:

- Cô bé có thể đến đây với tôi không?

Helen bỗng như thấy mất trọng lượng, bị nâng bổng khỏi mặt đất và như bay lên không trung... Rồi em thấy đang ngồi bên cạnh công chúa, trên mình chú voi to đùng, cái đầu thô ráp của chú ta đung đưa một cách điềm tĩnh. Lần này, Helen đã có thể ước đoán được độ cao của con vật, thật quá sức tưởng tượng.

Và kết thúc bất ngờ cô Ann dành cho Helen là dẫn em đến trước chuồng sư tử. Những ngón tay của cô bé lập tức múa may trong không khí.

- Cô bé nói gì thế? – người dạy thú hỏi.

Cô Ann đã trình bày với tất cả những người ở gánh xiếc chuyện Helen chỉ nói được bằng tay và không thể nghe, cũng không thể nhìn thấy được gì. Mọi người đều trầm trồ vì không ngờ cô bé lại tỏ ra nhanh nhẹn, sống động đến thế.

Cô Ann Sullivan thở dài:

- Con bé muốn xem sư tử. Nhưng tôi chưa biết làm cách nào, vì với Helen xem tức là chui vào lồng và vuốt lên mình con vật.

Người dạy thú gãi đầu về lưỡng lự:

- Tôi không bao giờ để trẻ con đến gần các con thú của tôi, bọn trẻ thường nghịch ngợm lắm. Và một khi một trong số lũ thú nổi giận thì chúng cư xử tệ lắm, thật khó lường trước được...

Anh ta dừng một lát rồi nhìn Helen:

- Cô bé này vẫn thường chơi với các con vật chứ?

- Ồ đúng vậy – Cô Ann sôi nổi – em ấy đã quen chơi với chúng rồi. Từ trước tới nay, loài vật bao giờ cũng yêu quý con bé.

- Được! – người dạy thú hào hứng – Tôi có một con sư tử con, nó chưa có được vóc dáng hoàn hảo của một con sư tử trưởng thành đâu. Nhưng nó hiền như mèo. Tôi có thể dễ dàng để cho nó tin tưởng. Chúng ta thử nhé?

Anh ta rút ra một chùm chìa khóa và dẫn cô Ann cùng Helen đi đến một cái chuồng sau rạp xiếc, cách biệt với những đám đông ồn ào.

- Tôi vẫn chưa luyện tập cho nó – anh ta vừa nhìn con thú nhỏ tuổi ấy một cách trù mến – Nó còn non quá. Tôi phải khiến nó quen thân với tôi đã, các bài học cứ để sau. Tôi nhốt nó tận đây vì tôi không muốn người ta trêu chọc nó, hoặc làm nó sợ, điều đó sẽ làm cho nó trở nên hung dữ.

Khi Ann và Helen theo sau người dạy thú vào trong lồng, chú sư tử con – nó đã là một con vật khá to lớn, oai vệ với cái bờm tuyệt đẹp – đứng dậy và vươn vai về lười biếng.

- Chúng ta có bạn đến chơi này, Peter – người dạy thú nói vui vẻ.

Và anh gãi nhẹ nhẹ sau tai cậu bé cưng. Rồi anh cầm tay Helen đặt lên lưng Peter. Theo sau người dạy thú, Helen lướt nhẹ nhàng, chăm chăm bàn tay trên mình chú sư tử. Em vuốt ve bộ lông bờm dày, mượt của nó, Peter ngồi yên, mắt hơi lim dim về hải lòng.

Những ngón tay nhỏ nhắn của cô bé xuôi xuống trán Peter, chạy giữa hai mắt rồi dọc theo sống mũi lướt trên cái mõm dài lởm chởm ria. Cổ họng Peter bỗng phát ra một âm thanh gì đó là lạ, nghe có vẻ đáng sợ. Helen không nhận thấy chúng, nhưng em có thể cảm nhận được qua những rung động, em không tỏ ra sợ hãi, nhưng hình như có lưu tâm và thích thú lắm.

Còn cô Ann thì hốt hoảng:

- Tại sao nó lại gừ thế?

- Không sao đâu cô giáo ạ - người dạy thú cười trấn an cô – không phải nó gầm gừ cái kinh mà nó gừ gừ khoái chí đấy. Cô không biết sao? Như những con mèo ấy! Tất nhiên nghe thì không êm tai lắm vì nó hơi “lớn” một chút, nhưng đó là cách nó thể hiện tình cảm thân thiện!

- Bây giờ Helen đang nói gì đấy? – Người dạy thú hỏi.

- Em bảo con sư tử rên hừ hừ to hơn con mèo nhiều! – cô Ann trả lời và không khỏi bật cười.

- Vậy sao? Thế thì hãy nói với cô bé rằng em sẽ trở thành một cô giáo dạy thú tuyệt vời nếu em muốn – người thầy của Peter nói đầy xúc động.

Buổi tối, ở nhà ông bà Keller, mọi người tốn nhiều công thuyết phục cho Helen hiểu rằng những chú sư tử, hươu cao cổ và voi sẽ không hề thấy hạnh phúc khi sống trong trang trại không hề có bạn bè, người thân và dù Helen có chăm sóc chúng đến mấy thì khi ngủ chúng cũng không thể vào phòng em được.

11. Đứa trẻ nổi tiếng thế giới

- Con bé lại gặm móng tay rồi.

Ann Sullivan tỏ ra rất thất vọng. Helen vẫn say sưa cắn móng tay cái, chẳng hay biết đến vẻ bất bình trên gương mặt cô Ann và bà Keller, họ đang nhìn em chăm chăm.

Đột nhiên, cô Ann quyết định:

- Tôi rất tiếc phải làm đến mức này, nhưng...

Cô đến bên Helen rất nhanh, phát nhẹ vào tay cô bé. Rồi cô lấy trong hộp khâu một dây ru-băng mềm. Cô cầm tay Helen và viết vào đó bằng những động tác thật lạnh lùng, khác hẳn với thói quen thường ngày:

- Cô không đồng ý em gặm móng tay, cô đã nói nhiều lần rồi. Em vẫn thế! Cô sẽ phải dùng cách khác để cấm em không được cắn móng tay nữa.

Cô dùng sợi dây buộc hai tay cô học trò ra sau. Helen bất ngờ muốn khóc. Sự trừng phạt này chỉ kéo dài ½ giờ, nhưng cô bé có bao nhiêu điều muốn nói trong khoảng thời gian tưởng chừng ngắn ngủi ấy. Em không thể nói được với đôi bàn tay trói sau lưng.

- Em thực sự tin rằng hình phạt này với cô Ann còn nặng nề hơn Helen – buổi tối, khi kể lại chuyện cho chồng, bà Keller nói – giá anh trông thấy cô ấy cứ đi đi lại lại trong phòng và không ngớt nhìn đồng hồ.

Helen bây giờ đã là một cô bé 8 tuổi, vui vẻ, yêu đời và ngoan ngoãn. Không còn những chuyện điên khùng đáng sợ chột đến, không còn vẻ cứng đầu cố hữu như ngày trước nữa. Nhưng cũng như tất cả các bé gái khác, Helen vẫn có một số khuyết điểm. Đôi khi cô bé tỏ vẻ lười biếng, không ngăn nắp, không thích tắm và không thích cắt tóc.

Thường thường, nếu muốn phạt Helen, cô Ann chỉ cần bỏ mặc cô bé ngồi một mình trên giường. Đây là lần đầu tiên cô dùng “biện pháp mạnh”. Nhưng, cô muốn bằng mọi cách ngăn không cho Helen gặm móng tay nữa.

Helen chỉ có cách diễn đạt duy nhất là dùng đôi tay nên tất cả những người đến thăm cô bé

đều luôn dán mắt vào đôi bàn tay ấy. Không thể để một ấn tượng kém cỏi như thế được, hơn nữa lại tạo ra thói quen xấu rất mất vệ sinh.

Có một chuyện quan trọng phải kể là giờ đây Helen đã trở thành một đứa trẻ nổi tiếng trên toàn thế giới. Cô Ann Sullivan vẫn thường thông báo đều đặn cho giáo sư Anagnos những tiến bộ của cô trò nhỏ. Các bài báo đầu tiên viết về Helen đã xuất hiện trên một số tạp chí y học và giáo dục. Chuyện cô bé Helen rất nhanh chóng vượt qua sự hạn chế giữa các vấn đề nghiên cứu của giới chuyên môn. Cô bé Helen không nhìn thấy, không nghe thấy và không nói được, ấy vậy mà có khả năng học được biết bao điều hơn hẳn những đứa trẻ cùng lứa. Người ta kể cho nhau nghe ở hầu khắp các nước trên thế giới.

Người ta cảm động và thương hại. Người ta nhìn cô bé như một số phận khiến rơi nước mắt chẳng? Có, nhưng chỉ một phần, tình cảm trong họ nhiều hơn là sự khâm phục hoàn toàn và tuyệt đối. Helen là một bằng chứng sống về sức mạnh trí tuệ tiềm tàng của con người.

Nhưng Helen hoàn toàn đứng ngoài sự nổi tiếng ấy, sự nổi tiếng của chính mình. Helen không hề biết chút gì về những bài viết liên quan đến em xuất hiện hầu như tất cả các ngày. Cô Ann Sullivan muốn vậy.

- Những câu chuyện đó có thể sẽ đem lại nhiều điều đau khổ cho Helen nếu em biết về nó – cô giải thích với ông bà Keller – Không được để em thành một đứa trẻ đáng thương; được chăm sóc chiều chuộng thái quá và trở nên kiêu ngạo... Em sẽ không tiếp tục cố gắng tiến bộ nữa và cuối cùng em sẽ thật sự bất hạnh.

Bởi mọi người chỉ có thể giao tiếp với Helen bằng ngôn ngữ của ngón tay, nên thật dễ dàng giấu em những điều được viết trên báo và thậm chí được nói hàng ngày. Có rất ít người biết sử dụng bảng chữ tay.

Vài tuần sau đó, một buổi sáng tháng Năm, có một cô bé xinh xắn, rạng rỡ cùng cô Ann Sullivan đi du lịch; cô bé bây giờ đã mất thói quen cắn móng tay khi trước. Tàu rời ga, cô bé đã ngồi ngay ngắn trên băng ghế, tay đặt trong lòng cô giáo.

Helen biết cô Ann sắp tả cho em tất cả cảnh vật đang trôi qua bên ngoài cửa sổ. Những cây ăn trái đang mùa ra hoa. Những người đang lao động trên cánh đồng. Những mái nhà, những tháp chuông, thành phố, làng mạc... và xa xa, những dãy núi xanh thẳm hiện ra sau đám mây dày trắng xốp.

Helen đã được học thế nào là núi, là sông, là thung lũng. Cô Ann Sullivan đã dạy em những bài học địa lý bên bờ con sông Tennessee chảy ngang gần nhà. Một trong các cuộc đi chơi thú vị nhất là cùng cô giáo đến nơi mà hai cô trò đặt cho tên là “Sân ga nhà Keller”. Đó là một ga xép đã bị bỏ hoang khá lâu, phần nhiều đã mục nát. Ở “sân ga”, Helen xây những con đê bằng sỏi, vẽ những hòn đảo, những ao hồ, đào các đường chảy cho những con sông... Tất cả đều khiến cho cô bé rất thích thú và không một lúc nào mảy may nghỉ ngơi mình *đang phải học, phải làm*.

Cô Ann vẽ lên cát cho Helen những tấm bản đồ nổi, và cô bé lướt tay trên những đỉnh núi, đưa theo đường lượn của các con sông. Rồi cô giáo kể cho em nghe về núi lửa, về những thành phố bị chôn vùi trong lòng đất, những dòng sông chuyên chở những tảng băng trôi... Tất cả được cô Ann kiên trì đánh vần trong lòng bàn tay cô bé Helen đang rất chăm chú. Phải chăng chỉ nhờ có cách đó? Có lẽ không một ai trên đời thực sự biết rõ.

Helen coi chuyến đi như một ngày hội. Cô Ann để giải thích với em đây sẽ là chuyến du lịch dài ngày nhất từ trước tới nay của em. Họ sẽ đến tận Boston, bang Massachusset, có nghĩa là mãi miền Bắc nước Mỹ. Phải đi tàu hai ngày một đêm mới tới nơi. Họ sẽ ngủ và dùng bữa trên tàu.

- Vậy giống như là em ở trong ngôi nhà có bánh xe lăn cô nhĩ! – Helen nói với cô giáo.

Ở Boston, cả Viện Perkins đang đón chờ Helen và cô Ann. Giáo sư Anagnos rất nóng lòng được gặp mặt cô bé, sau tất cả những gì được nghe kể về cô trò nhỏ đó. Còn Helen, em cũng rất sung sướng với ý nghĩ sẽ được chơi với nhiều bạn nhỏ cũng biết nói bằng tay như mình.

Suốt một thời gian dài, Helen không hiểu ý nghĩa của từ Mùa. Em chỉ mau chóng nhận ra mọi người nói bằng miệng và em không có khả năng đó. Em thường đặt tay lên môi mẹ, môi cô Ann

để được cảm nhận rằng họ đang nói. Nhưng cần có nhiều thời gian hơn để cô bé hiểu đôi mắt dùng để làm gì.

Thế mà một hôm, những ngón tay Helen đặt câu hỏi cho cô Ann:

- Mắt em dùng để làm gì?

Cô Ann Sullivan hiểu cô cần phải có một câu trả lời đúng sự thật. Khi trước, cô đã từng băn khoăn; ngần ngại khi phải giải thích cho Helen tại sao rất nhiều người không biết dùng chữ Braille. Cô dè dặt bảo em:

- Cô nhìn thấy mọi vật bằng đôi mắt cô. Còn em, em nhìn bằng đôi tay của mình.

Helen đặt tay lên khuôn mặt cô Ann, tìm đôi mắt cô, rồi lại tự đặt tay lên mắt mình. Em có vẻ rất tò mò. Bởi dưới đôi bàn tay, em chẳng cảm nhận được điều gì khác biệt.

Trong lúc cô Ann đang quan sát em, lòng rối bời thì những ngón tay Helen bắt đầu ngọ nguậy:

- Mắt em bị ồm nhĩ! – em nói

Cô Ann thấy tim mình đau nhói. “Miễn là em đừng thất vọng khi thấy em không giống những người khác”, cô tự an ủi. Nhưng Helen chẳng đau buồn chút nào vì điều đó. Nhờ có cô Ann, cuộc sống của em đã quá sung túc, quá hấp dẫn làm say lòng rồi. Em không còn thời gian để buồn bã hay chán nản. Em đã quen việc nhìn bằng đôi tay. Đôi bàn tay ấy giúp em có thể nghe thấy cô Ann nói; và cô Ann đã đem cả thế giới rộng lớn mênh mông vào trong lòng bàn tay nhỏ xíu ấy.

Ngồi trên tàu, ý nghĩ khiến Helen thích thú nhất là sắp được gặp nhiều bạn mới. Những bạn biết nói chuyện bằng tay với em, điều mà Martha Washington, cô bạn nhỏ da đen ở nhà không biết làm.

Cô Ann kể cho Helen rằng Viện Perkins có một cô giáo, cô Laura Brigman, cũng không nói được bằng miệng như Helen.

- Mọi người nói với cô ấy như cách cô nói chuyện với em, bằng các ngón tay. Vì thế nên tất cả các bạn nhỏ trong trường đều học ngôn ngữ bằng tay – cô Ann nói.

Đến Boston, chỉ ở chơi trong Viện Perkins một thời gian ngắn mà Helen có biết bao phát hiện thú vị. Điều đầu tiên khiến Helen rất sung sướng và có phần tự hào là mới quen biết nhưng em cũng có thể nói chuyện rất dễ dàng với cô Laura Brigman. Em lại có thêm rất nhiều bạn, học sinh của bác Anagnos. Em cùng các bạn say sưa vui chơi hàng giờ. Ở viện Perkins có những trò chơi đặc biệt phù hợp với trẻ em mù và có rất nhiều sách in bằng chữ Braille.

Trong suốt tuổi thơ, Helen còn quay lại Boston nhiều lần. Ông Anagnos muốn theo dõi đều đặn những tiến bộ của cô bé. Nhân những chuyến du lịch này, Helen có dịp gặp gỡ với rất nhiều người nổi tiếng. Họ đều mong muốn gặp em từ lâu.

Chính vì thế, cô bé Helen đã trở thành người bạn nhỏ của nhà thơ John Greenleaf Whittier và nhà văn Oliver Wendell Holmes. Helen viết nhiều thư cho ông Holmes và ông đã cho đăng trên tờ báo do ông chủ bút một trong những bức thư ấy. Helen cũng rất yêu quý J.G. Whittier, em không coi ông như một người nổi tiếng, bởi em thâm chí chưa hiểu được nghĩa của từ đó, mà như một ông già tốt bụng và biết rất nhiều điều thú vị.

Tiến sĩ Hale, cũng là một mục sư, thường xuyên đến viện Perkins, vẫn vui vẻ gọi Helen là “Cô em họ của tôi”. Đức cha Phillips Brooks, tổng giám mục, thì hay bế em ngồi trong lòng và kể cho em nghe truyền thuyết các Thánh; cô Ann ngồi bên cạnh và dịch lại qua bàn tay Helen.

Một lần, trên đường đi Boston, cô Ann và Helen dừng lại ở Washington ghé thăm bác sĩ Alexandre Graham Bell, người đã phát minh ra máy điện thoại. Chính bác sĩ Bell đã cho ông bà Keller địa chỉ Viện Perkins. Nhờ ông mà vào một ngày đẹp trời, Ann Sullivan đã đến Tuscombiana và biến đổi cuộc đời Helen. Trong lần gặp gỡ này, Helen đã hiểu thế nào là “gặp lại, nhận ra”.

Thời gian hai cô trò ở Washington, tiến sĩ Bell đã một mực đề nghị đưa họ đến Nhà Trắng diện kiến Tổng thống, năm đó ngài Cleveland đang giữ nhiệm kỳ. Đây là “vị tổng thống đầu tiên” trong đời Helen. Sau này, suốt cuộc đời mình, Helen đã được lần lượt gặp từng vị tổng thống đương nhiệm. Trong đó phải kể đến lần gặp Tổng thống Eisenhower sau chiến tranh thế

giới thứ II; Helen đã kể trong một cuốn sách của mình: “ông đã nở một nụ cười rất quyến rũ với tôi”.

Helen ngày càng trở nên nổi tiếng. Có rất nhiều người gửi quà và thường xuyên viết thư cho em. Người ta lấy tên Helen để đặt cho 1 con tàu lớn ở bang Maine. Ở London, nữ hoàng Victoria hỏi thăm vị đại sứ Mỹ tình hình sức khỏe và học tập của Helen.

Nhưng Helen vẫn luôn là một cô bé vui vẻ, giản đơn và hạnh phúc, nhờ có cô Ann luôn bảo vệ em tránh khỏi những tán dương thái quá của nhiều người ngưỡng mộ. Cô Ann chỉ đau đầu mong muốn Helen có cuộc sống hạnh phúc của một đứa trẻ thực sự.

Sau chuyến du lịch đầu tiên đến Boston, cô quyết định sẽ đưa em đến bờ biển. Ý tưởng này khiến Helen thích lắm. Vậy là cả hai đến Mũi Cod, không xa Boston là mấy. Helen rất nóng lòng được thấy biển và được tắm biển.

Buổi chiều đầu tiên, Helen cứ nôn nao khi nghĩ đến việc được mặc bộ đồ bơi xinh xắn mà cô Ann đã chọn cho. Ngay khi vừa sẵn sàng mọi việc, Helen đã lao nhanh như tia chớp, chẳng thoáng chút lo sợ, chạy nhào xuống nước.

Thật là tuyệt! Những con sóng ôm lấy em như những đôi tay mạnh mẽ. Em nhảy giữa nước mát, hai cánh tay đùa với sóng. Bỗng, em bị vướng chân vào một cây rong dưới nước, treo chân, mất thăng bằng. Đúng lúc đó, 1 con sóng lớn đổ tới, ào lên người và giúi đầu em xuống nước... Helen ngã dúi dụi, trong một giây hoảng hốt, sợ hãi. Nhưng cô Ann Sullivan đã ôm ngay lấy em, đưa em lên bờ, lau khô và xoa bóp, vỗ về em. Vừa lấy lại bình tĩnh, Helen kéo tay cô giáo hỏi:

- Ai đã cho muối vào nước đấy?

Ồ cô Ann đã quên mất! Cô đã tả nhiều cảnh biển cho em, rằng biển rộng mênh mông, càng xa bờ biển càng sâu và càng trong xanh, rằng bầu trời cũng rất xanh và cao, rồi những con sóng bạc đầu xô lên bờ cát. Vậy mà cô lại không nói với em là nước biển mặn!

Năm phút sau, Helen đã quên sợ hãi, lại quay xuống nước. Em đã học được cách trụ vững trước những con sóng, thậm chí em còn học cách trèo lên những mồm đá. Em thích mê những con ốc biển, những cây tảo, những hòn cuội bị nước biển mài nhẵn thín... và những con còng chạy rất nhanh trên cát, em túm lấy chúng và khéo léo tránh những chiếc càng nhọn của chúng.

Bên bờ biển, cô Ann giải thích cho em là thế nào các động vật thân mềm “xây dựng” được cái vỏ cứng. Cô kể về những con mực bơi dưới làn nước trong xanh biển Ấn Độ Dương lúc nào bụng cũng mang cả một lọ mực đầy. Cô kể cho em tại sao những động vật thủy sinh bé tí ti lại có thể làm nên cả những đảo san hô ở Thái Bình Dương. Với các từ ngữ thật đơn giản mà khi đó cô bé Helen đã hiểu được, cô Ann sự phát triển của một con ốc có chiếc vỏ vân nhẵn bóng mà em đang cầm với sự phát triển trí tuệ của con người. Con ốc lấy những chất liệu trong lòng biển mà nó cần để sinh trưởng và tái tạo nên những chiếc vỏ đẹp rất khác nhau như vậy. Còn con người lại dùng thức ăn và tiếp thu những sự vật chung quanh mình để biến đổi chúng và làm nên 1 nhân cách riêng.

Khi đang chơi rất thích thú với vỏ ốc và sỏi cuội, Helen chưa thể hiểu ngay ý nghĩa của những điều cô Ann nói, song những ý tưởng trừu tượng đã mơ hồ hình thành trong trí. Ngày lại ngày, em vui đùa trên cát, thật giản dị, đơn sơ. Vào những ngày cuối của kỳ nghỉ em đã rất tự hào viết thư cho một người chị em họ: “... Bây giờ, Helen đã biết bơi rồi đấy!”

12. Mùa đông có tuyết

Mùa đông sau, Helen và cô Ann trở lại Viện Perkins. Sắp được gặp lại các bạn cũ, Helen vui lắm. Còn cô Ann thì đang cần thống nhất lại chương trình học với giáo sư Anagnos, bởi cô học trò nhỏ của cô luôn đạt được tiến bộ nhanh hơn nhiều so với những gì người ta có thể hy vọng.

Đó là lần đầu tiên Helen trải qua mùa đông ở miền Bắc. Thật vui sướng với ý nghĩ được thấy tuyết. Bang Tuscumbia khí hậu nóng, nên chẳng thể biết tuyết ra sao khi sống ở Alabama.

Cô Ann và Helen rất ngạc nhiên vì lạnh quá, lạnh hơn nhiều so với mùa thu ở nhà. Miền Bắc không có mimosas cũng không có hoa tu-líp, nhưng cô bé vẫn thích cùng cô Ann dạo trong công viên, cảm thấy những chiếc lá khô giòn dưới mỗi bước chân đi. Những ngón tay cô Ann kể với em rằng:

- Cây cối mang một màu nâu sẫm và hầu như trụi lá. Nhìn qua các cành cây thấy từng mảng trời lồ lộ như ren thêu diềm váy mẹ. Thiên nhiên nơi đây không vui tươi, sống động và mượt mà như ở Tuscumbia, nhưng dù vậy, nó vẫn rất đẹp, một vẻ đẹp khác, dịu dàng và trầm lắng hơn.

Ann và Helen có thêm những người bạn mới ở miền Bắc, trong số họ có gia đình Chamberlin, một gia đình rất mến khách sống ở “Trang Trại Đỏ”, gần làng Wrentham, cách Boston khoảng 40km. Ông Chamberlin thường viết bài cho tờ “Transcrip”, một trong các tờ báo hay nhất ở Boston.

Đã nhiều lần gia đình Chamberlin mời cô Ann và Helen đến ngôi nhà họ nghỉ đông. Trang Trại Đỏ là một nơi rất sống động, rất nhiều trẻ con, và cả chó con, mèo con nữa. Ngôi nhà – thực tế là cả một khu đất rộng mênh mông ấy, thật thoáng đãng và giàu có tới từng góc ngách. Trang trại nhìn xuống Hồ Vua Phillip, là nơi cái tên đã được “những người mở đất” đặt cho, chính là những người nông dân Anh này đã gây dựng nên Plymouth.

Hôm tuyết bắt đầu rơi, Helen đang chơi ngoài trời với lũ trẻ nhà Chamberlin, người được trang bị đủ thứ khăn, mũ, áo, chỉ hở có đôi mắt, còn chân được ủ ấm trong đôi ủng lông. Cô Ann bỗng vội vàng rút tay em ra khỏi một chiếc găng, xòe tay cho Helen đón bông tuyết đầu tiên trong cuộc đời. Từng bông tuyết lớn rơi trên tay em.

- Chúng từ đâu đến thế? – Tay Helen bối rối hỏi.

Dĩ nhiên, khi tiếp xúc với tay em, những bông tuyết dần tan ra, và cô bé, vẻ hoài nghi, nắm nắm bàn tay, ngạc nhiên vô cùng khi chỉ còn thấy một chút nước lạnh ngắt.

Tuyết tiếp tục rơi cả buổi chiều, và đến tối, một đợt gió mạnh bắt đầu thổi. Ngôi nhà run rẩy, kêu cọt két, những cành cây oằn mình vì gió và tuyết. Helen chăm chú lắng nghe những chuyển động quanh mình.

Cả nhà tụ tập bên ống sưởi. Thật ấm áp và thoải mái, tất cả đều vui vẻ! Ông Chamberlin nướng ngô, mùi thơm thật quyến rũ. Những đứa trẻ nhà Chamberlin hát và kể rất nhiều chuyện, tay cô Ann không ngừng đánh vần, chẳng hề biết mệt mỏi, mọi điều cho Helen.

Sáng hôm sau, trời đẹp tuyết vơi: bầu trời xanh ngắt, mặt trời rực rỡ và tuyết lấp lánh dưới ánh nắng.

Bọn trẻ rủ Helen đi chơi và chỉ cho em cách làm một người tuyết khổng lồ. Đôi găng tay đỏ của cô bé đã ướt sũng cả, nhưng em không cảm thấy lạnh, em quá vui!

Buổi chiều, ngài Chamberlin lôi ra một chiếc xe trượt tuyết to đùng.

- Cô có nghĩ là Helen sẽ sợ nếu chúng ta cho cô bé lên xe trượt tuyết không? – ông hỏi cô Ann. Không có cô người ta chẳng bao giờ dám nêu ra một ý tưởng nào, càng chẳng thể có một quyết định nào.

- Không! Chắc chắn rồi! – Hai cô trò cùng hăng hái.

Những đứa trẻ dồn cả lên xe và cô cũng lên cùng lũ trẻ. Chiếc xe trượt được lắp đặt vào vị trí, chính cho thẳng bằng trên đỉnh dốc dựng đứng đổ xuống Hồ Vua Phillip. Không hề có nguy cơ bị chìm khi chạm mặt hồ: nó đã bị đóng băng cứng từ bờ này sang bờ kia với độ dày hơn một mét.

Cô Ann giải thích cho Helen cần phải giữ chắc như thế nào và những gì sẽ diễn ra.

- Chúng ta sẽ lao xuống rất nhanh. Vì vậy em cần bám thật chặt vào! Cô ở ngay sau em thôi. Dựa sát vào cô và khi em thấy cô ngã người thì em cũng làm theo cô. Rồi em xem, sẽ rất vui!

Khi tất cả đã sẵn sàng, ông Chamberlin hét lên:

- Khởi hành!

Cậu con trai lớn đã không trèo lên xe trượt, cậu đứng ở đuôi xe đẩy mạnh một cú. Và hốp! Cuộc chơi bắt đầu.

Chiếc xe trượt xuống dốc với một tốc độ chóng mặt. Helen sửng sốt trong giây lát. Những “khách du lịch” nhảy qua các hố sâu, lao thẳng qua những bấu tuyết như một tia chớp. Tất cả diễn ra rất nhanh, nhanh hơn nhiều so với tả lại bằng lời. Họ tiếp xuống mặt hồ đóng băng và theo đà kéo đi một đoạn dài. Chiếc xe lướt qua mặt băng gỗ ghè và xói tung những bông tuyết rơi trên hồ, những hạt tuyết li ti bắn lên má Helen buốt lạnh. Thật vui, thật tuyệt diệu, thật ngây ngất. Helen có ấn tượng mình đang bay như một chú chim, hoàn toàn mất thăng bằng. Em cười mãi, cười mãi...

Đến cuối hồ, chiếc xe chậm dần và dừng lại. Bọn trẻ nhảy tung lên, cứ như phát điên vì sung sướng, cùng rũ tuyết đang phủ từ đầu đến chân.

- Helen có thích không? – ông Chamberlin hét lên từ trên đỉnh dốc.

- Chắc chắn là có rồi! – cô Ann đáp lại.

Cô bật cười giòn tan vì Helen vừa rút tay ra khỏi găng, những ngón tay gần như cóng lại, đỏ ửng, vẫn cố đánh vờn nhanh nhất:

- Nữa! Nữa đi cô!

Tất cả những ngày nghỉ còn lại là những cuộc chơi cũng vui như thế, chơi trong tuyết, chơi với tuyết. Những đứa trẻ nhà Chamberlin thích cô bé Helen này lắm vì cô bé chẳng sợ gì cả. Cũng có những giờ phút hiền hòa hơn, như chuyển đi dạo bằng xe kéo trên tuyết với cô Ann. Thật ấm áp và dễ chịu khi ngồi giữa những tấm da trâu và cỏ khô. Ánh mặt trời phản chiếu trên tuyết hôm đó đỏ rực đến nỗi đôi mắt mù lòa của cô bé hôm đó cũng có được đôi chút cảm nhận. Helen hơi thảng thốt vì sự thiếu vắng của các mùi. Đây là cây thông, em có thể nhận ra chúng khi sờ lên lớp vỏ cây sần sùi, và vài ba nhánh lá mắc lại; nhưng em không ngửi thấy mùi nhựa thông quen thuộc. Sự thiếu vắng ấy như một điểm tương đồng với không gian tĩnh lặng bao trùm lên khung cảnh thiên nhiên trong những ngày tuyết rơi hiền hòa.

Mùa đông cực vui đó cũng là mùa đông học tập. Helen và cô Ann không hề để chậm chương trình học của Viện Perkins. Helen không lên lớp được cùng các bạn mù khác trong viện, nhưng em vẫn có những giờ học riêng tất cả các ngày với cô Ann.

Em học ngữ pháp tiếng Anh, Địa lý, Lịch sử nước Mỹ và Số học. Helen tỏ ra không nhiệt tình lắm khi bước đầu tìm hiểu niềm vui của những phép toán. Cô Ann dạy em đếm bằng những hạt cườm xâu thành chuỗi và chơi với các bao diêm mà cô thêm vào hay bớt đi. Song, dần dần, em bắt đầu có tiến bộ và sự ham học đến với em. Điểm này càng đáng khâm phục hơn, bởi để nhân, chia, cộng, trừ em phải lưu các con số lại trong đầu chứ không thể đọc được những gì em đã viết bằng bút chì.

- Tôi cũng không hiểu tại sao em làm được thế! – Ann Sullivan nói với giáo sư Anagnos – Em quả có một trí nhớ thật tuyệt vời!

Helen rất mê thư viện trường Perkins, các giá sách chất đầy những cuốn sách in bằng chữ Braille. Em ngồi hàng giờ, những giờ phút thật thú vị, tay lướt trên những trang sách, trên những dòng chấm nổi. Các cuốn sách em đọc thường là sách cho trẻ em, nhưng đôi khi cũng là sách cho người có trình độ cao hơn. Em thấy chúng thật hấp dẫn. Em không hiểu được hết các từ nhưng vẫn quả quyết đọc tiếp và nghĩa của chúng lờ mờ hiện ra. Cô Ann hàng ngày vẫn giúp em làm giàu vốn từ, và nhờ vậy, những từ mới có hình dạng ngày càng rõ nét trong ý nghĩ của em.

Sang tháng Hai, ngày bắt đầu dài hơn, mùa hè sắp đến! Mùa hè có nghĩa là trở về Tuscumbia. Helen nóng lòng gặp lại bố mẹ và em gái Mildred, bây giờ Helen đã yêu em lắm rồi; và nhất là em muốn được thấy chú chó giữ nhà giống Anh mà một người bạn “hâm mộ” đã gửi tặng em nhân dịp Noel. Khi ấy, bà Keller còn chưa biết viết chữ Braille, nhưng vì muốn có niềm vui được tự tay viết thư báo tin cho Helen về món quà, bà đã chuyên chú học rất nhanh. Lúc đến Tuscumbia, chú chó chỉ là một chú cún bé tí.

Helen đã đặt tên cho nó là “Sur Tử”, để ghi nhớ lại chuyến thăm rạp xiếc ngày nào và “khoảnh

khắc” ở trong lòng, bên chúa sơn lâm.

- Em hi vọng khi em về mùa hè này, Sư Tử vẫn chỉ là một chú chó con – Helen nói với cô Ann – Em biết nó sẽ lớn nhanh và khỏe hơn em rất nhiều, nhưng giá nó vẫn bé nhỏ để em có thể bế trên tay.

Helen đếm từng ngày mong đến kỳ nghỉ hè, nhưng trong đầu em còn đang nung nấu một dự định khác, nghiêm túc hơn nhiều. Một dự định mà ban đầu dường như không tưởng, nhưng Helen vẫn bám chắc lấy nó với sự ngoan cố đặc biệt của một cô bé chín tuổi. Em đã có lý và mong muốn của em – điều giống như một giấc mơ – mùa xuân năm ấy đã thành sự thực, bằng một cách mà không ai biết, kể cả Helen, chờ đợi.

13. Em không còn cảm nữa

Khi Ann Sullivan biết chuyện về Ragnhild Kaata, bây giờ là cuối tháng Ba.

Cô gái Na Uy Ragnhild Kaata cũng mù và điếc như Helen. Nhưng nhờ ý chí và nỗ lực tập luyện kiên trì, cô đã đạt được một kết quả diệu kỳ tưởng như không thể: cô nói. Ragnhild nói được gần như những người bình thường.

Tin này khiến cho Ann Sullivan xao động, điều cô gái Na Uy ấy có thể làm, tại sao Helen lại không?

Khi Helen còn bé tí, tức là trước khi Ann bước vào cuộc đời em, Helen vẫn thường sờ lên môi cha mẹ khi họ nói. Em tưởng họ đang chơi trò gì đó, thuần túy như một sự nghịch ngợm. Helen cảm thấy bị bỏ rơi, bị tổn thương, bức bối. Và giống như bao lần khác, một cơn giận dữ khủng khiếp lại bùng lên, rồi nó làm em kiệt sức, làm em càng thêm buồn bã. Bây giờ thì Helen đã biết không phải bố mẹ đang chơi, đang đùa nghịch, mà khi môi họ mấp máy là họ đang nói. Em cũng biết tất cả những người bình thường khác đều nghe bằng tai và nhìn bằng mắt.

Còn Helen, tai em không nghe được một giọng nói nào cả, kể cả giọng nói của chính mình. Em không có cách nào để biết sử dụng giọng nói ấy. Em cảm không phải do tổn thương thanh quản. Em cảm vì em bị điếc. Em chỉ có thể nói và nghe bằng bàn tay mình.

Đáng buồn thay, đa số mọi người không biết dùng bảng chữ tay, bởi thế Helen không thể nào trò chuyện được với họ. Em có bao điều muốn nói với mọi người. Thật nặng nề! Ngay cả với cô Ann cũng vậy, bởi những ý nghĩ của em nhanh hơn những ngón tay rất nhiều.

- Đừng có nhanh thế! - cô Ann thường bảo em - Tay em phi như ngựa thế, cô không hiểu em muốn nói gì cả.

Giờ Helen đã biết tiếng nói phát ra từ đâu. Đặt tay lên cổ cô giáo, em cảm thấy rất rõ những rung động của dây thanh đới. Em cũng biết mọi từ em viết trên tay cô giáo đều có thể biểu hiện bằng miệng, môi, họng. Và Helen đã thành công khi tập đọc trên môi cô Ann. Khi cô nói, em đặt nhẹ ngón tay lên miệng cô, không phải lúc nào em cũng nhận biết được từng từ riêng biệt, nhưng em có thể hiểu được ý nghĩa cơ bản.

Đối với một con người nhìn được, nhìn miệng đoán chữ không phải khó lắm. Phần lớn người điếc đều có thể dễ dàng làm được điều đó. Còn với người mù, chuyện đó gần như không thể. Vậy mà Helen đã làm được!

Và Helen đã quyết định, em sẽ học nói, nói bằng cổ họng và môi của mình. Đó là kế hoạch của Helen.

Từ bấy lâu nay, Helen rất cố gắng để nói. Nhưng những âm thanh em tạo ra rất lạ điệu và khó nghe. Ann Sullivan thở dài khi thấy Helen vã mồ hôi tập nói. Cô cố lôi kéo sự chú ý của em sang hướng khác, cố nghĩ ra những câu chuyện, những trò chơi mới hấp dẫn em. Mặc, Helen vẫn ngoan cố.

- Em biết là cổ họng em có gây ra tiếng mà - em nói với cô giáo - tại sao em không thể tập để tạo ra âm thanh "biết nói".

- Nhiều người điếc đã tập nói được - Ann trả lời, cô ngày càng sợ cô bé sẽ thất vọng khủng khiếp khi nhận ra em không thể nói - Những giọng nói của họ thường đơn điệu và khó hiểu vì họ không thể nghe thấy để tự điều chỉnh. Còn em, em học nói sẽ khó hơn, vì em không thể nhìn thấy cách người ta dùng môi, miệng và các cơ mặt như thế nào.

- Em có thể cảm thấy mà! - Không gì có thể thuyết phục nổi Helen từ bỏ.

Khi Ann biết chuyện Ragnhild Kaata, cô đã rất vui mừng. Helen có lý, có lý khi đã rất ngoan cố, có lý khi đã luôn tin rằng em sẽ nói được. Cô Ann kể chuyện cô gái Na Uy cho Helen, và bảo rằng từ bây giờ em cần phải được học một cách chính quy cùng với các chuyên gia.

Helen thích quá. Lại một cuộc sống mới sắp bắt đầu. Không chần chừ thêm nữa, Ann đã quyết định đưa Helen đến gặp cô Fuller, hiệu trưởng một trường dành riêng cho trẻ câm điếc, trường Horace Mann, Boston. Helen nháy chân sáo vào văn phòng cô Fuller, vui mừng và sốt ruột. Lúc đi cô Ann rất phân vân, liệu cô Fuller có thể dạy cho Helen nói được không.

- Tôi rất vui được giúp cô bé – cô Fuller nói khi nhìn dáng vẻ đầy tin tưởng của Helen, bây giờ cô bé đang ngồi rất yên lặng và ngoan ngoãn – thậm chí, phải nói rằng tôi rất hạnh phúc. Nào chúng ta sẽ bắt đầu ngay bây giờ.

Cô đặt một ngón tay Helen lên môi mình, còn một tay đánh vần trong lòng bàn tay kia của Helen.

- Tôi sẽ tạo những động thái khác nhau của môi và lưỡi. Em cố lặp lại từng động tác và cố làm bật ra âm thanh từ họng. Chúng ta bắt đầu bằng chữ M. Em hơi hé miệng ra rồi ngậm lại, mím môi như thế này này. Nào, thử nào!

Sau nhiều lần cố gắng không kết quả, cuối cùng Helen đã phát âm được âm M (em-mờ). Rồi em học các âm P (pi), A (ây), S (ét-xơ), I (ai) và T (ti). Cô Fuller giúp em theo dõi từng cử động của môi và lưỡi. Cô phải chỉ rất lâu cho em cách làm thế nào để nói được âm T, phải ấn lưỡi vào hai kẽ răng ra sao, bật ra như thế nào. Hơn một giờ đồng hồ trôi qua, Helen đã nói được khá sôi sục sáu âm khác nhau.

Helen có 12 buổi học với cô Fuller, có Ann Sullivan luôn đi cùng em và tham dự tất cả các giờ, để khi về nhà cô có thể kèm em tập thêm các bài cô Fuller đã chỉ dẫn.

Những âm tạo ra từ sâu trong vòm họng gây cho cô bé không ít đau đớn. Ví dụ như âm K (kây) và âm G trong từ “guide” chẳng hạn. Âm R và L cũng luôn làm cô bé buồn phiền không kém.

Ngay trong buổi học đầu tiên, Helen đã muốn tập nói các từ, nhưng cả cô Fuller, cả cô Ann Sullivan dù rất chủ tâm đoán, cũng không tài nào hiểu được.

- Phải kiên nhẫn! – cô Fuller bảo – Trước tiên phải học cách tạo âm thật rõ ràng, các từ sẽ đến sau. Bây giờ thử lại nhé

Helen chẳng muốn kiên nhẫn chút nào. Các từ em biết đang ở đây, trong cổ họng em, chúng đang vung vẩy, đang đòi ra, như những chú chim nhỏ đập loạn xạ những đôi cánh sau cánh cửa lồng. Ngày lại ngày, từ khi thức dậy đến khi chìm vào giấc ngủ, Helen không ngừng tập nói. Em cố sức bắt đầu đi, bắt đầu lại, nữa, nữa và luôn luôn như thế.

Cô Ann chốc chốc lại bị co cứng các cơ mặt, cơ cổ bởi liên tục phải giữ nguyên ở nhiều trạng thái khác nhau cho Helen sờ, nắn, thậm chí bấu, véo để cảm nhận rồi bắt chước đúng cách phát âm B và P khác nhau như thế nào.

Cô Fuller rất ngạc nhiên về những tiến bộ của Helen.

- Tôi chưa bao giờ có được một học sinh như Helen – cô nói với cô Ann Sullivan – Em ấy ham học xiết bao, ham học lạ thường!

Helen luôn nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa em sẽ có thể nói với em bé Mildred, có thể gọi chú chó nhỏ của mình, có thể dạy nó vài trò chơi nho nhỏ... Vậy là em cố gắng, cố gắng học tập hết mình.

Ngày thứ mười hai, ngày cuối cùng của đợt học đã đến. Trong đầu Helen sẵn có một dự định, em đã tập rất kỹ, hoàn toàn một mình, ngay cả cô Ann cũng không được biết điều bí mật.

Bắt đầu giờ học, như tất cả những buổi khác, cô Fuller cùng Helen phát âm một lượt bảng chữ cái. Helen lặp lại “giai điệu” quen thuộc của mình. Rồi cô Fuller bảo em nói một vài từ mà em đã tập phát âm chuẩn.

- Đó, rất tốt, như vậy là rất tốt rồi – cô Fuller nói với Helen, em đang đặt tay lên miệng để nghe được những gì cô nói – Bây giờ em chỉ cần kiên trì luyện tập tiếp như vậy thôi, em sẽ nhanh có được kết quả tuyệt vời.

Helen buông tay, đứng nghiêm trang, hít một hơi dài, và thật chậm, thật cố gắng cho chuẩn xác, em nói rành rọt.

- Em – không – còn – câm – nữa!

Một âm điệu đều đều, gần như không có thanh sắc và chưa thật sôi, Helen không cảm thấy rằng một số chữ không được phát ra thành tiếng, và thay vì “em không” thì lại là “em khoong”. Dù không nghe được rạch ròi từng từ, nhưng cô Fuller và cô Ann Sullivan vẫn cảm nhận được

tất cả ý nghĩa của những lời nói ấy, nhiều hơn cả những gì Helen muốn nói. Đó là tiếng kêu chiến thắng vang vọng nhất, ngân vang hơn bất kỳ âm thanh chiến thắng nào được phát ra từ cổ họng của một con người bình thường.

14. Cậu bé Tommy Stringer

Một ngày mùa xuân đẹp trời, Helen và cô Ann đang ngồi trong một căn phòng nhỏ, buồng học mọi người dành riêng cho hai cô trò ở Viện Perkins. Một giờ tập đọc vừa trôi qua.

Helen không vào lớp học cùng các bạn khác, các bạn ấy không nhìn thấy, nhưng vẫn nghe được, vì vậy em học một mình cùng cô giáo của em.

Helen đã lớn thêm nhiều lắm. Không lâu nữa, em sẽ tròn mười hai tuổi. Em đã học nói được hơn một năm, vậy mà trình độ ngữ âm của em còn quá xa so với tiêu chuẩn cần có. Nhưng Helen cùng cô Ann hàng ngày vẫn kiên trì luyện tập không hề chán nản.

Helen không muốn nói bằng tay nữa. Dù cô bé biết rằng mình phát âm rất tồi, rằng rất nhiều người chẳng hiểu em nói gì, rằng cô Ann phải thường xuyên phiên dịch lại những gì em vừa nói. Có hề chi. Phải bền bỉ. Những tiến bộ của em, dù rất chậm, nhưng không thể coi là vô vọng.

Cô Ann viết lên tay Helen:

- Cô nghĩ hôm nay thế là đủ rồi.

Hai cô trò đứng dậy vươn vai. Các buổi học luôn làm cả hai rất mệt mỏi. Cô Ann phải đọc rành mạch và cố tạo rõ nét những cử động của môi, của lưỡi, của cổ họng cho Helen để nhận biết, phân biệt, rồi sau đó lặp lại thật đúng. Còn Helen, em thực sự đã cố gắng lắm, các cơ căng cứng và toàn thân ê ẩm như sau một chuyến đi dài, nhưng em chỉ đạt được những tiến bộ nhất thời.

Cô Ann cầm tay Helen:

- Cô có một chuyện muốn kể cho em. Chuyện một bé trai bất hạnh, Tommy Stringer.

Sáng nay một bức thư vừa được gửi tới Viện Perkins, về việc Tommy Stringer. Hiện nay, Tommy Stringer năm tuổi, nhưng từ hồi hơn một tuổi, sau một trận ốm nặng, cậu bé đã bị mù, câm điếc giống Helen. Mẹ cậu đã mất và người cha, vì không thể chăm sóc cho con trai mình đã gửi cậu vào một trại tế bần gần Pittsburgh, bang Pennsylvannie.

Nghĩ về Tommy, trái tim Ann Sullivan đau nhói. Cái trại tế bần đó chắc chắn chẳng vui vẻ gì hơn cái trại ở bang Massachusetts, nơi chính cô đã phải trải qua bốn năm khủng khiếp thời niên thiếu. Chưa bao giờ cô nói với Helen về khoảng thời gian đó. Cô không muốn em buồn. Lần này cũng vậy. Cô chỉ giải thích đơn giản rằng Tommy đang cần được giúp đỡ, như Helen cũng đã cần thế.

- Phải đưa cậu ấy về đây và tìm cho cậu ấy một cô giáo – Helen rành rọt tuyên bố.

- Đúng – cô Ann trả lời – Nhưng chúng ta không có tiền chi trả cho chuyến đi và còn nhiều chi phí khác nữa. Cha cậu ấy chẳng có lấy một xu.

- Chúng ta sẽ làm được – Helen không hề do dự - em sẽ viết thư cho những người bạn của chúng ta và nhờ mọi người giúp đỡ Tommy.

Bây giờ, với Helen công việc viết thư dễ dàng và thú vị hơn nhiều, bởi em đã có một chiếc máy đánh chữ. Tất cả những cô văn thư thạo việc đều có thể đánh máy mà không cần nhìn bàn phím, vì vậy sự thiếu hụt của đôi mắt chẳng gây ảnh hưởng cho Helen nhiều khi em ngồi trước máy chữ. Nhưng em không đọc lại được. Cô Ann đảm nhiệm việc đó, đồng thời sửa lỗi cho em. Đổi lại, Helen đánh máy tất cả các thư cho cô Ann; điều đó cũng đỡ phần nặng nhọc cho cô, bởi bây giờ mắt cô đã kém đi nhiều.

Ngồi bên bàn học, Helen tự nhủ, em thật nhiều may mắn, quá nhiều may mắn hơn Tommy. Em luôn có cô Ann ở bên. Em sẽ làm gì nếu không có cô, Helen rùng mình. Em không muốn nhớ lại những năm tháng trong “tù” ngày xưa nữa; những năm tháng bị giày vò trong tuyệt vọng, khi em thậm chí không thể tự mình định dạng được nỗi sợ hãi, căng thẳng, cô độc của mình,

bởi em đâu biết các từ để gọi tên chúng.

Cô Ann đã đến, đã biến đổi sự tồn tại của em trên trái đất này. Helen học, chơi, cười, như tất cả những đứa trẻ bình thường. Em không khác gì họ, có chăng chỉ khác một điều giản dị là em thông minh hơn so với phần lớn các bạn khác cùng tuổi. Đôi khi cô Ann vẫn nhắc lại cho em điều đó.

Kỳ nghỉ hè sắp tới rồi, Helen sẽ cùng cô Ann trở về Tuscumbia. Em sẽ vừa bước xuống tàu vừa nói "Xin chào!". Em sẽ kể cho bố mẹ những gì em đã làm, những tiến bộ em đã đạt được trong năm học. Em sẽ chơi đùa với Mildred, với Sư Tử, bây giờ hai đứa đã rất quen tiếng em gọi rồi.

Ở trang trại có một con lừa nhỏ, tên là Neddy. Mùa hè trước, Helen đã thật vui khi tự mình thắng yên cương cho nó, rồi dẫn em Mildred đi dạo bằng xe kéo.

- Năm nay bọn mình sẽ làm lại như thế - Helen tự nhủ và bật cười.

Helen không những đưa được em gái đi chơi bằng xe lừa kéo mà em còn làm được hơn nữa kia: em cưỡi ngựa. Em được tặng một chú ngựa nhỏ, Ngựa Ô Dũng Cảm, em đã đặt tên chú như con chiến mã nổi tiếng trong truyện mà hầu như mọi trẻ em trên nước Mỹ đều biết. Chú ngựa của em rất hiền và được huấn luyện tốt. Nó thông thuộc hết những con đường mòn trong khu rừng nhỏ cạnh nhà. Cô Ann thường thắng yên cương cho nó, rồi giúp Helen trèo lên. Thế là Helen bắt đầu cuộc du ngoạn đường rừng trên lưng Ngựa Ô Dũng Cảm.

Helen yêu chú ngựa của mình lắm và em rất tự hào vì đã tự trèo được lên lưng chú. Đó là một trong những điều tưởng như em không bao giờ làm được, một trong những việc mà hầu hết mọi người quanh em cam đoan rằng "không thể". Vậy mà em đã làm được, đã khiến cho bố mẹ và những người họ hàng rất ngạc nhiên, thán phục. Helen không biết rằng không chỉ họ mà hầu như tất cả những ai được biết chuyện về em trên thế giới này đều có chung cảm nghĩ đó.

Nhưng em vẫn yêu chú chó Sư Tử hơn Ngựa Ô Dũng Cảm. Sư Tử là một người bạn vui tính, nồng nhiệt và rất tình cảm. Mỗi khi được gặp lại Helen trong kỳ nghỉ, nó thường chồm lên em mừng rỡ và lần nào nó cũng làm em suýt ngã. Nó liếm láp, chạy lăng xăng hồi lâu mới chịu nằm yên dưới chân em.

"Không phải lúc nghĩ đến Sư Tử" - Helen tự trách mình và cảm thấy xấu hổ vì để những ý nghĩ nhốn nháo tận Tuscumbia, trong khi các bức thư đợi đã quá lâu.

Em gài giấy vào máy và đang chuẩn bị gõ thì cô Ann vào, mang theo một bức thư của mẹ. Helen đọc ngay. Nhưng khi em vừa lướt qua vài dòng chữ Braille, em bỗng òa khóc.

Hai má đầm đìa nước mắt, em đưa lá thư cho cô giáo. Cô Ann hiểu ngay vì sao Helen đau khổ thế. Bà Keller báo tin chú chó Sư Tử của em bị chết.

Sư Tử không còn là một chú chó bé xinh như ngày xưa nữa. Bây giờ nó rất to và tiếng sủa rất lớn. Tiếng nó và vẻ bề ngoài của nó làm những người yếu bóng vía phát hoảng. Nhưng thực tế nó là một con vật hiền lành nhất trên trái đất. Vậy mà... Khi nó chạy đuổi theo một chiếc xe khiến các con ngựa sợ hãi, một viên cảnh sát đã rút súng lục ra và... Bùm!

"Mẹ biết tin này làm con rất đau lòng...", bà Keller viết. Helen cố kiềm chế và cố giữ không khóc nữa, nhưng rồi không chịu đựng nổi em ngã vào lòng cô Ann mặc cho nước mắt tuôn xối xả.

Khi Helen đã nguôi phần nào, cô Ann dịu dàng cầm tay em:

- Helen, đừng quên em còn phải viết thư nhờ mọi người giúp đỡ Tommy... Tommy chỉ có một mình, rất khổ.

Helen hoàn toàn hiểu ý cô Ann muốn nói: đừng nghĩ về mình, hãy nghĩ về những người khác. Em lau khô nước mắt bằng chiếc khăn tay cô Ann vừa đưa, khăn của em đã ướt sũng rồi. Em ngồi thẳng dậy, đang hoảng trở lại máy chữ.

Những ngày sau đó, Helen viết rất nhiều thư. Một trong những bức thư ấy, em gửi cho người bạn đã tặng em con Sư Tử. Helen viết: "Chỉ cần chú cảnh sát đó biết Sư Tử là một con chó ngoan như thế nào thì chú ấy sẽ không bắn nó đâu!"

Bởi Helen rất nổi tiếng, nên chuyện buồn về Sư Tử chẳng mấy chốc được đăng rất nhiều trên báo. Và không lâu sau, Helen nhận được hàng tá thư. Người ta đề nghị tặng em một con chó khác, một con mèo khác, hoặc tiền để mua “một con chó đẹp nhất trên thế giới”.

Những bức thư ấy được gửi từ khắp các bang trên nước Mỹ và thậm chí có cả những bức thư gửi từ nước Anh. Họ rất hào hiệp và đầy thành ý, nhưng dĩ nhiên chẳng thể có cách nào làm cho Sư Tử tội nghiệp sống lại. Và ngay lúc ấy, Helen không muốn có bất cứ cái gì thay thế người bạn em rất yêu quý đó.

Có một điều khiến Helen và cô Ann bối rối là biết làm như thế nào với những khoản tiền được gửi đến?

- Tại sao chúng ta không dùng tiền đó để giúp Tommy? – Helen hỏi.

- Đó là một ý hay – Cô Ann thừa nhận – Nhưng những người gửi tiền muốn em mua một chú chó khác. Có thể họ sẽ không hài lòng khi em không sử dụng quà tặng ấy như họ muốn.

- Em sẽ viết thư cho họ và hỏi xem điều đó có làm họ buồn không. Kể ra nếu vậy thì cũng ngạc nhiên thật. Từ hôm nay, em sẽ đề nghị những người bạn tốt muốn tặng một con vật khác để an ủi em, thì đơn giản hãy gửi số tiền đó giúp Tommy.

Helen lúc đó mới chỉ là một cô bé 11 tuổi, vậy mà em đã ngồi hàng giờ trước máy chữ và thảo ra những bức thư “thương thuyết” rất chín chắn. Em mau chóng nhận được đủ số tiền để đưa Tommy về Boston, rồi nhập học vào Viện Perkins và có kinh phí theo học những chương trình giảng dạy đặc biệt dành cho trẻ em khuyết tật.

Tommy là cậu bé đáng yêu. Nhưng cậu không khi nào đạt được tiến bộ nhanh như Helen. Bởi cậu chỉ thông minh vừa phải và nhất là không được có lòng ham học đến kỳ lạ, một điều đã tạo nên cá tính rất đặc trưng của cô bé Helen. Tommy đã học được cách dùng thành thạo bảng chữ cái bằng tay. Sau khi trưởng thành cậu kiếm sống bằng công việc gấp hộp giấy đơn giản.

Niềm đam mê học tập của Helen đang dần đặt cô Ann trước một vấn đề phải suy nghĩ. Bản thân cô chỉ đến trường học 6 năm. Bây giờ trong nhiều lĩnh vực Helen đã bắt đầu đuổi kịp cô. Và còn hơn thế... Cô bé tìm thấy trong thư viện trường Perkins một vài cuốn sách tiếng Pháp in bằng chữ Braille và em quyết định tự học tiếng Pháp. Cô bé còn muốn được học tiếng Latin và tiếng Hy-lạp; bởi nhờ sự trợ giúp của cô Ann, Helen đã đọc rất nhiều truyện thần thoại Hy-lạp được chuyển thể cho trẻ em.

Dịp hè năm ấy, khi trở về Tusculum, cô Ann Sullivan nói với bà Keller:

- Helen sắp cần có một người hiểu biết nhiều hơn tôi giúp đỡ em học.

- Cô không nghĩ đến việc bỏ rơi con bé đấy chứ? – bà Keller hốt hoảng.

- Tất nhiên là không! – cô Ann cười đáp – Nhưng tôi nghĩ là sẽ tốt hơn cho Helen nếu đưa cô bé đến trường học chung với các em nhỏ khác.

- Sao mà Helen làm được? – bà Keller hỏi – Nó chẳng nhìn thấy chữ viết trên bảng, cũng chẳng nghe thấy lời thầy giáo nói.

- Vậy phải có tôi đi cùng em, hẳn thế rồi – cô Ann trả lời giản dị - Dù ít dù nhiều, tôi cần phải đánh vần cho em những bài giảng ấy. Tôi tin là Helen có khả năng tiếp thu các bài học ngay trên lớp, thậm chí sẽ tham gia vào các giờ học như tất cả các học sinh khác. Từ khi tập nói bằng miệng, em không mấy lúc chịu nói bằng tay nữa, vì vậy em đã có rất nhiều tiến bộ. Dĩ nhiên để hiểu được Helen nói rất khó, nhưng giáo viên và các bạn học sẽ quen dần với ngữ âm của em. Và rồi... sẽ thật tuyệt vời cho cô bé!

- Chúng ta đâu buộc phải có quyết định ngay bây giờ - bà Keller thận trọng, bà không muốn làm tổn thương cô Ann, không muốn nói câu trả lời thật của mình. Dù rất quý trọng cô gia sư trẻ tuổi, bà cũng không thể không nghĩ rằng ý tưởng ấy thật điên rồ.

- Chúng ta còn thời gian – cô Ann thừa nhận – Kỳ nghỉ hè chỉ mới bắt đầu. Dù sao thì ngay bây giờ tôi sẽ để tâm tìm một trường học phù hợp.

Ann đứng dậy, rời khỏi hiên, nơi cô đang ngồi trò chuyện với bà Keller. Cô trở về phòng mình. Cô không muốn phải dấn động đến vấn đề đang ngày càng dày vò mình: đôi mắt.

Nếu Helen đến trường học, em sẽ có một khối lượng sách đồ sộ cần phải đọc, mà rất ít trong số đó được chuyển qua chữ Braille. Chính Ann sẽ đảm trách công việc nặng nề đó. Cô cần hoặc sao lại các cuốn sách đó ra chữ Braille, hoặc đánh vần từng chút, từng chút vào tay Helen. Bằng cách nào thì việc trước tiên cô cần phải làm vẫn là: đọc. Vậy mà thị lực của Ann vốn đã kém, thời gian gần đây lại càng yếu đi. Helen cũng chỉ biết rằng cô giáo thường bị mỏi mắt, chứ em không hề hay biết tình trạng trầm trọng của đôi mắt ấy.

“Mình sẽ cố giữ được thời gian cần có” – Ann tự nhủ; cô chẳng hề nghĩ cho mình, cô chỉ nghĩ về tương lai của cô bé Helen.

15. “Em sẽ vào trường Harvard”

Mùa thu tới, Helen hân hoan cùng cô Ann trở lại trường học. Em chẳng thể ngờ một nỗi thất vọng trầm trọng đang chờ em ở Boston.

Chuyện bắt đầu từ mùa hè năm ấy. Helen quyết định sẽ phấn đấu trở thành một nhà văn lớn; và cô bé đã sáng tác một truyện ngắn, đặt tên là “Lá mùa thu”. Ngay khi truyện ngắn vừa hoàn thành, Helen đã đọc cho cô Ann Sullivan. Cô bé rất phấn chấn, rất tự hào và càng bối rối hơn mỗi lần cô Ann dịu dàng nhắc em dừng lại để sửa một lỗi phát âm cho em.

Đến bữa tối, cả gia đình đều được đọc “Lá mùa thu” và ai cũng nhất trí cho rằng đây quả là một tác phẩm hàng đầu. Một người bạn đang có mặt ở đó, không giấu nổi ngạc nhiên đã buột miệng hỏi phải chăng Helen đã đọc câu chuyện này trong quyển sách nào.

- Sao lại nghĩ thế? – vừa được cô Ann dịch lại, Helen đã trả lời ngay bằng giọng ngọng nghịu – Đây là truyện ngắn em viết tặng giáo sư Anagnos mà!

Helen chép lại cẩn thận truyện để gửi cho bác sỹ Anagnos nhân dịp sinh nhật ông. Theo góp ý của bà Keller cái tên “Lá mùa thu” được thay bằng “Ông vua Sương giá”. Helen trịnh trọng nhờ cô Ann đi cùng em ra bưu điện để tự tay em gửi bưu phẩm tuyệt vời ấy.

Ông Anagnos rất sung sướng về món quà và lại thêm một lần thán phục tài năng của Helen. Ông gửi cho em một bức thư cảm ơn với những lời ngợi khen xúc động. Và ông đã đăng “Ông vua Sương giá” trên chuyên san của Viện Perkins.

Không lâu sau, ngày khai giảng đã tới. Như mọi năm, cô Ann và Helen trở lại Boston. Đó là lúc thảm kịch bùng nổ.

Một bạn đọc chuyên san của Viện Perkins đã nhận thấy rõ ràng “Ông vua Sương giá” gây cho anh ta cảm giác như đã đọc ở đâu đó. Anh ta cố tìm kiếm, rồi tìm ra, một truyện ngắn do Margaret Canby viết, xuất bản rất lâu trước khi Helen ra đời, trong cuốn “Birdie và các bạn”. Câu chuyện có tên “Những cô tiên Sương giá”. Hai truyện đó giống nhau đến độ không thể coi đó như một sự tình cờ.

Giải thích làm sao đây? Chắc hẳn ai đó đã kể cho Helen truyện của Margaret Canby. Nhưng ai? Cô Ann Sullivan? Và cô cứ để đứa trẻ làm một kẻ đạo văn?

Cô Ann Sullivan rất băn khoăn lo lắng. Cô nhớ tuyệt đối chưa từng kể cho Helen “Những cô tiên Sương giá”. Thậm chí chính cô cũng chưa hề biết có câu chuyện này. Điều khiến cô bối rối hơn cả là nỗi đau buồn của Helen. Khi cô giải thích cho cô bé rằng em không phải là tác giả thật sự của truyện ngắn đáng yêu ấy – tác phẩm mà em rất đỗi tự hào, và rằng thậm chí người ta đang ngờ em “copy” nó, một việc làm rất đáng xấu hổ; Helen đã òa khóc.

Dù không muốn, cô Ann vẫn buộc phải báo trước cho Helen điều đó. Cả Viện Perkins đang sôi lên sùng sục. Giáo sư Anagnos cũng muốn mọi sự phải rõ ràng, không có sự nghi ngại lẫn nhau.

Chính ông đã hỏi chuyện Helen, với cách giao tiếp bằng tay, dĩ nhiên rồi. Ông đã mau chóng tin chắc rằng Helen rất trung thực, trong sáng và nhiệt tâm khi muốn dành món quà tặng đó cho ông nhân dịp sinh nhật.

Vậy giải thích như thế nào về sự giống nhau đáng ngờ của hai truyện ngắn ấy?

Bác sỹ Bell cũng là một người rất yêu quý Helen, ông lo ngại chuyện này sẽ làm ảnh hưởng

nặng nề đến tâm tư cô bé. Ông đã đích thân trợ giúp cô Ann Sullivan tiến hành một cuộc điều tra thật sự. Sau thời gian tìm kiếm khá lâu và bền bỉ, Ann đã khám phá ra, một trong những người bạn của gia đình Keller, bà Hopkins, có cuốn sách do Margaret Canby viết.

Cách đây hơn ba năm, bà Hopkins đã đón Helen đến chơi trong kỳ nghỉ hè. Cô Ann phải đi Boston trước một vài ngày, chuẩn bị cho chuyến đi sắp tới của Helen đến Viện Perkins. Chỉ có một mình bà với Helen, bà Hopkins đã kể rất nhiều chuyện để cô bé khỏi buồn khi vắng cô Ann. Bà học được việc sử dụng bảng chữ cái tay một cách hoàn hảo.

Bà chắc mình đã đọc truyện của Canby cho Helen, nhưng giờ, đó chỉ là những ký ức mơ hồ. Ba năm trôi qua rồi còn gì!

Cô bé Helen tội nghiệp mới bắt đầu giao tiếp với mọi người chưa lâu, em kinh ngạc trước những gì khám phá được, tất cả đều thú vị mới mẻ. Em đã lưu lại rất sâu trong trí câu chuyện tuyệt diệu về “Những cô tiên Sương giá”; rồi em đã quên nó đi, hay ít ra em tưởng như đã quên, và rất tự nhiên, không một giây nghĩ rằng mình đang “bắt chước” tác phẩm của người khác, em đã xây dựng “Lá mùa thu” với tất cả niềm say mê, chăm chú.

Khi biết Helen được nghe kể “Những cô tiên Sương giá” từ 3 năm trước, giáo sư Anagnos nói rằng chẳng nên buồn giận Helen chút nào nữa. Ba năm qua, Helen đã học quá nhiều thứ, đã có biết bao nỗ lực. Ba năm lao động miệt mài ấy phải bằng hai, thậm chí bằng ba lần bình thường. Nếu sự “bắt chước” đó là có thì em cũng hoàn toàn không chú tâm.

Helen vui quá, phấn khởi quá bởi cuối cùng sau một thời gian lâu đến vậy, cái cảm giác nặng nề khủng khiếp đã chấm dứt. Cô Ann cũng không khó khăn lắm để xoa tan mọi suy tư của Helen. Trong những ngày ở Boston, cô đưa Helen đến trường Wellesley thăm mấy người bạn, đó mà một trường đại học nổi tiếng dành riêng cho nữ sinh, đóng ở ngoại vi thành phố.

Helen có vẻ ngạc nhiên khi biết trường Wellesley chỉ tiếp nhận các cô gái. Hai cô trò cùng nhau đi dạo quanh sân cỏ rộng, Cô Ann Sullivan tả cho Helen những tòa nhà khác nhau trong trường, những khu ký túc xá cho sinh viên và giảng viên, những giảng đường lớn dành cho các giờ lên lớp và những nữ sinh đang ôm cặp sách, từng nhóm, từng nhóm khoác tay nhau bước lên bậc cấp.

Buổi tối, trong bữa ăn, Helen làm mọi người bất ngờ khi thông báo:

- Một ngày nào đó, em sẽ vào học trường đại học, nhưng em sẽ vào trường Harvard cơ!

Tất cả những ai sinh sống ở Boston đều biết về Đại học Harvard của thành phố Cambridge kề bên. Người dân Boston cũng tự hào về Harvard như trường của chính họ vậy.

Nột người hỏi Helen sao không muốn vào trường Wellesley. Cô Ann chuyển câu hỏi cho Helen, cô bé trả lời:

- Vì ở đó chỉ toàn con gái!

Cả bàn ăn cười ồ và chẳng ai coi lời tuyên bố của cô bé là nghiêm túc. Dù sao đi nữa cũng chẳng thể nghĩ đến việc gửi Helen vào một trường đại học, một trường bất kỳ nào, cùng với những khuyết tật như vậy.

Trong chuyến tàu đưa Helen và cô Ann về thành phố, cô Ann cầm tay em dịu dàng hỏi:

- Từ đâu mà em có ý nghĩ sẽ vào trường Harvard? Trường đó dành cho các cậu con trai và chỉ nhận các cậu con trai thôi. Có một trường nữa, liên kết với đại học Harvard, trường Radcliffe. Những nữ sinh đến đấy học cũng theo một chương trình giống hệt ở Harvard và có cùng những thầy cô giáo như các cậu con trai bên Harvard.

- Vậy, em sẽ học ở đó – Helen hồ hởi nói.

Cô Ann Sullivan vỗ nhẹ lên vai em. Cử chỉ thân mật đó ý bảo: “Em làm cô vui đấy, nhưng đừng cường điệu quá!” Cô thay đổi chủ đề trò chuyện, và trong lòng thầm nghĩ: “Cô bé mới 11 tuổi. Khi đến tuổi vào đại học, em sẽ quên ngay tất cả. Nhưng điều mình phải làm ngay bây giờ là tìm cho cô bé một trường để em có thể học lên cao hơn.”

Không dễ, thậm chí là rất khó khi muốn tìm được một trường phù hợp với Helen. Cô Ann Sullivan đã phải mất gần 3 năm trời mày mò, thăm hỏi. Cuối cùng, cô đã quyết định: trường

Wright – Humanson, một trường đặc biệt dành cho trẻ em câm điếc ở New York.

- Học sinh ở trường đó câm điếc nhưng vẫn sáng mắt – cô Ann nói với bà Keller – tuy vậy, tôi tin rằng Helen sẽ có khả năng theo học được. Những giáo viên ở đây sẽ giúp em nâng cao trình độ ngữ âm và người ta đã chấp nhận tôi tham dự giờ học cùng cô bé, để tôi có thể chuyển tải lại bài giảng qua bàn tay.

Năm Helen vào học trường Wright – Humanson, New York, cô bé 14 tuổi.

Đúng như cô Ann đã nói, Helen rất thành công trong quá trình học. Cô Reamy, giáo viên tiếng Đức, đặc biệt quan tâm đến Helen, cô lại biết dùng bảng chữ tay nên đã giúp em đạt được những tiến bộ nhanh chóng. Sau gần một năm, Helen đã có thể đọc khá thành thạo các tác phẩm tiếng Đức. Giáo viên tiếng Pháp, cô Olivier không biết giao tiếp bằng tay, Helen phải đọc trên môi cô giáo, vì vậy việc học khó khăn hơn nhiều. Song, cũng đến một ngày Helen hào hứng khoe với cô Ann rằng đọc một phần nguyên bản hài kịch của Molier thật là hay.

Riêng về ngữ âm, Helen tiến bộ rất ít. Mặc dù các giáo viên trường Wright – Humanson được đào tạo đặc biệt để dạy nói và hiểu lời nói qua nhìn miệng, nhưng Helen chỉ nhìn thấy bằng tay vì vậy em học nói khó khăn hơn các bạn học sinh khác. Các bạn đó tuy không nghe thấy song lại quan sát được rõ nét mặt và cử động môi của thầy cô.

Với môn toán, dù đã có phần chăm chỉ hơn, nhưng Helen vẫn không ham thích lắm. Em chỉ thường ước đoán các giải pháp cho các bài toán chứ không chú tâm trình bày cách làm cặn kẽ, thuyết phục. Ngược lại, Helen rất say mê môn địa lý, khoa học tự nhiên: lịch sử hình thành những dòng sông, những dãy núi, các lớp vỏ trái đất, những luồng gió, những loại đám mây khác nhau... Tất cả điều đó đều “cất tiếng nói”. Các buổi chơi cùng cô Ann trong sân ga cũ ở Tuscumbia vẫn còn lưu giữ trong Helen nhiều kỷ niệm. Một chuyện ai cũng thấy rõ là cô bé không nhìn, không nghe được nhưng vẫn rất yêu thiên nhiên và đặc biệt nhạy cảm với thời tiết quanh mình. Em cảm thấy trước những cơn giông và có thể nhận ra những rung động ở hầu hết các sự vật dường như bất động.

Hai năm ở New York, cô Ann dẫn Helen đi thăm thú nhiều nơi; và ngày nào họ cũng tới Công viên Trung tâm, một công viên nổi tiếng với người New York. Helen rất thích nơi này, bởi em thấy ở đây tất cả những gì em yêu: hương thơm của các loài hoa, sự mềm mại của những chồi non, cái mát rượi của những cánh hồng. Vào mùa xuân, hai cô trò tham gia những chuyến du ngoạn xa hơn, với đông bạn bè hơn và cả những chuyến du thuyền...

Gần hết 2 năm, cô Ann quyết định nói chuyện thẳng thắn với Helen về vấn đề trường đại học. Không như cô Ann từng nghĩ, Helen không hề quên, mà hễ có vấn đề gì hơi liên qua là em lại nhắc câu: “Em sẽ vào Harvard”.

Ann Sullivan suy nghĩ rất lâu về chuyện ấy. Cô vẫn luôn cho rằng phải xử sự với Helen như với bất kì một đứa trẻ bình thường nào khác. Cô ghét là một kẻ gây u ám, rầu rĩ; cô không muốn bất cứ điều gì trên thế giới này làm nhụt chí Helen, cô bé mà Ann thật sự khâm phục và luôn cổ vũ cho lòng yêu cuộc sống và ham hiểu biết của cô bé. Nhưng, nhất định phải làm cho Helen hiểu rằng chuyện một cô gái mù, câm, điếc vào trường đại học là gần như không thể.

Cô chậm rãi viết vào tay Helen:

- Trước tiên, em cần xác định rõ với mình sẽ không có một ưu đãi riêng nào dành cho em ở trường đại học. Em cần phải học theo những chương trình như tất cả các sinh viên khác, dù em không giống họ, em bị mù, câm điếc. Chính vì vậy, em sẽ học nặng hơn các bạn rất nhiều, có thể là gấp hai, gấp ba hoặc hơn thế nữa...

Helen rút tay lại với động tác sốt ruột.

- Em có thể làm việc gấp hai, gấp ba – em nói – em không thiếu niềm tin, thiếu nỗ lực đâu!

Cô Ann lại nhẹ nhàng cầm tay Helen:

- Cô biết, em ngoan. Nhưng em cần biết hết những khó khăn đang chờ mình, đó là những khó khăn em chưa từng gặp. Tất cả mọi sinh viên trong trường đều có thể nghe và nhìn thấy bình thường. Cô biết các bạn đang học cùng em không bị mù, nhưng các bạn cũng không nghe được nên chương trình học cũng có phần phù hợp với em. Bây giờ nếu họ vừa nghe lại vừa nhìn

được thì em sẽ gặp khó khăn hơn rất nhiều vì vừa phải thích nghi với chương trình học khác vừa phải đạt được trình độ cao như mọi người.

- Vậy sao ngay từ bây giờ cô không cho em học với các bạn đó luôn – Helen nói, vẫn không hề lay chuyển.

Cô Ann lại từ tốn giải thích:

- Còn một chuyện rất quan trọng là vào được trường Radcliffe vô cùng khó ngay cả với những học sinh bình thường, kỳ thi đòi hỏi trình độ rất cao. Hơn nữa, không ai dám chắc họ sẽ chấp nhận cho em thi.

- Dù sao cũng phải thử chứ - cô bé bướng bỉnh.

Helen không có nhiều khái niệm về giá trị của tiền; dù em biết người ta dùng tiền để mua bán, một thứ rẻ thì phải mua bằng ít tiền hơn thứ đắt; nhưng chuyện tiền không đặt thành vấn đề em phải nghĩ đến thường xuyên. Em tuyệt đối chẳng nghĩ tới nếu vào đại học sẽ phải tốn một khoản tiền rất lớn. Nhưng cô Ann thì có.

Cha Helen không giàu. Người ta gọi ông là “đại úy” bởi ông từng tham gia nội chiến hai miền Nam, Bắc Mỹ, ông thuộc phe miền Nam – Những người bảo thủ. Nhưng nghề của ông là viết báo. Ông là chủ bút một tuần báo nhỏ ở Alabama và chưa bao giờ ông kiếm được quá nhiều tiền. Thậm chí từ nhiều năm nay ông cũng không còn trả lương cho cô Ann nữa. Chính cô Ann Sullivan đã “đòi hỏi” như vậy, với lý do là cô rất yêu quý và gắn bó với Helen nên tự nguyện dành cho cô bé sự phục vụ tận tâm.

Tất cả điều đó Helen mãi sau này mới được biết. Em cũng không biết rằng nhờ lòng hào hiệp của một người bạn lớn em mới có thể theo học trường Wright – Humanson.

Ở New York, Helen lại có thêm rất nhiều những người bạn. Một số rất giàu có, một số chỉ phong lưu, một số rất giản dị... đa số đều là những người nổi tiếng. Trong đó có cả nhà văn lớn Mark Twain, tác giả của những tác phẩm mà Helen rất thích, nhất là “Tom Sawyer” và “Huck Finn”. Khi biết chuyện cô bé Helen rất mong muốn được học đại học, nhưng ông bà Keller không có đủ điều kiện để chu cấp cho em, Mark Twain nói: “Chúng ta phải làm cái gì chứ!” Thế là tất cả những người bạn New York thống nhất sẽ cùng gom góp đủ số tiền cần thiết.

Ai cũng biết rằng ngay cả ngày nay học phí ở trường Harvard cũng cao hơn nhiều so với các trường đại học khác, dù việc học đại học đã trở nên khá phổ biến với rất nhiều trường và ngành nghề khác nhau.

Vấn đề tiền nong coi như được giải quyết xong. Còn kỳ thi Helen phải trải qua thì thế nào?

Những bài thi tuyển vào trường Radcliffe cũng là những bài thi của trường Harvard, tức là rất khó. Cô Ann cho rằng Helen cần được luyện thi trong một trường danh tiếng. Và rõ ràng không có một trường dành cho trẻ khuyết tật nào có được trình độ cao như vậy, bởi việc học với đa số các em có rất nhiều bất lợi. Trước Helen, chưa một học viên nào tật nguyền giống em vượt qua được kỳ thi tuyển vào Radcliffe, thậm chí cả đợt chọn vào trường luyện thi.

Cô Ann lại nói chuyện với những người bạn gần gũi. Chuyện tài chính không cần phải bàn, cứ nên chọn cho cô bé một trường tốt nhất. Nhưng một số bản khoản liệu Helen có theo kịp các bạn học sinh hoàn toàn bình thường để tiếp nhận một lượng kiến thức mới rất đồ sộ hay không.

- Nhưng Helen cũng sẽ khó khăn như vậy và hơn khi vào đại học – cô Ann nói – nếu đặt em ngay trong hoàn cảnh này thì cũng thế thôi. Chúng ta sẽ biết em thật sự có khả năng hay không.

Sau khi đích thân đi thăm nhiều nơi, cô Ann quyết định chọn trường nữ sinh Cambridge, là trường chuyên chuẩn bị cho học sinh thi vào Radcliffe, lại nằm ngay cạnh trường đại học và rất gần Boston.

Một sáng tháng mười năm 1896, những học sinh trong giờ học tiếng Đức của cô Frau Grote khi ngạc không giấu nổi tò mò chăm chú nhìn một cô gái mảnh mai bước vào – Helen bây giờ đã 16 tuổi – mái tóc màu hạt dẻ uốn búp lớn buông xuống vai.

Một phụ nữ trẻ, xinh đẹp, ăn vận nhã nhặn đi bên, chốc chốc lại khẽ chạm nhẹ vào cánh tay cô

gái như để chỉ lỗi.

Nhưng có vẻ cô gái cũng không cần sự giúp đỡ ấy, bởi cô bước rất tự nhiên không bị đụng hay nhằm đường. Và mặc dù cô gái có đôi mắt to đẹp xanh biếc mà nước biển song hình như cô định hướng bằng một sự trợ giúp nào khác rất đặc biệt. Vì nếu quan sát kỹ sẽ thấy chỉ luôn nhìn trần trời về đằng trước, không đảo và cũng hầu như không chớp bao giờ.

Đó chính là lần đầu tiên Helen cùng cô Ann tham gia một giờ học trong ngôi trường mà duy nhất có Helen là học sinh khuyết tật.

Các nữ sinh trong trường đều đã biết chuyện Helen, họ đều rất xúc động và khâm phục.

- Bạn Helen chỉ có một cách để theo dõi được các bài giảng, đó là phải cần có một người nói lại tất cả, dù ít hay nhiều, qua bàn tay bạn – ông Gilman, hiệu trưởng giải thích cho các học trò. Vì vậy, cô giáo riêng của bạn, cô Ann Sullivan sẽ đến lớp học cùng bạn ấy. Các em sẽ thấy cô Ann luôn luôn cầm tay Helen, ấy là lúc cô đang ghép vần các từ cho bạn hiểu, bằng bảng chữ tay. Cô Ann nhìn và nghe thay cho bạn Helen.

Ông Gilman cũng kể chuyện Helen đã tập nói thành công như thế nào.

- Bạn Helen sẽ tham gia xây dựng bài như tất cả các em – ông Gilman nói. Ban đầu giọng nói của bạn có thể rất khó hiểu. Nhưng các em sẽ làm quen dần và thấy rất đơn giản. Tôi tin các em sẽ nhanh chóng hiểu và thân thiết với nhau.

Dĩ nhiên, các giáo viên là những người đầu tiên được biết về trường hợp đặc biệt mà họ đã tiếp nhận. Chẳng ai trong số họ từng có kinh nghiệm giảng dạy cho học sinh khuyết tật, song họ đều vui vẻ sẵn lòng. Ngay sau khi Helen đến trường, ông hiệu trưởng Gilman và bà Frau Grote, giáo viên tiếng Đức đã tập cách dùng tay nói chuyện. Chỉ có điều là bà Frau Grote không rành chính tả tiếng Anh lắm, vậy là thỉnh thoảng trong giờ cả cô và trò lại được một trận cười sảng khoái, bởi cô giáo Frau Grote cứ ra sức giải thích còn Helen càng lúc càng rối tung vì những lỗi không chủ ý của cô.

Helen học tiếng Đức rất giỏi. Tiếng Pháp tuy không bằng nhưng cũng tương đối khá, em còn học qua 6 tháng tiếng Latin nữa. Năm đầu tiên ở trường Nữ sinh Cambridge, Helen cũng học cả lịch sử nước Anh, văn học Anh, toán học,... như các bạn khác. Cho đến lúc đó, Helen chưa từng theo một giáo trình phổ thông chính quy nào, nhưng các giáo viên đều thực sự thần phục những gì Ann Sullivan đã dạy cho Helen. Đặc biệt là môn tiếng Anh, Helen học trội hơn hẳn.

Đa số học sinh trường Cambridge trọ học ở những ngôi nhà nhỏ ngay gần trường. Ngôi nhà của cô Ann và Helen lớn hơn một chút, sống cùng họ còn có một vài bạn gái nữa. Đây vốn là nhà ông William Dean Howells, một văn sĩ nổi tiếng mà Helen đã được gặp ở New York.

Các bạn gái cùng lớp đều yêu mến Helen, họ cố mang đến cho Helen một cuộc sống thật thoải mái, mặc dù ban đầu chẳng ai trong số họ nói chuyện được với Helen. Một vài cô bạn đã đặt ngay quyết tâm học bảng chữ tay. Tinh thần rất hăng hái nhưng thực hành thì chẳng đơn giản chút nào. Họ cứ lúng ta lúng túng. Và kết quả là Helen thường xuyên phải tự đoán các cô bạn đáng mến muốn gì vì họ nhằm liên tục. Helen có thể tham gia hầu hết các trò chơi cùng bạn bè, bởi từ nhỏ cô Ann đã dạy em chạy nhảy, leo trèo mà không hề sợ hãi. Em, cô Ann và các bạn còn tổ chức những buổi dã ngoại lớn.

Song, những bài học ngôn ngữ của họ gần hết thời gian. Ann Sullivan đã không nhằm khi báo trước rằng Helen sẽ phải làm việc gấp nhiều lần người khác.

Có hàng đồng bài tập phải làm và với Helen và cô Ann thực sự là một công việc khổng lồ. Có biết bao nhiêu sách cần đọc, vậy mà tìm mãi mới được vài cuốn in bằng chữ Braille. Cô Ann luôn lo lắng tự hỏi đôi mắt vốn kém của cô, thời gian gần đây ngày càng yếu đi, còn có thể giúp cô tiếp tục công việc nặng nhọc này bao lâu nữa. Cô không nói chuyện này với ai và cô vẫn đọc, đọc, để có thể truyền đạt cho Helen tất cả những gì em cần.

Các giáo viên phần nào đã quen với cách phát âm của Helen. Ở lớp, em đã có thể tham gia ý kiến như mọi học sinh khác. Ở nhà, em làm bài tập bằng máy chữ.

Cả năm đầu tiên, Helen học rất xuất sắc. Năm thứ hai, bảng điểm đã bớt phần rực rỡ. Cô Ann không thể chuyển tải hết những cuốn sách toán học sang chữ Braille. Helen học toán đuối dần

và bắt đầu chậm so với các bạn. Cuối cùng, người ta quyết định phải cho em nghỉ một thời gian và giới thiệu với em một người phụ đạo, thầy giáo trẻ Merton S. Keith.

Helen rất thất vọng vì phải rời trường, may mắn thay gia đình Chamberlin – những người bạn tốt bụng đã đề nghị hai cô trò đến ngay Trang Trại Đỏ. Sống ở đó chẳng mấy chốc Helen sẽ quên hết buồn phiền. Cô Ann và Helen đã chẳng từng có biết bao kỳ nghỉ vui vẻ ở đây sao? Trang Trại Đỏ lại rất gần Boston, và nhờ vậy thầy Keith có thể dễ dàng đi lại bằng xe điện.

Nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy Keith, Helen mau chóng bù lại được những kiến thức hổng. Thầy Keith còn giúp em nắm vững các khái niệm cơ bản để em có thể dễ dàng tiếp thu những bài học sắp tới.

Một năm ruổi đã trôi qua, giờ Helen đã sẵn sàng vượt qua cửa ải quan trọng: kỳ thi tuyển vào Radcliffe.

Kỳ thi kéo dài trong nhiều ngày. Có tất cả 16 giờ thi. Mười hai giờ cho các bài thi kiến thức cơ bản và 4 giờ cho bài thi chuyên sâu. Đề bài được chuyển thẳng bằng một phương thức đặc biệt từ trường Harvard sang trường Radcliffe. Mỗi thí sinh có một số báo danh riêng. Helen mang số 233. Tuy nhiên, Helen chẳng thể giữ được sự “vô danh” vì em phải làm bài bằng máy chữ.

Ann Sullivan không được phép vào phòng thi cùng Helen. Chính ông hiệu trưởng trường Cambridge, đích thân ông Gilman đã ngồi bên cạnh Helen. Ông đánh vần từng câu hỏi vào tay Helen. Helen nhắc lại rành rọt để đảm bảo là em đã hiểu đúng. Rồi em gõ câu hỏi và trả lời bằng máy chữ. Nếu muốn đọc lại em phải nhờ ông Gilman xem những gì em đã làm trên giấy, đánh vần vào tay cho em, sau đó em sẽ sửa lại khi thấy cần thiết.

Lần lượt từng bài thi, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Latin, toán,... đều diễn ra theo cách đó. Qua bao nhiêu ngày học tập, thi cử căng thẳng, giờ Helen mới thấy thật mệt mỏi. Lòng đầy lo âu, em cùng cô Ann trở về Trang Trại Đỏ. Thấp thỏm chờ mong. Ít lâu sau, một tin tốt lành đã tới: Helen thi đạt tất cả các môn!

16. Ước mơ thành hiện thực

Kết quả thi đã cổ vũ cho quyết tâm của Helen. Helen cứ ngỡ đường vào Radcliffe sẽ chẳng còn trở ngại nào nữa. Song mọi chuyện không thuận lợi như em nghĩ.

Giáo viên trường Radcliffe kịch liệt phản đối việc nhận Helen vào trường đại học. Tin này khiến cô Ann và Helen rất bất ngờ và thất vọng. Các giáo viên cho rằng không thể nào tin được rằng một cô gái mù, câm điếc, ngọng nghịu lại có khả năng theo nổi các bài giảng trình độ cao. Họ gợi ý cho phép Helen tham dự một vài giờ giảng, những kiến thức cơ bản, giản đơn, như một học viên tự do. Và dĩ nhiên, điều quan trọng nhất cần nói là em không được cấp bằng tốt nghiệp.

Cái tin trường Radcliffe không chịu nhận Helen đã lan đi nhanh chóng và gây xôn xao dư luận. Ngay lập tức hai trường đại học, một ở Cornell, một ở Chicago đã mời Helen ghi tên học. Helen rất cảm ơn họ, nhưng em đã từ chối.

- Nếu em đến Cornell hay Chicago – Helen giải thích với cô Ann – hẳn người ta sẽ giành ưu tiên mà giảm bớt các khó khăn trong học tập cho em. Em không muốn thế. Trường Radcliffe mới chính là nơi em muốn vào học. Và em sẽ vào học!

Nhiều tuần trôi qua, Helen và cô Ann vẫn chờ ở Trang Trại Đỏ, vẫn luôn hi vọng Ban Giám hiệu trường sẽ thay đổi quyết định. Chẳng có tin tức gì cả! Cuối cùng Helen ngồi vào máy đánh chữ và viết một bức thư cho ông hiệu trưởng. Kết thúc thư em viết:

- ...”Em biết có rất nhiều khó khăn to lớn chờ đợi em trên con đường học đại học, nhưng một người lính chân chính sẽ không bao giờ chấp nhận đã thất bại trước khi bước vào cuộc chiến...”

Hẳn không trường đại học nào muốn từ chối một sinh viên có ý chí và lòng quyết tâm như thế. Helen được chấp nhận vào Radcliffe, với điều kiện em phải vượt qua chướng ngại mới.

Người ta yêu cầu Helen cần dự cuộc sát hạch thứ hai với lý do rất có thể ông Gilman đã “gánh vác” phần lớn công việc cho Helen trong đợt thi đầu tiên. Một ông Viming nào đó, giáo viên mới của Viện Perkins mà Helen và cả cô Ann tuyệt nhiên không quen biết, được giao nhiệm vụ sao lại các câu hỏi sang chữ Braille.

Mảng ngôn ngữ, tất cả diễn ra tốt đẹp. Giờ khó khăn trong Hình học và Đại số. Ký tự Braille Anh, Mỹ đã rất quen thuộc với Helen. Nhưng phần toán các biểu tượng trong ba hệ giáo trình này lại rất khác nhau. Từ trước đến giờ, Helen chỉ dùng ký tự toán học Braille Anh.

Hai ngày trước kỳ thi, ông Viming gửi cho Helen một bản sao đề thi cũ của trường Harvard. Thật là một thảm họa! Những khái niệm dùng theo kiểu Mỹ! Helen đề nghị ông Viming giải thích các ký hiệu đó. Ông Viming lập ngay một bảng đối chiếu các ký tự toán học Braille Anh và Mỹ. Helen đứng cảm bắt tay vào học.

Đêm trước kỳ thi, Helen tội nghiệp vẫn lẫn lộn giữa móc vuông ([) và móc nhọn ({); Helen cứ trần trọc trên giường không tài nào ngủ được.

Thầy Kieth và cô Ann Sullivan rất lo âu. Họ dẫn Helen tới rất sớm trước giờ thi để hỏi thầy Viming thêm một số chi tiết cho chính xác.

Helen đã quen đọc đầu bài Hình học bằng hình nổi hoặc được giải thích bằng chữ tay. Khi dùng ký hiệu Braille trong hình học, tất cả bỗng như rối tung, em không thể xác định được rõ ràng trong trí những gì mình sờ được.

Môn đại số còn tồi tệ hơn. Những ký hiệu Helen vừa học cứ nhảy múa trong đầu. Vậy mà em không thể đọc lại những đã viết gì. Thường ngày em hay làm toán bằng chữ Braille hoặc tư duy rồi chỉ ghi lại những bước làm chính. Thầy Keith chưa tập kỹ cho Helen sự sắp xếp các ký tự toán học trên máy chữ. Những điều kiện cực “tiện nghi” trong kì thi với thầy Gilman tốt bụng đã quá xa vời!

Tuy vậy, Helen vẫn thành công vẻ vang. Điểm toán hơi yếu một chút song các điểm số tuyệt vời, môn tiếng Anh, môn văn học cổ điển và ngôn ngữ xã hội đương đại, đã thừa đủ để bù lại. Ban Giám hiệu trường quyết định dành cho Helen một năm dự bị. Trong thời gian đó, Helen sẽ củng cố thêm môn toán của mình với sự trợ giúp của thầy Keith.

Tháng Mười một năm 1900 Helen vào đại học.

Vài ngày sau khai giảng, các sinh viên năm thứ nhất họp nhau lại để bầu ban cán sự. Vô cùng bất ngờ, Helen lại trúng với số phiếu tuyệt đối làm Phó Trưởng khóa và được vinh dự thay mặt toàn thể sinh viên năm thứ nhất phát biểu.

- Em cứ tưởng phần lớn các bạn ở trường chẳng biết gì đến sự tồn tại của em – Helen tâm sự cùng cô Ann.

Với Helen điều đó thực sự khiến em ngạc nhiên. Mặc dù rất nhiều bài báo đăng bài về Helen Keller – một cô gái mù cảm điếc với ước mơ vào trường đại học. Cũng như ngày trước, cô Ann rất hiếm khi nói chuyện các bài báo này với Helen, và rất tự nhiên khi được biết về chúng Helen cũng không coi đó quan trọng lắm.

Cô Ann và Helen tìm được một ngôi nhà rất dễ thương gần Cambridge, hai cô trò sống ở đó cùng một chị giúp việc người Ailen, tên là Bridget. Các bạn học cả Helen đều rất quý mến cô Ann. Ở bên cô người ta luôn thấy lạc quan, yêu đời và cô lại luôn có nhiều ý tưởng cho các trò chơi vui nhộn. Những khi không quá bận, cô Ann và Helen lại mời bè bạn để uống trà. Họ ngồi quây quần trong phòng khách ấm cúng cùng kể cho nhau nghe những chuyện ngộ nghĩnh ở trường.

Các cuộc hội họp vui vẻ như vậy chỉ khoảng một tuần có khi nửa tháng mới có một lần. Chương trình học bây giờ còn đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn hồi học trường Cambridge. Helen đọc không biết bao nhiêu trang sách chữ Braille, những ngón tay chạy trên các dòng chấm, vội vàng gấp gáp. Helen cố tìm trong các thư viện được nhiều cuốn sách học in bằng chữ Braille; kể cả các quyển sách tương tự hoặc có liên quan. Helen rất muốn đỡ bớt phần nặng nhọc cho cô Ann, bởi cô luôn ngồi đọc rồi dịch những cuốn sách Helen cần bằng cách này hay cách khác nếu không có sẵn bản in Braille. Khối lượng ấy rõ ràng không nhỏ. Họ làm việc rất muộn, ban

đêm khi những người bạn đã tạm biệt ra về từ lâu, họ vẫn còn miệt mài bên bàn làm việc. Cô Ann gần như gí sát mắt mình vào trang sách và tay thoăn thoắt ghép vần trong lòng bàn tay Helen.

Bây giờ Helen đã biết mắt cô Ann đang dần dần kém đi. Sau thời gian giúp Helen luyện thi, mắt cô Ann càng yếu trầm trọng. và chắc chắn trong tương lai sẽ còn tệ hơn. Sách, sách, ngày càng nhiều sách phải đọc. Bởi càng đi vào chuyên sâu sách chữ Braille càng hiếm. Đã nhiều lúc Helen có ý định sẽ bỏ học giữa chừng khi nghĩ rằng mình còn bao nhiêu cuốn sách buộc phải đọc bằng đôi mắt đã quá sức của cô Ann tội nghiệp.

- Em không nghĩ là cô cần đọc lại đoạn này sao? – cô Ann hỏi Helen – cô có cảm giác em chưa hiểu hết.

- Ô, em có hiểu chứ! – Helen vội vàng quả quyết, song thực ra em chẳng hiểu gì cả. Helen đang đuối dần so với các bạn.

Helen cứ hoài công thuyết phục cô Ann tới chỗ bác sỹ nhãn khoa khám lại. Cô Ann biết rất rõ những gì đang chờ đợi mình, cứ chần chừ khất lần mãi.

- Cô sợ điều người ta sẽ nói với cô à? – Helen hỏi.

- Không, dĩ nhiên là không rồi – cô Ann khẽ tát yêu Helen. Đừng ngốc thế cô bé!

Một hôm, cô Ann phải dừng lại giữa chừng một câu khá lâu. Cô thấy như sương mù dày đặc trước mặt. Cuối cùng, cô quyết định đến gặp bác sỹ nhãn khoa. Helen đi cùng cô.

- Mỗi ngày cô đọc cho Helen bao nhiêu giờ? – Bác sỹ hỏi.

Khi cô Ann thú nhận rằng có nhiều hôm cô đọc tới năm tiếng liên tục thì bác sỹ gần như phát hoảng.

- Đó là một sự điên rồ, cô hiểu không? – bác sỹ la lên – cô phải dừng lại hoàn toàn, ít nhất là trong vài tháng liền nếu cô còn muốn cứu lấy chút thị lực còn sót lại.

- Ông bác sỹ nói gì? – Vừa rời khỏi phòng khám, Helen sốt sắng hỏi.

Ông ấy bảo trong nhiều ngày tới, cô phải để mắt nghỉ ngơi chút ít – cô Ann trả lời đơn giản.

Helen biết rõ cô Ann không nói tất cả sự thật cho mình, và tình hình hẳn rất nghiêm trọng. Em biết điều đó từ hôm cô Ann đột ngột dừng giữa câu. Kể từ lúc ấy, mỗi lần cô Ann đọc sách cho em, Helen luôn cảm thấy mình là một kẻ phạm tội.

Helen rất lo âu và bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc về việc rời trường đại học. May mắn thay cho cô Ann đã tìm được một cô gái biết dùng thạo bảng chữ tay, cô ấy tình nguyện thay thế cô Ann một thời gian.

Được giải phóng khỏi nỗi ưu phiền trĩu nặng trong lòng, Helen lấy lại niềm đam mê học tập. Em thích nhất môn tiếng Anh và tất cả các bài giảng có liên quan đến văn học Anh, Mỹ. Helen có một thầy giáo rất tuyệt, thầy Charles Copeland.

Mấy tháng học đầu tiên, bài luận Helen viết chỉ loàng xoàng. Thầy Charles Copeland hiểu ngay vấn đề lỗi là do Helen đã cố viết “như mọi người”. Có nghĩa là em luôn muốn đề cập đến những cái em không biết, ví dụ như màu sắc, âm thanh, những điều em không có khả năng cảm nhận cụ thể được. Sau một thời gian cân nhắc, thầy Copeland quyết định nói chuyện thẳng thắn với Helen. Cô Ann cũng có mặt để làm thông ngôn viên và để Helen hiểu được đúng những lời khuyên chân thành của thầy Copeland.

- Sao em không thử viết những vấn đề em biết? – ông gợi ý cho Helen. Em hãy nhớ lại tất cả mọi điều đã đến với em, hãy viết chính những gì em đã cảm nhận từ cuộc sống quanh mình. Đừng cố bắt chước những cái em đọc trong sách vở.

Helen đã làm đúng như lời thầy. Giáo sư Copeland rất hài lòng về kết quả đạt được. Ông đã đưa bài luận ấy cho nhiều bạn bè cùng xem. Buổi sáng nọ, biên tập viên một tờ báo phụ nữ có tên “Tòa báo của Quý bà” đã tới Cambridge gặp Helen và cô Ann Sullivan.

- Tôi đã được may mắn đọc các bài luận của cô Keller – anh ta nói – và chúng tôi rất mong muốn được các vị đồng ý cho công bố trên các số báo của chúng tôi.

Số tiền nhuận bút họ nêu ra khiến Helen phải sửng sốt.

Ít lâu sau, một nhà xuất bản ở New York đề nghị được tập hợp thành một cuốn sách các bài đã đăng trên báo của Helen Keller. Song ông ta e rằng tập sách sẽ hơi mỏng nên ông muốn được Helen bổ sung thêm một vài bài chưa được công bố; và để ấn phẩm sớm đến tay bạn đọc, Helen phải bắt tay ngay vào việc.

Helen và cô Ann đã hồ hởi nhận lời ngay mà không tính đến khối lượng bài vở khổng lồ hàng ngày. Kỷ niệm buồn về “Ông vua Sương giá” đã dần phai nhạt một cách tốt đẹp. Nhưng vấn đề bây giờ là thời gian thức khuya làm bài tập mỗi ngày sẽ kéo dài thêm mất tiếng nữa. Họ lập tức nhận ra công việc này thực sự quá tầm tay. Làm sao đây? Họ đã hứa với nhà xuất bản. Helen đã vui viết bao với ý nghĩ sẽ có một tập sách riêng, những tác phẩm của chính mình.

Helen quả là một cô gái may mắn, bởi em luôn có những người bạn rất tốt xung quanh. Một trong số bạn ấy đã giới thiệu họ với John Macy –giảng viên trẻ trường Harvard. Từ lâu John Macy rất quan tâm tới trường hợp của Helen. Anh học bảng chữ tay cấp tốc trong một vài ngày, rồi giúp Helen nhanh chóng hoàn thành tất cả tác phẩm. Cuốn sách mang tên “Chuyện đời tôi”. Helen kể về thời thơ ấu của mình; kể những gì cô Ann đã làm để đưa em ra khỏi bóng tối; kể em đã từ “một linh hồn chết trong một cơ thể sống” trở thành cô bé hạnh phúc ra sao; kể về cuộc sống ngày ngất bởi bao điều học được, bởi những bạn bè bao bọc quanh mình, một cuộc sống mà Helen không bao giờ hiểu được ý nghĩa của từ “buồn chán”.

“Chuyện đời tôi” xuất bản khi Helen đang học năm thứ ba trường Radcliffe. Cuốn sách được dịch ra nhiều thứ tiếng và dĩ nhiên cũng được dịch sang chữ Braille. Hàng ngàn người trên thế giới đã đọc cuốn sách ấy và người ta có thể tìm thấy nó trong hầu hết các thư viện ở các trường học trên nước Mỹ.

Helen chỉ còn một năm nữa là kết thúc khóa học. Bây giờ em có những hai người giúp đỡ. Vậy là thỉnh thoảng cô Ann yêu quý của em có thể yên tâm nghỉ ngơi, điều mà cô xứng đáng được hưởng từ lâu. Mọi việc có vẻ thuận lợi hơn nhiều.

Một ngày đẹp trời tháng Sáu năm 1904 – Helen đã hai mươi tư tuổi – chín mươi sáu cô gái trong trang phục cử nhân trường Radcliffe, rạng rỡ nhận chứng chỉ tốt nghiệp. Rồi Radcliffe là trường liên kết với trường Harvard nên bằng tốt nghiệp mang chữ ký của hiệu trưởng trường Harvard.

Trong số các sinh viên kết thúc khóa học năm đó, có một người mà ai cũng phải chú ý nhìn. Cô ấy cao, dáng vẻ cứng cỏi, tự tin, cô nhận bằng “cum laude”, có nghĩa là đạt mức tốt. Cô Ann Sullivan rất tự hào, nhưng vẫn có đôi chút tiếc rẻ. Cô đã hy vọng Helen đạt mức “summa cum laude”, tức là rất tốt. Cô cho rằng đó là lỗi tại cô, nếu không, Helen hoàn toàn có thể đạt được.

Nhiều bài viết về Helen lập tức lại có mặt trên các báo. Đây là lần đầu tiên, một người tàn tật đến vậy đã tự hào giơ cao tấm bằng tốt nghiệp một trường đại học rất danh tiếng.

Có một bài báo nói tới “người phụ nữ nhỏ nhắn, bận đồ đen” ngồi bên cạnh Helen Keller.

Người phụ nữ đó là Ann Sullivan.

17. “Tôi cần tự lo được cuộc sống”

Ngay sau lễ tốt nghiệp, Helen tới chào các thầy cô và bạn bè cùng lớp. Helen đã đặc biệt cảm ơn thầy Copeland người tác động quan trọng cho “sự nghiệp văn chương” của mình. Rồi ôm bằng tốt nghiệp trong lòng, Helen chia tay trường đại học, cùng cô Ann đáp chuyến tàu điện về ngôi nhà mới.

Bằng số tiền nhuận bút của các bài báo và cuốn sách, cô Ann và Helen đã tìm mua được một trang viên bị bỏ hoang khá lâu, rất gần Trang Trại Đỏ nhà Chamberlin, ở Wrentham. Những giờ phút nghỉ ngơi vui vẻ trong Trang Trại Đỏ đã khiến hai cô trò rất yêu cảnh vật thiên nhiên miền quê này.

Những người thợ mộc, thợ điện, thợ sơn... từng tốp, từng tốp, được mời tới ngôi nhà cũ và

chẳng bao lâu đã biến nó thành một nơi cư ngụ ấm cúng và hiếu khách.

Trong khi Helen và cô Ann dự lễ trao bằng tốt nghiệp, nhân công bốc vác đã chuyển đồ đạc của họ từ nhà ở Cambridge tới nơi ở mới. Chỉ giúp việc Bridget đã đến trước để sắp xếp mọi việc. Chỉ nghĩ tới việc tổ chức “bữa tiệc tân gia” họ đã thấy vui lắm rồi. Xuống ga Wretham, hai cô trò còn phải đi bộ một quãng đường đất nữa.

Cô Ann đã nhận ra ngôi nhà từ xa; toàn bộ được quét sơn trắng, một thảm cỏ đẹp bao xung quanh, chỗ này chỗ kia là một vài cây to. Thảm cỏ thoải thoải đổ xuống một cái hồ khá rộng đủ để thỏa thích bơi lội, thậm chí có thể đi thuyền nhỏ ngắm cảnh trời nước.

Khi họ tới gần ngôi nhà, một con chó to bỗng từ đâu xổ ra mừng rỡ. Đó là Thora, chú chó Đan Mạch của Helen. Quá phấn khởi, nó suýt làm cô Ann ngã, nhưng với Helen, người ta đã dạy nó không được chồm lên người cô, dù nó rất sung sướng được gặp lại cô chủ sau bao ngày xa cách.

Suốt một thời gian dài, Helen không muốn thay thế Sư Tử tội nghiệp; nhưng tới ngày kia, gia đình Chamberlin đã gần như bắt buộc Helen phải nhận một chú chó con mà cô chó Đan Mạch xinh đẹp nhà họ vừa cho ra đời. Không bao lâu, Helen và cô Ann đã rất gần bó với con vật kỉnh càng, hung hăng và cũng rất tình cảm này.

Họ đã tới ven hồ, Thora vẫn theo sát gót. Ở chỗ neo tàu, đã thấy một chiếc ca nô và một chiếc thuyền gỗ của Helen. Mái chèo được buộc chặt bằng những dải dây da để không bị tuột khỏi giá đỡ.

Helen đã học cách bơi xuồng. Cô ngồi đằng trước cầm chèo, còn một người giữ lái đằng sau để định hướng. Trong chiếc thuyền gỗ, Helen chèo cũng khá khéo léo; thường thì luôn có người chèo lái ngồi sau, nhưng có những hôm hồ lặng, cô có thể chèo lấy một mình. Cô nhờ vào hương cỏ, hương hoa súng, hương của loài cây bụi rậm ven bờ, và cặp bến hoàn hảo.

- Cầu nhảy đã sẵn sàng chưa cô? – Helen hỏi.

Helen đã học bơi lần đầu tiên bên bờ biển, cùng cô Ann. Sau đó, Helen được tập luyện khá bài bản và khá lên rất nhiều trong những ngày nghỉ ở Trang Trại Đỏ, có Hồ Vua Phillip. Cô còn học lặn và bơi dưới nước.

- Sợi dây thừng của em cũng đã có ở đó rồi! – cô Ann bảo.

Có một sợi dây thừng rất dài buông hồ bên bờ hồ. Một đầu nó được buộc chặt vào thân một cây liễu. Khi Helen đi bơi một mình, cô buộc sợi dây quanh thắt lưng, nó giúp cô tránh khỏi những dòng chảy cuốn ra sông.

Trang trại này bị bỏ hoang đã từ lâu, đến nỗi xung quanh những gốc cây to mọc um tùm những cây ngậy. Ann đã kể với Helen những nhân công tới tu sửa đã vất vả như thế nào để cắt tỉa chúng, và họ còn cẩn thận buộc dây thép từ cây to này sang cây to khác theo đường mòn để Helen không bị lạc lối khi đi dạo.

- Mình tới chỗ để xe đạp đi – Helen nói.

Chiếc xe đạp đang chờ họ trong kho thóc. Nói đúng ra đó là chiếc xe đạp đôi. Cô Ann ngồi trước để định hướng, còn Helen ngồi sau, cùng đạp thong thả. Họ rất thích du ngoạn trên những con đường hẹp vùng nông thôn. Helen nói rằng cô có thể “hít được tất cả cảnh vật” nơi này.

Rời kho thóc, hai cô trò bước vào ngôi nhà đáng yêu của mình, nơi đây họ sẽ cùng trải qua những tháng ngày thật hạnh phúc. Đó là một ngôi nhà vui vẻ và hiếu khách, lúc nào cũng đầy bạn bè tới thăm. Giờ đây, Helen đã nắm chắc trong tay tấm bằng tốt nghiệp danh tiếng, phải đổi bằng biết bao khó khăn, mệt nhọc và cả buồn phiền; cô Ann và Helen xứng đáng được nghỉ ngơi thoải mái, tận hưởng những kỳ nghỉ sống động.

Bà Keller và bác giúp việc ở Tuscumbia (mẹ của Martha Washington, cô bạn thân duy nhất của Helen hồi bé xíu) đã dạy Helen cách làm những món ăn tuyệt hảo miền Nam. Những món ăn đặc sản ấy được Helen nấu từ nguyên liệu chính là thịt gà và ngô, đã khiến những người bạn Boston hay New York rất hâm mộ.

Bà Keller còn hướng dẫn cho Helen yêu thích công việc làm vườn. Cô gái vốn yêu hương hoa

và sự mềm mại của những cánh hoa hơn tất cả, có thể bỏ hàng giờ đào đất, nhổ cỏ, vun khóm.

Người khách thường xuyên nhất, cũng là người bạn tốt nhất trong ngôi nhà lớn là John Macy, giảng viên trường Harvard, người đã từng giúp đỡ cô Ann và Helen hồi còn ở trường Radcliffe. John yêu say đắm Ann Sullivan, nhưng hình như cô chẳng cổ vũ cho tình cảm ấy của anh chút nào.

Nhưng, tới một ngày đẹp trời, cuối cùng Ann cũng đã đáp “Vâng” cho lời cầu hôn lần thứ “n” của John. Cô ngỡ ngàng khi thấy John trao đổi gì đó với Helen rồi cả hai cùng cười giòn tan. John giải thích ngay:

- Anh vừa nói với Helen rằng anh hi vọng em sẽ không thay đổi quyết định nữa, nhưng để mọi người không bị bất ngờ quá nhiều lần, chúng mình nên ghi lên thiệp báo hỷ dòng chữ: “Có thể thay đổi kế hoạch vào phút chót!”

Ann cũng cười vì sự trêu chọc của hai người yêu thương cô nhất.

Không phải bàn tới việc Ann có rời bỏ Helen hay không, bởi Ann và chồng cô vẫn tiếp tục sống ở ngôi nhà trắng. John viết sách và báo. Anh động viên Helen nên bắt tay vào công việc gì cô yêu thích. Anh trao đổi chuyện văn chương sách báo với Ann và đỡ dần cô rất nhiều vì mắt vợ anh bây giờ đã yếu lắm.

Helen dự định sẽ kiếm sống bằng ngòi bút. Buồn thay, khi cô không viết về mình nữa, những sáng tác của cô chẳng có chút thành công nào. Cô đặc biệt thất vọng khi tất cả các báo đều từ chối tất cả các bài viết cô đã dành nhiều tâm huyết. Cô đã soạn tài liệu viết bài rất nghiêm túc, bàn về cách chăm sóc đôi mắt cho trẻ em để tránh những căn bệnh bất ngờ có thể biến chúng thành mù lòa.

- Buồn thật, vì độc giả chẳng muốn đọc cái gì em viết ngoài những câu chuyện từ chính cuộc đời em – Một buổi sáng, trong bữa điểm tâm, Helen nói với Ann và John. Nhưng em đã viết hết những gì em có thể viết về chủ đề đó.

John chân thành chia sẻ:

- Tôi sợ rằng đúng như vậy đó Helen ạ! – Anh đánh vắn vào tay Helen. Và không phải lúc nào cũng thấy vui khi tự nói về mình!

Một lát sau, khi Helen đang ngồi trước máy chữ, cố bới trong đầu “một chủ đề mới”, thì Ann bước vào, mang theo thư báo.

- Có một lá thư của Andrew Carnegie! – Cô đánh vắn nhanh cho Helen biết.

Andrew Carnegie là một trong những người giàu nhất Hoa Kỳ, đầu tư trong ngành công nghiệp luyện kim. Ông cũng là một nhà hảo tâm, một Mạnh Thường Quân có tiếng trong tầng lớp trí thức. Ông đã bỏ tiền cho việc thành lập một trong những thư viện lớn nhất nước Mỹ.

Những ngón tay Ann lại thoăn thoắt như múa giữa những bàn tay giữa bàn tay Helen: Ngài Carnegie muốn giúp đỡ Helen, muốn giành cho cô gái tài năng một khoản trợ cấp đều đặn trong suốt cuộc đời.

- Ông ấy thật tốt bụng – Helen nói – nhưng em không muốn có khoản trợ cấp ấy. Em cần phải tự lo cho cuộc sống của mình như mọi người khác.

Ngay ngày hôm đó, cô viết một bức thư cho Andrew Carnegie, rất cảm ơn quà tặng hào hiệp của ông và... lịch sự từ chối.

Cô sẽ tự lo cho cuộc sống của mình thế nào đây khi tất cả các bài viết mới đều không thành công? Câu hỏi ấy cứ ám ảnh tâm trí Helen mãi.

Cô không muốn nói chuyện này với cô Ann hay John Macy. Đó là vấn đề của riêng cô và cô cần tự mình giải quyết. Ann không biết Helen đang nghĩ gì nhưng cô luôn băn khoăn khi thấy Helen ngày càng hay thần người với những suy tư riêng.

- Mình cần một giải pháp nào đó – một hôm, cô Ann nói với chồng. Tất nhiên là vẫn còn khá nhiều tiền trong khoản dành để học đại học của Helen, nhưng cũng không thể còn mãi được.

Hoàn cảnh của John Macy cũng không khá giả, bản thân anh cũng không thu được quá nhiều

từ công việc viết báo. Một mình anh khó có thể lo đủ cho cuộc sống của cả ba người, lại thêm số tiền không nhỏ để trang trải cho ngôi nhà.

Một hôm, Helen nhận được thư gửi từ Văn phòng Pond, đây là một cơ sở thường đứng ra tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề ở nhiều thành phố khác nhau trên nước Mỹ. Văn phòng muốn dành cho Helen một sê-ri các bài phát biểu trong những buổi nói chuyện này và cô sẽ được nhận một số tiền khá lớn.

- Em... là nhân vật chính trong chương trình đó? – Helen ngạc nhiên khi cô Ann đọc thư... - Một chương trình nói chuyện vòng quanh các thành phố? Nhưng thế thì điên khùng quá, em không bao giờ có thể làm được!

- Em chắc chắn thế sao? – cô Ann hỏi – cô lại tưởng hoàn toàn có thể, trái lại, cô còn không chắc em có thấy công việc đó quá buồn chán không – cô Ann nói thêm, láu lỉnh.

Ann hiểu tính tình Helen hơn bất cứ ai khác, cô gái này luôn muốn vượt qua được những gì thật khó khăn, những điều cô tưởng như không đủ khả năng. Ann luôn cổ vũ cho Helen theo con đường dũng cảm, táo bạo ấy. Cô đã rất thành công! Chính nhờ khuynh hướng ấy mà cô trò nhỏ Helen đã khám phá được bao niềm vui sống.

Helen nghĩ ngợi. Nếu cô chấp nhận đề nghị này và nếu cô thực sự lên đường, chắc chắn cô sẽ dẫn thân vào một cuộc mạo hiểm căng thẳng hơn tất cả những gì cô đã vượt qua trước đây.

“Làm sao mình có thể nhỉ?” – Helen không ngừng tự hỏi – “Không một ai trong số thánh giả hiểu được những âm thanh méo mó của những điều mình nói!”

Helen biết rõ giọng nói của mình luôn đều đều một điệu, khá khó chịu và phát âm vẫn rất tồi; cho dù hàng ngày Helen vẫn chăm chỉ luyện tập với sự trợ giúp kiên trì của cô Ann. Một số người bạn khi thấy Helen vất vả thế còn thành thật khuyên cô nên từ bỏ ý định đó. Giờ đây, nếu Helen đứng nói trước công chúng, có lẽ ngay sau câu nói đầu tiên, sẽ chỉ còn lại mình cô trở khắc giữa hội trường.

Ngoài ra, dĩ nhiên Helen sẽ đi một mình, không có cô Ann, Helen không nghĩ rằng mình có thể tách cô Ann khỏi John Macy – người chồng, chỗ dựa tinh thần vững chãi của Ann, khiến Ann phải xa ngôi nhà ấm cúng mà cô mới chỉ được nghỉ ngơi một thời gian. Helen không muốn vậy.

Chính Ann là người đã đưa ra quyết định, bởi cô rất hiểu, vì cô mà Helen còn nhiều lưỡng lự.

- Đi – cô nói với Helen – Chúng ta cùng lên đường! Khởi hành thôi chứ!

Những buổi nói chuyện lập tức thu được thành công mặc dù ban đầu Helen tưởng chết được vì lo lắng. Đúng là người nghe rất khó hiểu Helen nói gì, cô Ann bắt buộc phải nhắc lại sau khi Helen ngừng lời.

Nhưng họ đều là những người đã nghe nói về Helen từ khi còn bé xíu. Họ muốn được nhìn thấy Helen. Khi bước vào hội trường, họ bị bất ngờ bởi hiện ra trên sân khấu là một cô gái trẻ, cao, mảnh mai, nhã nhặn và thực sự quyến rũ. Chỉ có đôi mắt xanh luôn đắm đắm nhìn vào một điểm vô định tố cáo sự tàn tật của cô.

Cô đi lại và hoạt động khá tự nhiên thoải mái. Cô bước nhẹ nhàng, một bàn tay bám hờ trên cánh tay cô Ann. Những trò chơi của cô bé hiếu động cùng cô giáo từ thời thơ ấu đã cho Helen rất nhiều niềm tin, sự vững chãi trong đời. Cô không e dè khi tiến lên phía trước, không phải lê bàn chân ngần ngại trên sàn, không ru rẩy lần mò,... cô không sợ.

Người nghe không phải luôn hiểu hết những gì Helen nói, nhưng họ đều lặng đi khâm phục khi cô cất lên câu “Tôi không còn câm nữa!”. Câu nói tuyệt diệu đã nổi tiếng cùng Helen, câu nói đầu tiên Helen nói với cô Ann rất nhiều năm về trước.

Ở mọi nơi hai cô trò tới, Helen luôn lo lắng cho đôi mắt cô giáo. Cô Ann không phàn nàn gì, nhưng Helen cảm thấy, khi Helen đi cạnh cô, khi cô Ann bỗng bám lấy khuỷu tay Helen, khi những bước chân cô không còn nhanh nhẹn tự tin ngày trước... Bây giờ gần như là Helen dẫn cô Ann đi. Ann thường ngần ngại mỗi lần qua phố. Hôm tới Buffalo, New York, cô Ann không nhìn thấy một gờ bước lên, cô bị vấp ngã và chấn thương khá nặng ở bả vai.

Sau tai nạn, ngay khi cô Ann có khả năng đi lại được, hai cô trò quay về Wrentham, quay về

nhà mình. Nhiều tháng sau đó, họ từ chối hoàn toàn mọi chuyển đi.

Những buổi nói chuyện chuyên đề ấy dù sao cũng cho phép họ chi tiêu rộng rãi hơn trong cuộc sống hàng ngày. Khi cô Ann bình phục hẳn, họ lại lên đường... cho tới cái đêm kinh hoàng ở Bath, bang Maine...

Mấy hôm liền trời trở lạnh, Ann Sullivan hơi khó chịu. Tối ấy, cô thấy mệt đến nỗi, hết buổi, phải gắng hết sức bình sinh để lê về khách sạn.

Helen thức dậy giữa đêm, bỗng nhiên thấy lo lắng. Cô nhòm dậy, đếm gần giường Ann. Helen cầm tay cô giáo, những ngón tay nóng bỏng, bất động. Trán cô Ann cũng nóng bỏng như thế. Helen không nghe thấy tiếng cô Ann rên rỉ, mê sảng nhưng vẫn biết rất rõ cô Ann đang trong cơn nguy kịch.

Làm sao bây giờ? Helen tìm thấy nút chuông. Cô ấn mạnh. Vô ích, người gác đêm hẳn đang ngủ. Điện thoại ư? Cô không dùng nó được, bởi chẳng ai hiểu được giọng nói ngọng nghịu, khác thường của cô nhất là qua điện thoại. Nếu cô có trực tiếp xuống quầy tiếp tân thì cũng không hơn gì, và lại nếu có người dưới đó thì họ đã trả lời chuông cấp cứu.

Helen không thể làm gì ngoài việc chờ đợi, chỉ chờ đợi. Cả đêm còn lại, Helen ngồi bên cô Ann. Cho tới lúc thấy bàn tay cô nắm lấy tay mình, Helen tưởng như hàng năm đã trôi qua. Những ngón tay Ann động dậy, cô đang bảo: “Đừng lo, mọi việc sẽ ổn thôi!”

Ann đã gượng dậy được và gọi điện thoại. Cô nhờ chủ khách sạn tìm cho một bác sỹ. Ông ta chẩn đoán đây là ca viêm phổi nặng.

Sau chuyện khủng khiếp này, Helen và Ann không đi đâu xa mà chỉ có hai người nữa.

18. Cuộc cứu nạn

Helen đang sắp chìm vào giấc ngủ thì bỗng nhận thấy một mùi lạ, có vẻ giống hơi tỏa ra từ lò sưởi.

“Lạ thật đấy, đang đêm thế này sao lại nóng lên nhỉ?” – Helen thầm nghĩ.

Giờ đã khuya lắm rồi. Mọi người đã ngủ từ lâu, chỉ mình Helen còn thức. từ vài tuần nay Helen luôn khó ngủ, cứ trằn trọc mãi.

Có lẽ là do vắng cô Ann. Mùa đông này cô Ann đi nghỉ cùng chồng ở Porto Rico, để an dưỡng sau đợt viêm phổi nặng. Khí hậu ẩm áp tràn ngập ánh sáng mặt trời hẳn rất tốt cho sức khỏe của cô. Chuyển đi sẽ kéo dài bốn tháng. Trong thời gian ấy, Helen trở lại Tuscumbia, sống giữa ngôi nhà thuở thơ ấu, đây cũng là dịp để được mẹ và em gái Mildred tha hồ chiều chuộng, chăm sóc. Em gái Mildred của Helen bây giờ đã lấy chồng rồi.

Kể từ mồng ba tháng Ba năm 1887, cái ngày Tuscumbia biết đến Ann Sullivan – cô gái can đảm giàu lòng nhân hậu, đây là lần đầu tiên Helen và cô Ann xa nhau lâu thế. Helen nhớ lại tất cả những chi tiết của buổi ra mắt ngày hôm ấy: vòng tay xa lạ đã ôm lấy Helen, cái túi du lịch to đùng trên sàn... con búp bê và không biết bao cơn giận dữ vô cớ... Helen mỉm cười hồi tưởng lại những điều đó... Và lúc này đây, Helen càng cảm thấy thật cô đơn. Dù đã hai mươi năm Helen bước ra khỏi nhà tù u tối đáng sợ của riêng mình, dù Helen đã biết thêm trăm ngàn điều, gặp gỡ bao nhiêu người... cô Ann vẫn luôn là gạch nối của Helen với thế giới bên ngoài, và còn hơn thế rất nhiều. Vẫn vợ suy nghĩ, Helen lại thấy lo lắng cho cô Ann. Liệu cô có thực sự sẽ khỏe hơn không? Đôi mắt cô đang trong tình trạng thế nào? Có tốt hơn không? May mắn là cô Ann đã gửi cho Helen một bức thư dài bằng chữ Braille, cô kể lại tất cả những gì cô thấy, những điều vui vẻ, mới mẻ và rất khác lạ của miền đất nước mà trước đây cô chưa từng biết đến. Bức thư khiến Helen an tâm hơn...

Miên man trong những mơ mộng, Helen đã quên hẳn cái mùi là lạ khi nãy; song nó bắt Helen phải nhớ đến, lần này có phần rõ nét hơn, có chút gì giống mùi cây cỏ khô cháy. Nhưng ai đốt lá vào cái giờ khác thường này.

“Có lẽ bác làm vườn chiều nay đã dọn lá cây trong vườn, bác ấy tưởng dập hết lửa rồi nhưng

vẫn còn chút tàn âm ỉ bùng lên trong đêm. Thôi lần này thì quyết định ngủ nhé, không nghĩ ngợi lung tung nữa” – Helen vùi đầu vào gối. Bất ngờ, Helen vùng dậy, đập chăn ra.

Không, Helen không tưởng tượng, cái mùi ấy xộc thẳng vào mũi thật đáng sợ. Có vẻ như mùi nhựa đường, lại mơ hồ mùi gỗ cháy... Nó như đặc quánh lại lừ lừ tiến lại gần.

“Phải đánh thức mẹ!” – Helen nhảy khỏi giường. Bần thần trong giây lát để xác định phương hướng, rồi Helen nhận ngay ra lối đi quen thuộc dẫn đến phòng mẹ.

Vừa tới nơi, Helen lao về phía đầu giường, lay gọi cuống quýt:

- Mẹ, mẹ, dậy đi, nhanh lên! Cháy!

May mà khi rời khỏi phòng Helen đã nghĩ nên đóng cửa lại, nếu không gió lửa sẽ giúp lửa lan nhanh khắp ngôi nhà. Lúc bà Keller mở cửa buồng Helen, cả căn phòng đã ngập chìm trong lửa, lửa đã liếm tới toàn bộ mé nhà bên ấy.

Đại úy Keller, Mildred và chồng cô bị đánh thức bởi tiếng kêu thất thanh của bà Keller, họ gọi ngay cho trạm cứu hỏa, rồi tất cả đổ nhào ra ngoài. Vừa kịp, vì lửa đã bén chân cầu thang. Đội cứu hỏa đã dập tắt được đám cháy, song thiệt hại cũng không ít.

- Nếu chúng tôi chỉ đến muộn năm phút nữa thôi thì cả ngôi nhà đã thành tro rồi! – người đội trưởng nói.

Người ta không tìm được chính xác nguyên nhân gây cháy. Có lẽ bụi than bắn ra từ lò sưởi đã bén vào mớ giẻ mà chị giúp việc quên chưa vứt đi sau khi lau bộ chân đèn bạc.

- Con yêu, con yêu của mẹ, con đã cứu sống tất cả mọi người – bà Keller cứu ôm chặt Helen vào lòng, nhắc đi nhắc lại câu nói ấy, nước mắt nhòe nhòet.

Bà run lên khi hình dung cảnh lửa bén vào phòng đứa con đáng thương may mắn thoát nạn chỉ nhờ vào khứu giác đặc biệt phát triển hơn. Nếu có ai đó ở bên nó, nếu nó có một đôi mắt sáng, nó sẽ sớm biết được đám cháy, sớm tránh khỏi nguy hiểm gần kề bên. Cái phút nó nghĩ tới việc báo mọi người có lẽ cũng là phút cuối cùng nó còn có thể rời khỏi đó. Con bé đơn độc quá!

Helen đã viết thư cho cô Ann kể lại biến cố ấy; cuối thư, Helen nói:

“... Từ hôm ấy, em có cảm giác như mình không thể ngủ yên nếu trước tiên không dán mắt xuống sàn tìm kiếm mọi góc ngách xem có mùi gì khác lạ hay một tàn lửa ẩn nấp đâu đó không...”

Sau đám cháy, bà Keller và Mildred càng chăm sóc, chiều chuộng Helen gấp đôi. Hai người lo lắng cho Helen từ những việc nhỏ nhất. Dù vẫn có đôi phút miên man với những ưu tư của riêng mình, nhưng Helen cũng thực sự hạnh phúc ở Tuscumbia. Helen vào bếp cùng mẹ nấu nướng. Bà Keller chỉ dạy cho cô con gái lớn những mẹo vặt, các bí quyết của những “ông vua bếp”. Không hiểu Helen có cảm nhận được hết ánh mắt trù mến, chứa chan thương yêu mẹ dành cho cô không?

Ông bà Keller vô cùng tự hào về thành tích của Helen ở trường đại học. Helen càng khôn lớn, họ càng không phải hạn chế những lời ngợi khen, thậm chí có thể nói là ngưỡng mộ đối với Helen.

- Mẹ rất tự hào và thán phục con không kém – bà Keller nói – khi con nấu ăn khéo léo và chăm sóc cây cỏ thành thạo như một người làm vườn có nghề.

Tháng Tư, cô Ann trở về từ Porto Rico. Cô đã khỏe khoắn lên nhiều, dáng dấp lại trang nhã, xinh đẹp như tuổi hai mươi. Thật may mắn, bởi có một việc chẳng vui vẻ gì đang chờ cô và Helen.

Cô Ann chỉ lưu lại gia đình Helen ít ngày rồi cả hai đáp tàu đi Wrentham, không phải để lo thu xếp cho những ngày sống ở đó mà, than ôi, để bán ngôi nhà trắng đẹp đẽ, ngôi nhà mà họ biết bao yêu quý. Họ đã phải nghĩ ngợi và rất đau lòng vì việc này, nhưng cuối cùng cũng phải quyết định. Họ không thể tiếp tục giữ nó lại nữa, nó quá lớn đối với họ và đòi hỏi quá nhiều chi phí duy tu.

Nó chẳng hay đông vui như ngày xưa nữa mà thường xuyên trống trải. John Macy không còn

đạy ở trường Harvard, anh chuyển sang làm việc ở một tòa báo và khá thành công trong nghề nghiệp mới. Nhưng anh luôn luôn phải đi công tác xa nhà nhiều ngày liền. Còn Helen và Ann cũng thường xuyên bận bịu với những chương trình nói chuyện dài ngày.

Họ đã tìm được một ngôi nhà khác ở Forest Hill, ngoại vi New York. Vẻ đẹp của nó tuy không thể so sánh với ngôi nhà ở Wrentham, nhưng nó lại hoàn toàn phù hợp với điều kiện của hai người. Ann và Helen đã thu xếp mọi việc một cách vui vẻ và thoải mái, chẳng nên buộc mình vào những nỗi tiếc vô ích làm gì!

Họ không bị mất đi sự lạc quan yêu đời, bởi đó là bản chất của họ và còn bởi giờ đây bên cạnh họ có thêm một người bạn mới luôn cổ vũ cho sự nồng nhiệt ấy. Cô là Polly Thomson.

Sau cái đêm Ann đột ngột ngã bệnh ở Bath, cả hai cô trò phải thừa nhận rằng họ không thể tiếp tục những chuyến đi nói chuyện tới các thành phố mà không có một người thứ ba đi kèm. Và một người bạn đã nhắc tới Polly Thomson.

Polly đến từ Ecosse, định chỉ chơi ít ngày ở nhà anh chị em họ tại Boston. Và “ít ngày” xa nhà ấy đã kéo dài hơn bốn mươi năm.

Polly còn rất trẻ và vừa học xong lớp thư ký. Mới gặp nhau ở nhà một người bạn chung, Helen, Ann và Polly đã tỏ ra rất hợp ý nhau rồi. Ann và Helen mời Polly đến nhà chơi vài ngày, hồi đó họ vẫn còn đang sống trong ngôi nhà trắng. Và từ đấy, Polly chẳng còn nghĩ tới việc ra đi nữa. Còn Helen và Ann thì thấy Polly thật gần gũi thân thiết, hơn cả những người bạn quen biết đã lâu. Chính Polly cũng đã đi cùng Ann tới Porto Rico, bởi công việc của John không cho phép anh nghỉ ngơi tới bốn tháng liền. Vậy là Polly trở thành một cô em, một nữ y tá luôn ở bên Ann. Hết mùa đông, cũng chỉ có Polly “hộ tống” cô Ann về, vì John đang bận làm phóng sự nơi xa.

Điểm hay nhất ở Polly là cô làm tất cả mọi việc, dù nặng nề, khó khăn, một cách rất tự nhiên, thoải mái với một chút ngông nghênh phớt đời rất đáng yêu. Điều này, Ann và Helen càng nhận thấy rõ trong các chuyến đi có Polly tham gia và nhất là sau này khi họ cùng đến sống ở Forest Hill.

Đã từ lâu cho dù có đeo kính, cô Ann vẫn rất khó khăn mỗi lần đọc các chỉ dẫn đường sắt. Người ta thường in cỡ chữ nhỏ, nên ngay cả đã gí sát mắt vào tờ hướng dẫn Ann vẫn không dám chắc mình có bị lầm chữ, lẫn số không, vả lại không thể cứ căn tầm nhìn của hành khách khác mãi được. Cô lấy làm phiền lòng lắm, nhưng thường xuyên vẫn phải mỉm cười trước yêu cầu sự phụ giúp của ai đó:

- Thật xấu hổ quá, khi cứ luôn làm phiền các vị, mà mọi người còn bận bịu bao nhiêu... nhưng...

Bây giờ, Polly đã có ở đây, Ann không còn phải lo lắng bởi hàng ngàn chi tiết vụn vặt, nhưng ngày càng trở nên khó khăn cồng kềnh, trong cuộc sống hàng ngày của cô. Polly say sưa với công việc, không hề mệt mỏi buồn chán. Cô ghi lại lịch trình các chuyến đi, sắp xếp giờ tàu xe, lên danh sách những người cần gặp trong mỗi thành phố...

Ngoài những việc đó ra, Polly đã phải bỏ nhiều tâm trí đích thân “chỉnh đốn” lại vấn đề chi tiêu của hai người bạn mà cô rất mến. Ann gần đây hay đau yếu, và về cơ bản cô cũng không hào hứng với công việc quản lý tài chính, hơn nữa lại thêm đôi mắt ngày càng kém nên chuyện chi tiêu khiến cô hao tổn không ít sức lực. Ấy là chưa kể khi tới nhà băng, gặp người nào không được trung thực lắm thì họ cũng chẳng thêm nhắc nhở nếu cô có lẫn lộn các tờ tiền to nhỏ mà có lợi cho họ. Helen thì dĩ nhiên chẳng thể giúp gì cô trong việc này.

Ann và Helen không có khả năng “điều hành ngân sách” còn bởi họ là những người rất hào hiệp. Ai cũng biết, ngay khi hay tin một đứa trẻ, hoặc một người tàn tật, một tổ chức từ thiện cần giúp đỡ là họ vội vàng ủng hộ ngay. Chẳng khi nào những lời kêu gọi lòng tốt bị họ từ chối, cho dù họ có phải ăn khoai tây, uống nước trắng trong nhiều ngày để đợi thù lao của những buổi nói chuyện sau...

Giả sử John Macy vẫn còn ở đây, anh sẽ lo lắng cho họ, sẽ là người chỉ đường cho họ, cổ vũ, giúp đỡ họ, như trước nay anh vẫn luôn làm như vậy. Nhưng, John Macy đã chết, rất xa những người thân yêu, trong một chuyến đi làm phóng sự ở nước ngoài. Sau cái chết của chồng, cô

Ann đã già đi rất nhiều.

May mắn làm sao giờ lại có Polly! Cô giải thích với Ann và Helen rằng cô không ngăn họ làm từ thiện, việc đó rất tốt, nhưng dù thế nào cũng không được để mình chết đói. Cô tự đảm nhận nhiệm vụ sẽ tính toán và dành riêng một khoản cần thiết cho việc ăn uống và chi phí cho các sinh hoạt thiết yếu khác, trích thêm một chút cắt đi dùng khi phải sửa chữa nhà cửa hoặc phòng lúc đau ốm.

Đúng ra công việc chính của Polly là thư ký. Cô học rất nhanh, thành thạo bảng chữ cái bằng tay để thay thế cho cô Ann đọc sách cho Helen. Giờ, dù cô Ann có muốn cũng không thể làm được; mặt khác, Helen cũng cấm ngặt, Helen nghiêm khắc lấy lại sách khi thấy cô Ann đọc, mặc cho cô có viện lý do nào khác. Polly soạn chu đáo hàng đồng thư từ gửi tới cho Helen, phân loại, sắp xếp chúng; và mỗi ngày lại cặm cụi ghi chép chi tiêu như một vị bộ trưởng tài chính thực thụ.

Khi “bà bộ trưởng tài chính” thấy không còn nhiều tiền để tiếp tục mướn người giúp việc, Polly đeo tạp dề và vui vẻ bắt tay vào rửa bát, giặt giũ.

Polly kiên quyết nói sẽ chỉ nhận lương khi các khoản nợ đã thanh toán xong xuôi và tất cả những người cần trợ giúp đã được hài lòng. Điều đó cũng có nghĩa là không bao giờ. Nhưng Polly yêu Ann và Helen như những người chị gái. Cô ngưỡng mộ sự can đảm của họ, sự yêu đời của họ và trí tuệ thông minh của họ; chính những điều đó đã đem đến cho họ một cuộc sống tuyệt diệu, ở nơi ấy, những khó khăn về vật chất chỉ còn là thứ yếu.

19. Bên kia đỉnh dốc

Helen ngày càng hay lo nghĩ tới cô Ann.

“Cô sẽ ra sao nếu bất ngờ có điều gì xảy ra với mình?” – Helen cứ luôn băn khoăn với câu hỏi đó. Polly thật tuyệt vời nhưng một mình cô ấy sao có thể làm việc để nuôi sống hai người được, nhất là cô Ann lại đau yếu. Vả lại lúc Polly ra ngoài làm việc thì ai sẽ ở bên cạnh cô Ann?

Họ đã cố gắng nhiều lần phẫu thuật để mong cứu vãn được đôi mắt tội nghiệp cho cô Ann. Nhưng kết quả là mỗi lần lại thêm thất vọng hơn. Bởi thì lực của Ann có nâng lên chút đỉnh sau một thời gian ngắn lại tiếp tục yếu đi. Helen hoàn toàn hiểu rằng không còn chút hy vọng nào và chẳng bao lâu nữa cô Ann sẽ mù hẳn.

Cũng vì nghĩ tới cô Ann, nghĩ tới khoản tiền cần có cho các cuộc phẫu thuật, Helen đã chấp nhận món trợ cấp của Andrew Carnegie sau nhiều lần ông chân thành đề nghị. Nhưng nếu mình chết trước cô Ann thì sao? Lúc đó sẽ không còn món trợ cấp nữa, cô Ann sẽ ra sao khi mắt đã mù lòa mà lại không có một xu để chi tiêu. Từ hồi nhỏ Helen được biết cô Ann tới giờ, chỉ thấy cô luôn luôn cố gắng và hy sinh chứ chẳng hề dành dụm chút gì cho riêng mình.

Cần phải tìm một cách gì đó để kiếm được thật nhiều tiền. Mình sẽ gửi ngân hàng và cô Ann sẽ có một sự đảm bảo cần thiết, ngay cả khi mình không ở bên cô.

Nhưng bằng cách nào? Tới một hôm, nó đã tự đến với Helen, khi cô tưởng như không còn hy vọng nữa. Cô biết rõ khi mình chấp nhận đề xuất này cũng là phải chấp nhận không ít lời phản đối và cả chỉ trích. Nhưng “sự cần thiết làm nên lý lẽ”: cô phải hành động.

Bấy giờ, các chương trình ca nhạc tạp kỹ sân khấu nhỏ đang là một trào lưu được ưa chuộng ở Mỹ, điện ảnh lúc ấy vẫn chưa lên ngôi. Một chương trình ca nhạc tạp kỹ, cũng như ngày nay, gồm rất nhiều tiết mục khác nhau: nhào lộn, đu bay, ảo thuật, những chú chó thông thái, hề,... Mỗi một thành phố trên nước Mỹ đều có ít nhất một hai sân khấu như thế và chương trình thay đổi theo từng tuần.

Trong tất cả các buổi biểu diễn, luôn có một tiết mục người ta gọi là “cây đình của chương trình”. Đó là một bài nói đã chuẩn bị từ trước do một diễn viên nổi tiếng, một ca sỹ hay một nhạc công, đôi khi lại là một nhà bình luận phát biểu. Tất cả những người này được trả cát xê rất cao.

Một ông bầu, là chủ sở hữu rất nhiều sân diễn đã đề nghị Helen là một “cây đình” như thế. Nếu đồng ý cô sẽ nhận được một số tiền lớn mà cô chưa từng có. Song Helen biết những người bạn rất thiện ý của cô sẽ nói gì: rằng cô sẽ tự biến mình thành một kẻ kỳ cục. một quái vật khi xuất hiện trong những sân khấu ấy, rằng đó là một điều đáng xấu hổ v.v... Helen không phiền lòng nhiều, chỉ một việc quan trọng với cô bây giờ là làm sao tích cóp được số tiền đủ đảm bảo cho cô Ann một cuộc sống an ổn cho dù có chuyện gì xảy ra.

Vấn đề là bắt buộc phải có một người lên sân khấu cùng Helen, như trong các cuộc họp báo trước đây, để giúp khán giả hiểu được những gì Helen nói. Helen vẫn liên tục luyện âm, nhưng kết quả thu được vẫn rất hạn chế, và cả Helen và Ann đành thừa nhận chẳng nên hy vọng vào một tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực này. Những người không biết Helen từ lâu, không quen với cách phát âm của cô thì hầu như không thể hiểu Helen nói gì.

- Sao không để Polly lên với em? – Helen hỏi Ann – Em sợ ánh đèn sân khấu chiếu thẳng vào mình sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe của cô.

Ann kiên quyết từ chối. Cô đánh vờ trong tay Helen:

- Cô biết em làm việc này là vì cô. Đừng nghĩ rằng cô sẽ để em lên đó một mình không có cô! Việc của cô là giúp đỡ em và cô sẽ luôn làm như thế.

Polly cũng đi cùng đến sân diễn, nhưng Ann là người lên với Helen, hết tối này qua tối khác, mặc dù đúng như Helen đã nói ánh đèn sân khấu nóng rực và lóa mắt khiến cô Ann rất khổ sở. Đến nỗi, đôi khi quá mệt không gắng gượng được, cô đành phải để Polly thay thế.

Khi ông bầu ca nhạc có chủ định mời Helen tham gia, các cộng sự của ông ta đã xem như một ý tưởng điên rồ, một trong số họ lạnh lùng tuyên bố:

- Nghe đây, khán giả đến chỗ chúng ta là những người muốn được cười, được giải trí. Phòng diễn chẳng mấy lúc sẽ không còn ai đoán hoài tới nếu sự bất ngờ ông muốn dành cho họ là một cô nàng mù lòa khốn khổ với một mệnh phụ đi kèm.

Ông giám đốc vẫn không nhượng bộ. Ông giữ nguyên quyết định, bởi ông đoán chắc ý tưởng của mình sẽ rất tuyệt vời. Đáp lại đủ mọi lý lẽ phản đối, bao biện của các cộng sự, ông nói:

- Các vị quên rằng Helen Keller đã từng là một cô bé, rồi là một phụ nữ nổi tiếng không chỉ trên cả nước. Tôi tin chắc rằng rất nhiều người muốn tới đây để được thấy, được nghe cô ấy nói. Và họ tới không phải để thương hại, càng không phải để cười cợt, mà họ tới vì họ ngưỡng mộ Helen. Họ làm vậy là đúng vì những gì cô ấy đã làm thực sự đáng được ngưỡng mộ.

Ban đầu, họ giới thiệu Helen ở một phòng diễn nhỏ tại Mount Vernon, ngoại vi New York.

Helen, Ann và Polly thật vất vả để giữ được vẻ tự nhiên thoải mái. Không chỉ vì họ e ngại khi đứng trước đám đông, mà chính vì cả cuộc phiêu lưu mà họ sắp dấn thân vào không hề làm họ hào hứng như những khó khăn trước đây họ đã từng đối mặt. Ông giám đốc cứ hoài công động viên, song giờ mở màn càng đến gần họ càng bối rối.

Cuối cùng, đèn trên sân khấu đã bùng sáng, những tấm màn nhung từ từ kéo lên và một sân diễn nhỏ được bài trí như một phòng khách ấm cúng xinh xắn hiện ra. Ở một góc phòng là cây đại dương cầm và một bình hoa đặt bên trên. Ann đang đứng giữa sân khấu, bận bịu váy dạ hộ trang nhã. Cô phải giữ để không nhúu mày hay chớp mắt liên tục, ánh đèn cứ xói thẳng vào mắt cô. Cô Ann phải nói một chút, giải thích Helen đã học đọc, học nói, học viết như thế nào.

Khi cô Ann sắp kết thúc bài bói của mình thì Polly và Helen đã hồi hộp chờ bên cánh gà. Helen đã nắm vững vai trò của mình, cô đã tập đi tập lại nhiều lần, song vẫn vô cùng lo lắng. Lúc cô Ann nói xong, người chỉ huy sẽ cho chơi một giai điệu ngắn và Polly sẽ đẩy nhẹ khuỷu tay Helen, khi đó cô gái trẻ sẽ phải một mình bước ra sân khấu rực rỡ ánh đèn.

Cô giơ tay ra phía trước, và như đã được tập, ngay lập tức cô sờ phải cây dương cầm, cô men theo đó và khi ngón tay chạm tới chân bình hoa tức là cô đã ở đúng vị trí. Helen dừng lại, quay về phía khán giả. Rồi rất từ tốn, cố nói một cách lưu loát rõ ràng nhất có thể, cô nói lời kêu gọi mọi người hãy dành lòng thương yêu, sự động viên giúp đỡ cho tất cả những người mù. Liên đó, cô Ann nhắc lại những lời Helen, bằng giọng nói thanh tao, mạch lạc. Và, hạ màn.

Tiếng vỗ tay lập tức vang dội, nồng nhiệt và xúc động. Helen không nghe thấy được, nhưng đã

có cô Ann kề bên, cô cầm lấy tay Helen nói: “Eman tâm đi, mọi việc diễn ra rất tốt đẹp.” Công chúng ở Mount Vernon thật sự rất yêu mến Helen.

- Tối nay thì có vẻ ổn đấy, nhưng phải ở những sàn diễn lớn, trong các khách sạn sang trọng dành cho giới thượng lưu, mới là nơi chúng ta cần quan tâm nhất – một trong những cổ đông đã phản đối việc mời Helen nói.

- Đây chỉ là sân khấu tỉnh lẻ. vì thế xuất diễn này đã thành công tốt đẹp. Tôi đồng ý là vậy – ông ta tiếp – Nhưng với những người có tiền, họ không tới để xem Helen Keller mà điều họ chờ đợi phải là một chương trình hấp dẫn, sôi động; và nếu họ không hài lòng thì sẽ càng tệ hơn cho chúng ta.

Sân khấu Palace chật kín người vào cái hôm đầu tiên Helen xuất hiện.

Màn mở, cô Ann bắt đầu bài nói ngắn của mình. Toàn bộ hội trường im phăng phắc, tất cả như bị dồn nén trong bao nhiêu cảm xúc không thể cất thành lời. Một vài người nôn nóng ngo ngậy trên ghế.

Khi Helen bước ra sàn diễn thì không gian vỡ òa bởi những tràn vỗ tay vang dội. Cô gái duyên dáng với nụ cười sáng bừng gương mặt, từng bước chân nhẹ lướt theo tiếng nhạc, Helen có thể cảm nhận được giai điệu dễ thương ấy qua những rung động dưới đế giày.

Bằng nụ cười hạnh phúc, Helen cảm ơn sự chào đón nồng nhiệt của tất cả, cô còn nói thêm:

- Tôi nghe thấy rất rõ tiếng vỗ tay của các bạn như những thanh gỗ ghép trên sàn diễn.

Khán giả càng phấn chấn hơn, càng ngưỡng mộ Helen hơn, họ đứng cả dậy để hoan nghênh cô. Cuối buổi, ông bầu và mấy người đồng sự - giờ đã hoàn toàn bị thuyết phục, đến gặp Helen:

- Cô Keller, cô chìm ngập trong tiếng vỗ tay của khán giả!

Vậy là hai năm liền sau đó, Helen, Ann và Polly đi khắp đất nước. Gần như không có thành phố nào trên nước Mỹ mà họ chưa đặt chân tới. Thậm chí nhiều thành phố họ còn trở lại một vài lần. Những người dân nơi đây yêu quý và tự hào về Helen; Helen cũng yêu mến họ. Công việc mà ban đầu Helen ngỡ rằng nặng nề kinh khủng buộc phải làm, giờ đây đã hầu như một niềm thích thú. Bởi cô có một ấn tượng rõ rệt rằng tất cả những người bỏ thời gian tới gặp cô đều là những người bạn.

Thường thì sau khi Helen kết thúc bài nói ngắn, khán giả được mời đặt câu hỏi. Đôi khi có những thắc mắc ngô nghê, buồn cười, nhưng không khi nào là những câu hỏi ác ý. Một câu hỏi ngô nghê hay được đưa ra là:

- Cô Keller, khi ngủ cô có nhắm mắt không?

Bằng một sự kiên nhẫn đáng mến, Helen luôn tỏ vẻ như đây là lần đầu tiên được nghe câu hỏi ấy. Cô chờ giây lát, hơi nhíu mày ý chừng đang suy nghĩ, rồi mỉm cười đáp:

- Tôi không biết nữa! Tôi chưa bao giờ thức đủ lâu để biết được điều đó.

Những chuyến du lịch này khiến Helen rất thích, dù cô biết vẫn còn một vài người bạn nghiêm khắc phản đối việc cô đang làm. Số ít đó không hiểu vì sao cô lại chọn cuộc sống tẻ nhạt này, họ luôn tự hỏi, trời đất, tại sao Helen lại có thể “trung diễn trong một sân khấu ca nhạc tạp kỹ”. Họ phàn nàn cho cô bằng tấm lòng chân thành. Nhưng họ không biết được, và Helen không buồn nhiều vì chuyện đó. Cô không nghe thấy những lời ấy... cố giữ để không nghe thấy những lời ấy.

Ngược lại, cô tìm niềm vui trong những mối quen biết mới, một môi trường cũng nhiều hấp dẫn và sôi động. Những diễn viên nhào lộn, những nghệ sĩ múa, những chú chó đáng yêu, những chú khỉ tinh nghịch, những chú hải cẩu,... tất cả nhắc Helen nhớ về lần đi thăm rạp xiếc cùng cô Ann, kỉ niệm ấy đã lâu lắm rồi.

Song dù sao Helen cũng không thể hài lòng trọn vẹn. Cô biết những chuyến đi dài ngày thế này rất ảnh hưởng tới sức khỏe cô Ann. Và sau hai năm, Helen cảm thấy nhẹ nhõm thở phào vì đã có thể dừng công việc này.

Họ đã kiếm được rất nhiều tiền và Polly tháo vát đã lo thu xếp tiền nong đúng như ý Helen muốn. Vậy là Helen có thể an tâm rồi. Nên khi có người đề nghị Helen một vị trí an nhàn và

“sang trọng” hơn, cô đã vui vẻ chấp nhận.

Đó là việc làm cho Văn phòng của Quỹ hỗ trợ người khiếm thị nước Mỹ. Helen đảm trách vai trò này trong nhiều năm liền.

Quỹ hoạt động rất tích cực. Quỹ dùng cho việc duy trì giảng dạy trong các trường của người mù và hỗ trợ đào tạo các giáo viên chuyên môn. Quỹ cấp học bổng cho những học viên mù có tài năng để họ có điều kiện tiếp tục học cao hơn.

Quỹ cộng tác với Quốc hội, cơ quan lập pháp của Mỹ, trong một chương trình soạn thảo và đi tới thông qua một văn bản luật có khả năng giúp đỡ, bảo vệ và hỗ trợ cho người mù. Bằng những chiến dịch báo chí, Tổ chức này đã cố làm cho những người sáng mắt hiểu rằng họ may mắn ngần nào rằng người mù đang cần gì để giúp đỡ. Các chiến dịch ấy giải thích, thuyết phục giới chủ công ty cho rằng rất nhiều công việc có thể tin tưởng giao cho người mù, dù khuyết tật nhưng họ hoàn toàn đủ khả năng thực hiện trọn vẹn những công việc đó.

Cùng Thư viện Quốc gia, Quỹ đã tổ chức xuất bản nhiều cuốn “sách nói cho người mù” – chính là những đĩa nhựa. Người ta ghi vào đó toàn văn một cuốn sách bằng giọng đọc to, rõ ràng và những người khiếm thị có thể nghe bằng máy cá nhân ở nhà.

- Giá mà em được nghe một trong những đĩa ấy – Helen nói với cô Ann khi biết về sự tồn tại của “sách nói” – theo em đó là một ý tưởng rất tuyệt. Nó sẽ củng cố lòng can đảm cho những ai đã mệt mỏi và buồn chán với chữ Braille.

Ít ngày sau, Helen nhận được một thùng hàng lớn. Chính những cái đĩa Helen muốn thấy, song Helen hơi ngạc nhiên bởi người ta gửi cho cô nhiều thế và cô thực sự bất ngờ khi sờ trên sách trên vỏ đĩa: đây là bản ghi cuốn sách của cô. Ann và Polly biết trước chuyện này, song họ muốn giữ bí mật để dành cho cô một niềm vui nho nhỏ.

Để duy trì tất cả các hoạt động đó, Tổ chức cần phải có tiền và Helen được giao nhiệm vụ đi xin tài trợ cho Quỹ. Vậy là Helen lại lên đường, tiếp tục các chuyến đi từ thành phố này sang thành phố khác trên khắp nước Mỹ, giải thích mục đích của Tổ chức và đề nghị sự giúp đỡ. Helen luôn đạt được thành công... cùng những khoản tiền đáng mừng.

Polly là người đi kèm Helen trong các chuyến đi đó. Ann bây giờ hầu như luôn phải nằm trên giường, với tình trạng sức khỏe đáng lo ngại. Polly, Helen đã năn nỉ bác sĩ nhãn khoa cố làm thêm một lần phẫu thuật nữa, biết đâu cô Ann sẽ có được cái nhìn rõ hơn. Ông bác sĩ chấp thuận để làm vừa lòng ba người, nhưng báo trước kết quả rất có thể lại là một nỗi thất vọng. Ông ta đã đúng. Cô Ann bây giờ gần như không nhìn thấy gì nữa. Một buổi tối tháng Mười năm 1936, cô Ann cảm thấy khỏe hơn, đến mức cô có thể rời khỏi giường ra ngồi trên ghế bành. Helen ở bên cạnh, cầm tay cô Ann.

Herbert Haas mới ghé thăm. Anh là một người bạn, tới từ New York, nơi anh vừa tham dự cuộc đánh đấu gia súc ở Madison Square Garden. Cô Ann cười thật trẻ trung khi nghe Haas bắt chước giọng điệu của những anh chàng cao bồi và cô đánh vắn vào tay Helen mọi chi tiết hài hước nhỏ nhỏ. Helen cũng cười, cô càng vui nhiều bởi thấy cô giáo Ann thoải mái và hạnh phúc thế.

Thật là một buổi tối vui vẻ, đáng yêu. Đêm hôm đó, Ann Sullivan ngủ một cách an lành, và nhẹ nhàng đi sang một thế giới khác, thế giới đó không có đau đớn, không có bệnh tật và ở nơi đó không có ai, không bao giờ bị trở thành mù lòa.

20. Tưởng nhớ Ann Sullivan

Ngày 25 tháng Mười năm 1946, Polly và Helen đang buồn bã dạo quanh một đồng cỏ nát: đó là tất cả những gì còn lại từ ngôi nhà của họ.

Ngôi nhà duyên dáng, dễ thương nằm ẩn mình ở nông thôn, gần Westport, bang Connecticut, đã từng là nơi họ sống 7 năm liền. Mới cách đây một năm thôi, họ còn tiếp đón bạn bè ở nơi đó, đã thấy được những giờ phút vui vẻ và thoải mái gần như hồi ở ngôi nhà trắng xinh đẹp ngày xưa.

Chẳng còn gì của ngôi nhà Westport nữa. Khi Helen và Polly vắng nhà, nó đã bị một đám cháy thiêu trụi. Trên nền đất, một miệng hầm há ngoác, những viên gạch đen xám, nứt vỡ, những mảnh vữa vụn xám xịt, những đồ làm bếp quần queo vì bị nung nóng. Những mảnh giấy cháy dở bay vờ trong không khí khi một cơn gió nhẹ thổi qua.

Helen không trông thấy bằng mắt cảnh điêu tàn này, nhưng hoàn toàn vẫn cảm nhận được nó. Thứ mùi ngự trị ở những nơi có thiên tai, có thảm họa cũng đủ cho Helen thấy hết tổn thất nặng nề, trầm trọng của nó. Không phải thứ mùi thơm dễ chịu của ngọn lửa reo vui, cái hương vị tuyệt diệu của góc bếp ấm áp, của những đêm thức trắng; đây là thứ mùi thật đáng sợ, mùi của sơn, của tường vôi, của áo quần,... bị đốt cháy.

- Thế cái cây của cô Ann?

Hồi hai người đến đây sống, bên cạnh ngôi nhà có một cây sồi non mới mọc. Cái cây đó thật đẹp. Nó vừa có cái trẻ trung tươi mới của cây non, vừa có cái thâm trầm, rắn rỏi vốn có của họ sồi. Helen và Polly đã gọi nó là “cây của cô Ann”, để tưởng nhớ về cô giáo, về người bạn lớn rất mực thân yêu.

- Nó bị đốt cháy một nửa rồi. Nhưng có lẽ nó vẫn còn sống, chúng ta đợi mùa xuân xem.

Khi người ta đánh điện báo ngôi nhà bị cháy, Polly và Helen đang ở Châu Âu. Họ đã đáp chuyến bay gần nhất trở về hôm trước lễ Giáng sinh.

Helen bước đi cô định giữa đồng tron tàn, nghĩ về những cảnh đổ nát từng thấy ở Châu Âu. Helen nhìn bằng đôi mắt của Polly, nghe bằng những ngón tay của Polly. Polly (cũng như cô Ann ngày xưa) kiên trì tả lại cho Helen tất cả. Văn phòng Quỹ hỗ trợ người khiếm thị đã gửi Helen tới Châu Âu như một đặc phái viên để tìm hiểu xem họ có giúp được gì cho hàng nghìn binh sĩ và dân thường bị mù lòa do những vết thương chiến tranh hoặc do tai nạn.

Nghĩ tới vô số bi kịch mà mình đã từng cùng Polly tới thăm hỏi, Helen hoàn toàn quên đi những khó khăn của bản thân.

- Chúng ta có nhiều may mắn, quá nhiều may mắn – Helen nói với Polly – Chúng ta có những người bạn tuyệt vời và chúng ta có đủ tiền để sống.

- Đúng vậy! – Polly đồng tình- Tôi cũng đang nghĩ về những nỗi bất hạnh chúng ta từng chứng kiến ở Châu Âu, những người bị mất tất cả. Họ cần sự giúp đỡ của chúng ta, chúng ta không được phép bỏ rơi họ, bằng bất cứ giá nào.

Song dù sao việc mất ngôi nhà cũng là một biến cố nặng nề với Polly và Helen. Helen thở dài, nghĩ tới những cuốn sách đang viết để hồi tưởng về cô Ann Sullivan. Helen đã khởi sự từ lâu, dành rất nhiều tâm tư, rất nhiều gấn bó cho cuốn sách; và Helen luôn canh cánh rằng sẽ không bao giờ tỏ hết niềm tôn kính cho xứng với cô Ann.

- Ở tất cả những nơi chúng tôi từng đến – Helen nói với Polly – người ta luôn đặt tôi lên trên. Tôi, Helen Keller. Họ quá quên một điều rằng tất cả những gì tôi có thể làm được đều nhờ cô Ann. Chính cô Ann mới là người xứng đáng được hưởng những lời tôn vinh, không phải tôi. Tôi muốn cả thế giới hiểu được điều đó và họ sẽ yêu cô Ann như tôi yêu cô, sẽ ngưỡng mộ cô như cô xứng đáng được nhận.

Chính với tâm trạng ấy, Helen đã bắt tay vào việc. trước khi cùng Polly đi Châu Âu, Helen đã soạn được ba phần tư cuốn sách. Helen sắp xếp lại cho gọn ghẽ, cẩn thận trong ngăn kéo bàn làm việc. Nó đã bị cháy rụi cùng với nhiều thứ vô giá khác. Tất cả những lá thư của cô Ann, những lá thư bằng chữ Braille đã luôn bên cạnh Helen khi cô Ann đi xa, tất cả những ghi chép riêng cũng bằng chữ Braille... đều chỉ còn là tro tàn.

- Nghĩ tới việc mọi thư từ của cô Ann đều mất hết tôi thấy mình như mất đi một cánh tay – Helen buồn rầu tâm sự cùng Polly. Nhưng tôi sẽ không bị đánh quỵ đâu và nhất là tôi sẽ không từ bỏ ý định. Ngay khi nào có thể tôi sẽ bắt đầu lại: Tôi sẽ viết lại những gì đã bị cháy và tôi sẽ hoàn thành cuốn sách của mình.

Nhiều tháng trôi qua trước khi Helen có thể thực hiện dự định của mình. Bởi Polly và Helen có một công việc quan trọng cần phải làm ngay, một việc không thể chờ đợi. Họ phải tham gia giúp cho hàng ngàn người không những bị mù lòa sau chiến tranh mà còn không có nơi ở và

đang bị đói rét.

Cần phải có tiền để mua gì cho họ ăn, kiếm gì cho họ mặc, để dựng cho những người bất hạnh ấy nơi cư ngụ mới. Cũng cần phải xây những ngôi trường mới dành cho người mù, thay thế những thư viện chữ Braille đã bị bom đạn phá hủy. Ở một số nước người ta còn cần tiền để trang bị lại những máy đập chữ Braille đã bị đem nấu chảy trong chiến tranh để làm đạn dược. Helen và Polly đã khá quen với công việc quyên góp từ thiện, họ là những thành viên kỳ cựu của Quỹ hỗ trợ người khiếm thị từ nhiều năm trước khi chiến tranh thế giới nổ ra.

Helen và Polly lại rong ruổi trên khắp nước Mỹ. Lần này trong các bài phát biểu, Helen luôn nhấn mạnh về những viên cảnh tượng lai không hề tươi sáng mà nhiều người lính trẻ rất có thể phải gánh chịu, những người lính buộc phải sống nốt phần đời còn lại trong bóng tối. Helen nói về những đứa trẻ bị mù, về một em bé lần mò tìm đường giữa đồng cỏ nát, đơn côi, hoảng hốt, cố tìm lại người mẹ đã bị bom giết hại.

Bài phát biểu của Helen quá thuyết phục và Polly thậm chí không cần phải nhắc lại, họ hiểu Helen, hiểu những xúc động và nhiệt huyết Helen gửi gắm trong đó. Tiền cứ thế đổ về.

Khi cùng Polly bôn ba trên khắp nước Mỹ, Helen vẫn không nguôi nghĩ về “cuốn sách của cô Ann”. Cuối cùng, Helen bắt tay vào viết ở nhà một người bạn; họ mời Helen và Polly tới nghỉ tạm trong khi chờ có nhà mới. Máy đánh chữ Helen cũng đi mượn vì chiếc cũ đã bị hỏng hết sau đám cháy.

Helen không còn những bức thư của cô Ann, không còn những ghi chép riêng, chẳng còn gì để trợ giúp ngoài một xấp giấy trắng trước mặt và một cái máy đánh chữ.

Helen ngồi bất động hàng giờ, sống lại với những kỷ niệm xa xưa, những tháng năm gắn bó bên cô giáo. Rồi Helen ngồi vào bàn làm việc, cố kể lại tất cả.

Khi tác phẩm hoàn tất, người ngạc nhiên đầu tiên là Helen. Cái mà Helen làm không giống chút nào với những điều đã dự định. Helen muốn viết một cuốn sách trang trọng, kết cấu chặt chẽ, tuân theo trật tự ngày tháng của các sự kiện. Vậy mà, thay vào đó, Helen để những dòng chữ trôi theo những hồi tưởng thất thường. Helen kể lại những kỷ niệm như những gì nó đến, lúc thừa thớt, lúc dạt dào, có vẻ không theo một trình tự nào. Chính sự “rời rạc” ấy đã làm nên tất cả sự lôi cuốn của câu chuyện, nó mang đến cho tác phẩm sự tự nhiên và chân thực. Mở đầu cuốn sách Helen viết như một kẻ lang thang tìm đường, rồi Helen gọi lại thời thơ ấu của mình, ngày cô Ann đến, những ngày nghỉ đầu tiên bên bờ biển... Helen kể những ngày ở ngôi nhà lớn Wrentham, kể những buổi tối bên bếp lửa ở Trang Trại Đỏ, những cuộc chơi bằng xe trượt tuyết, những bông tuyết đầu tiên rơi vào bàn tay... Helen nói về tính tình vui vẻ của cô Ann, về niềm lạc quan của cô... Cô là một minh chứng cho một cô tiên có thật trong đời, bởi cô đã giải thoát cô bé Helen bảy tuổi khỏi ngục tù tăm tối, đưa em tới một thế giới thần tiên. Helen kể về niềm hạnh phúc luôn có cô Ann bên cạnh, theo dõi từng bước tiến, giúp đỡ Helen học chương trình cao cấp ở đại học. Cô luôn cổ vũ, trợ giúp để Helen đạt được vị trí cao, để Helen tự tin và vui vẻ, nhưng không khi nào chán nản hay xa cách mọi người. Cô Ann đã làm một việc siêu phàm, bởi cô có một trái tim thanh cao và một niềm tin sâu sắc vào khả năng của trí tuệ con người.

Suốt cuốn sách Helen viết, mỗi trang, mỗi dòng người ta đều nhìn thấy hình ảnh cô Ann, nhân cách của cô như ngời sáng. Người ta thấy cô Ann dịu dàng nghiêng xuống bên cô học trò nhỏ, những ngón tay mảnh dẻ thoăn thoắt viết trong bàn tay Helen, kể cho em về khoa học, về thế giới muôn màu. Đúng như Helen đã viết, Ann Sullivan là người đã đem được tất cả sự huyền diệu của ngôn ngữ vào trong lòng bàn tay.

21. Một ngày mùa hè

Sau khi đi dạo buổi sáng về, Helen Keller dừng chân một lát bên cây sồi, cạnh ngôi nhà xinh xắn tắm dưới ánh nắng chan hòa. Nơi đây, từ nay về sau, Helen Keller và Polly Thomson sẽ cùng sinh sống.

Ngôi nhà được xây lại trên khu đất của ngôi nhà cũ bị cháy hồi hết chiến tranh. Helen và Polly cùng rất yêu thích vùng đất Westport và quang cảnh nông thôn bang Connecticut. Vì vậy cả hai cùng thống nhất sẽ vẫn ở lại nơi này.

Ngoài ra còn có một lý do khác, một ý nghĩa tình cảm, đó là “cây sồi của cô Ann” – cây sồi đã bị thiêu cháy một phía, vậy mà nó không chết. Khi xuân đến, nó đã hồi sinh mãnh liệt và bây giờ đã là một cái cây thật đẹp.

“Tuyệt vời biết bao buổi sáng mà hè!” – Helen nghĩ và vuốt ve lớp vỏ cây thô nhám. “Thật vui khi lại được ở nhà.”

Vừa mới hôm trước, Helen và Polly trở về sau một chuyến đi dài ngày đến Na Uy, Thụy Điển và Đan Mạch. Chính phủ Hoa Kỳ đã mời Helen Keller thực hiện chuyến thăm này trên danh nghĩa Đại sứ thiện chí của Hoa Kỳ.

Đây vẫn không phải là chuyến đi dài ngày nhất. Hơn ba năm trước – Helen khi đó đã 74 tuổi – bà đã cùng Polly thực hiện một đợt công cán 80.000km vòng quanh thế giới.

Từ khi Ann Sullivan rời xa họ, Polly và Helen gần như luôn trên mọi nẻo đường. Họ tới thăm hầu hết các nước. Họ tới thăm Nhật Bản ba lần và ở đó có một trường học dành cho trẻ em khiếm thị mà các học trò đều gọi Helen là “mẹ”.

Mục đích của những chuyến đi ấy không hề thay đổi: làm tất cả những gì con người có thể để hàng triệu người mù và hàng triệu người điếc trên thế giới có cơ may được sống như những người bình thường.

Đó là điều cô Ann đã mong muốn hơn tất cả mọi điều trên thế giới này. Cô đã cố gắng cả đời mình để dành may mắn đó cho Helen. Bây giờ đến lượt Helen. Như cô Ann từng làm, lúc này đây Helen muốn dành tất cả những gì tốt đẹp nhất mà mình có thể cho những người anh em bất hạnh.

Thời gian sau chiến tranh thế giới thứ hai, Helen xem rằng nhiệm vụ quan trọng nhất, nặng nề nhất cần làm là đem lại niềm hi vọng cho hàng ngàn người lính trẻ đã bị mù. Những người lính trẻ ấy được chăm sóc trong các quân y viện, và Helen đã dành nhiều tháng liền để tới tất cả các phòng bệnh, hầu như không phân biệt phe phái.

Những điều Helen nói với họ không phải lúc nào họ cũng hiểu hết, giọng nói Helen vốn không rành mạch, khi xúc động lại như hụt hơi, song điều đó có hề chi. Sự có mặt của Helen, sự động viên của một nhân chứng sống như Helen, dù gọi nên những cảm xúc khác nhau nơi mỗi người nhưng thực sự;à một điều tuyệt vời cho tất cả. Giọng nói đều đều ấy mang một quyền năng kỳ lạ đem lại niềm tin cho cuộc sống.

Khi Helen đã rời khỏi phòng, người ta cần tiếp tục nghĩ về bà. Những thương binh trẻ kể cho nhau nghe những câu chuyện của người phụ nữ can đảm ấy, cuộc chiến mà bà đã từng tham gia, khó khăn mà bà đã từng đối mặt và những kết quả tuyệt vời mà bà đã đạt được.

Thời gian này, Helen liên tục phải đi. Bà tới nhiều miền đất nước kêu gọi sự quan tâm, giúp đỡ về vật chất và tinh thần để có thể lập nhiều trường chuyên ngành cho người mù và người điếc.

Đó là một trách nhiệm rất to lớn, và dù đã đạt được nhiều kết quả khả quan, Helen vẫn chưa thất đủ. Chỉ có điều, Helen cũng biết rằng Polly và cả bản thân mình giờ đây đã quá già để đảm đương được những chuyến đi liên miên như thế.

- Hôm qua lúc về Polly có vẻ mệt lắm – Helen lẩm bẩm một mình. Kể ra mình cũng hơi mệt một chút.

Trở vào nhà, Helen ngửi thấy mùi thơm của cà phê và bánh mỳ nướng. Polly đang chuẩn bị bữa sáng. Helen nhẹ bước xuống bếp. Việc của bà là vắt nước cam.

Polly đã cắt sẵn cam làm đôi, bên cạnh là cái vắt cam và hai chiếc cốc. Trong lúc Helen làm nước quả, Polly sắp xếp dao đĩa cho bữa sáng vào chiếc khay nhỏ. Rồi hai bà bạn già – vâng, bây giờ họ đã trở thành hai bà cụ đẹp lão – cùng lên tầng hai, mỗi người cầm khay của mình. Sống trong ngôi nhà quen thuộc, Helen định hướng chẳng khó khăn.

Cả hai vào phòng ngủ của Polly. Polly ngồi trên giường, vừa nhấm nháp cà phê vừa đọc báo. Xong, bà thuật lại tin tức cho Helen.

Chị giúp việc tới dọn dẹp nhà cửa đã mang thư, báo lên. Đã 70 năm nay, Helen là một người nổi tiếng thế giới,... từ ngày chỉ là một cô bé nhỏ xíu. Những người nổi tiếng luôn nhận được nhiều thư.

Polly bóc và sắp xếp lại thư từ. bà đọc luôn tất cả các thư quan trọng nhất cho Helen, và đặt sang bên những bức thư mà Helen sẽ phải trực tiếp trả lời.

Sau đó, tới giờ làm việc. Buổi sáng của hai người là làm việc cùng máy đánh chữ. Phòng đọc của Polly tầng một, trông ra tiền sảnh. Còn Helen có một phòng giấy nhỏ ở tầng hai.

Bên cạnh chiếc máy chữ thông thường, trên mặt bàn có thêm chiếc máy chữ Braille, nó hoạt động cũng tương tự như nhau. Helen dùng máy chữ Braille khi cần viết thư cho bạn bè cũng bị khiếm thị hoặc khi ghi chép riêng để sau có thể đọc lại được. Những lần chuẩn bị các bài phát biểu Helen luôn phải dùng tới nó.

Trước bữa ăn, Polly bước vào. Helen đưa bạn xem những bức thư vừa viết. Polly đọc lại rất cẩn thận, chăm chú. Nếu có lỗi, dù là rất nhỏ, Polly sẽ đưa Helen đánh lại. Cô Ann Sullivan luôn đòi hỏi sự hoàn hảo tuyệt đối. Helen cũng mong muốn Polly tiếp tục như vậy. Polly chẳng phụ lòng tin tưởng của Helen, cũng rất nghiêm khắc, không nhân nhượng một sai sót nào.

Hôm nay không có lỗi, Polly lần lượt đặt từng bức thư lên một mảnh bìa dày và chỉ chỗ để Helen tự tay ghi tên.

Chiều, một vài người bạn tới uống trà. Sau khi họ ra về, Polly chuẩn bị bữa tối. Ăn xong bữa, cả hai cùng rửa bát. Polly rửa xà phòng còn Helen tráng lại bằng nước sạch rồi xếp lên giá. Có một lúc, Helen cười và đưa cho Polly một chiếc đĩa rửa chưa kỹ. Còn chút thức ăn dính lại trên đĩa. Polly không nhận ra, nhưng không có gì lọt được qua những ngón tay nhạy bén của Helen.

- Bà bạn tinh quái – Polly bật cười nói.

Helen không nghe thấy, nhưng vì Polly vừa nói vừa viết lên tay Helen nên bà cũng bật cười theo cùng bạn.

Buổi tối yên ả trôi qua trong phòng khách. Polly nghe một bản nhạc, Helen đan một chiếc áo đã bỏ dở từ lâu. Họ cầm tay nhau trò chuyện hoặc thả mình trong những dòng suy tư. Cả hai cùng muốn đi ngủ sớm vì đã mệt. Polly đưa Helen vào giường trước, giắt chăn đệm cẩn thận và chúc Helen ngủ ngon.

- Hôm nay ngủ ngay đi nhé! – Polly nói và nghiêng mình về phía Helen để bạn có thể đọc bằng ngón tay đặt trên môi mình. Không đọc gì tối nay đâu!

Trong tập thư báo sáng nay có một tờ tạp chí mới in bằng chữ Braille, Polly đã để ý thấy Helen mang lên phòng.

- Không, bạn yêu quý, tối nay tôi sẽ không đọc! – Helen trả lời, ngoan ngoãn như một đứa trẻ biết vâng lời.

Polly tắt đèn, khép cửa đi ra, Helen chờ một lát... Biết đâu Polly bất ngờ quay lại.

Helen không với tay về phía tờ tạp chí mà lùa xuống dưới giường lấy cuốn Kinh thánh in bằng chữ Braille, nó quá cồng kềnh nên không thể xếp trên tủ đầu giường được. Helen vừa lần giở những trang sách vừa nhớ lại phần khi trước đang đọc. Đây rồi!

Mỉm cười trong bóng tối, Helen lướt những ngón tay trên những dòng chữ nổi, lòng dạt dào xúc cảm...

22. Những bức thư của Helen Keller

Những bức thư sau đây do chính Helen Keller viết gửi cho rất nhiều đối tượng khác nhau. Từ đó chúng ta sẽ thấy được những tiến bộ rất nhanh của một cô bé gái thông minh khác thường, nhờ vào sự hi sinh tận tâm hết mình, cũng khác hẳn bình thường, của một cô gia sư, đã không

chỉ trở thành một người phụ nữ phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần mà còn đạt tới một kiến thức văn hóa và những thành tích tri thức đáng khâm phục.

Cô Ann Sullivan đã đi vào cuộc đời của Helen Keller ngày mùng ba tháng ba năm 1887. Ba tháng rưỡi sau ngày những chữ cái đầu tiên được viết trong lòng bàn tay cô bé, Helen đã viết bức thư sau bằng bút chì:

Gửi chị họ Anna (bà George T. Turner)

Tuscumbia (Alabama), 17 tháng Sáu năm 1887.

Helen viết thư – anna george sẽ cho helen một quả táo – simpson sẽ bắn chim – jacques sẽ cho helen một cây kẹo mút – bác sĩ sẽ cho mildred uống thuốc – mẹ sẽ may váy mới cho mildred.

(không ký tên)

Hai năm ngày sau, từ Huntsville, nơi em đang ở chơi vài ngày, Helen viết một bức thư cho mẹ. Hai từ trong bức thư này gần như không thể đọc được, còn các chữ khác thì cứng koè và nghiêng ngả mọi phía:

Gửi bà Kate Adams Keller.

Huntsville (Alabama), 12 tháng Bảy năm 1887.

Helen sắp viết cho mẹ một bức thư đây – bố đã cho helen uống một viên thuốc - mildred muốn ngồi trong ghế đu –mildred đã ôm helen đấy – cô giáo cho helen một quả đào – bác george ốm phải nằm giường – bác bị thương ở tay – anna đã cho helen uống nước chanh – con chó đứng được bằng hai chân sau.

Người lái đã xé vé – bố đưa cho helen một cốc nước ở trên tàu.

Carlotta đã cho helen mấy bông hoa – anna sẽ ma cho helen một cái mũ mới – helen sẽ ôm mẹ – helen sẽ về nhà – mẹ rất yêu helen.

Tạm biệt mẹ

(không ký tên)

Tháng Chín sau đó, Helen đã tiến bộ hơn tron việc chú ý tới cấu trúc câu và tổ chức các ý.

Gửi cho các bạn mù ở Viện Perkins, Boston (miền Nam)

Tuscumbia, tháng Chính 1887

Helen sắp viết một bức thư cho các bạn mù đây – helen và cô giáo của mình sắp đến gặp các bạn đấy – helen và cô giáo sẽ đi bằng tàu hơi nước đến boston – helen và các bạn rất vui – các bạn mù biết chuyện trò bằng ngón tay – helen sẽ gặp bác anagnos – bác anagnos sẽ yêu quý và ôm hôn helen – helen sẽ đến lớp với các bạn – helen biết đọc, biết đếm, biết nói bằng tay và biết viết như các bạn – mildred sẽ không đi boston – mildred khóc – prince và jumbo sẽ đi boston – bố bắn mấy con vịt bằng súng săn và jumbo và mẹ nó bơi trong nước và ngâm vịt vào mồn mang cho bố - helen chơi với chó – helen trèo lên lưng ngựa với cô giáo – helen cầm cổ trong tay cho handee ăn – cô giáo thúc để handee đi nhanh – helen bị mù – helen sẽ cho thư vào phong bì gửi cho các bạn gái mù.

Tạm biệt,

Helen Keller

Hai tháng sau, cách trình bày một bức thư của Helen đã có phần đúng kiểu cách hơn.

Gửi cho ông Michael Anagnos, hiệu trưởng Viện Perkins.

Tuscumbia, tháng Mười một năm 1887.

Cháu sắp viết một bức thư cho bác đây, chúng cháu đã đi lấy chân dung của cháu và cô giáo, cô

giáo sẽ gửi cho bác nó. người thợ ảnh đã tạo ra chân dung đầy. người thợ mộc dựng những ngôi nhà mới. người làm vườn cuốc và đào đất để trồng rau. búp bê nancy của cháu đang ngủ. nó bị ốm. mildred vẫn khỏe. chú frank đã đi săn hoẵng. cả nhà sẽ có thịt săn để ăn vào bữa trưa lúc chú về. cháu đã được ngồi trong xe cút-kít và cô giáo đầy. simpson đã cho cháu nhiều hạt dẻ. chị họ rose đã đi thăm mẹ chị ấy. cháu đã đọc xong quyển sách của cháu và biết được cái khác nhau giữa fox và box, fox (cáo) có thể ngồi vào box (cái hộp). cháu rất thích quyển sách của bác. cháu yêu bác.

Tạm biệt bác,
Helen Keller

Bước sang năm mới, những tiến bộ của Helen đã được khẳng định. Các tính từ đã xuất hiện nhiều hơn, thậm chí cả các tính từ chỉ màu sắc. Mặc dù nghĩa của các từ này không hề mang đến cho em một liên tưởng nào về màu sắc, em dùng những từ ấy đúng chỗ như chúng ta vẫn thường dùng nhiều từ một cách tự nhiên mà không cố hình dung hết những gì nó biểu đạt. Bức thư này được gửi cho một bạn học cùng trường ở Viện Perkins.

Gửi Sarah Tomlinson

Tuscumbia, hai tháng Giêng 1888.

Sarah yêu quý,

Mình rất hạnh phúc khi viết thư cho bạn sáng nay. Mình hy vọng rằng bác Anagnos sẽ sớm đến chơi với mình. Mình sẽ đi Boston vào tháng Bảy và mình sẽ mua găng tay cho bố, và cho James một cái vòng cổ đẹp và cho Simpson mấy cái gài tay áo. Mình đã gặp cô Betty và các học sinh của cô ấy. Họ đã làm một cây Noel thật xinh đẹp và trên cây còn treo nhiều vật xinh xắn cho trẻ con. Mình đã được một cái cốc, một con chim nhỏ và kẹo đường. Dì cho mình một cái rương nhỏ để cất Nancy và quần áo. Mình đã đi đến một buổi chiều đãi tổ chức trong vườn với mẹ và cô giáo. Bọn mình đã nhảy múa và chơi đùa và ăn hạt hồ đào và kẹo bọc đường và bánh ga tô và cam và mình đã chơi rất vui với nhiều bạn trai và nhiều bạn gái. Cô Hopkins đã gửi cho mình một chiếc nhẫn đẹp. Mình cũng yêu nó như các bạn gái ở trường mù.

Các bác các chú và những cậu con trai làm thảm trong các nhà máy sợi. Len mọc ra từ những con cừu. Người ta cắt len của cừu bằng những cái kéo to và gửi đến nhà máy sợi.

Bông mọc ở những ống cây to ngoài cánh đồng. Đàn ông, phụ nữ, con trai, con gái hái bông. Chúng ta làm từ bông ra sợi và những váy dài bằng vải bông. Những cây bông có hoa xinh đẹp màu trắng và đỏ. Váy của cô giáo bị rách vì móc vào cây. Mildred khóc. Mình chăm cho Nancy. Mẹ sẽ mua cho mình một cái tạp dề mới và một cái váy để đi Boston. Mình đã đi Knoxville với bố và dì. Bessie yếu và bé lắm. những con gà nhà bà Thompson đã làm chết những con gà nhà bà Leila. Eva nằm trong giường mình. Mình yêu những chị gái tốt.

Tạm biệt,
Helen Keller.

Trong câu chuyện mà Helen kể sau đây nhân một chuyến đi thăm vài người bạn, những ý nghĩ của em đã gần với những gì người ta vẫn thấy ở một bé gái 8 tuổi bình thường, có thể là chỉ trừ niềm vui thích ngây thơ của em về lòng sốt sắng năng nổ ở những cậu bé lịch lãm.

Gửi bà Kate Adams Keller.

Boston (Mass.) 24 tháng 9 năm 1888.

Mẹ yêu quý của con.

Con nghĩ mẹ sẽ rất sung sướng được biết chi tiết về chuyến đi thăm của con ở West Newton. Cô giáo và con đã nghỉ một thời gian khá lâu với nhiều người bạn để mền. West Newton không xa Boston và chúng con có thể đến đó rất nhanh bằng tàu hơi nước.

Bà Freeman và Carrie và Ethel và Frank và Helen đã đến đón chúng con ở bến tống một cái xe

ngựa to. Con đã rất ngây ngất khi được gặp những người bạn nhỏ yêu quý của mình, con ôm họ thật chặt và hôn má họ. Rồi chúng con lên xe, đi lòng vòng để thấy tất cả những điều đẹp đẽ ở West Newton. Nhiều ngôi nhà đẹp được bao quanh bằng những thảm cỏ rộng màu xanh thẫm và những cây và những hoa nở rộ và những đài phun nước. Con ngựa tên là Hoàng Tử và nó rất đáng yêu và nó thích phi đều đều rất nhanh.

Lúc về đến nhà, chúng con gặp 8 con thỏ, và hai con chó nhỏ mũm mĩm và một con ngựa nhỏ đáng yêu màu trắng, và hai con mèo con và hai con chó nhỏ xinh xắn lông xoăn tên là Don. Con ngựa tên là Mollie và con đã có một cuộc đi dạo rất tuyệt trên lưng nó; con không sợ. Con hy vọng rằng bác con sẽ sớm mua cho con một con ngựa nhỏ đáng yêu và một cái xe ngựa nhỏ.

Cliffon đã không ôm hôn con vì cậu ấy không thích ôm hôn các cô con gái bé. Cậu ấy ngược. Con rất hài lòng vì Frank và Clarence và Robbie và Eddie và Charles và George đã không quá nhút nhát thế. Con đã chơi đùa với nhiều bạn gái và chúng con đã rất vui vẻ. Con đã ngồi lên xen ba bánh của Carrie và con đã đi hái hoa và ăn quả chín. Con đã nhảy và múa và con đã đi chơi bằng xe ngựa. những quý bà và quý ông đến thăm chúng con. Lucy và Dora và Charles sinh ra ở Trung Hoa. Con sinh ra ở Mỹ, và bác Anagnos sinh ra ở Hy Lạp. Ngài Drew bảo là các bạn gái Trung Hoa không biết nói chuyện bằng ngón tay nhưng con đã hứa sẽ dạy cho các bạn ấy khi nào con đến Trung Hoa. Một bạn gái trung Quốc rất tốt đã đến thăm con, tên bạn ấy là Asu. Một bạn khác tên gọi theo tiếng Tàu là Amah. Chúng con đã trở lại nhà bằng xe ngựa vì đang là ngày chủ nhật và xe hơi nước thì không có thường xuyên vào các ngày chủ nhật. Những người lái xem và thợ máy đã quá mệt và họ sẽ nghỉ ngơi ở nhà. Con đã gặp một bạn trai Willie Swan trên xe và cậu ấy đã tặng con một quả lê mọng nước. Cậu ấy 6 tuổi. Con làm gì khi con 6 tuổi nhỉ? Con rất phiền vì Eva và Bessie đang bị ốm. Con hy vọng sẽ có một đoàn thật tuyệt vào ngày sinh nhật sắp tới, và con muốn Carrie và Ethel và Frank và Helen đến thăm con ở Alabama. Mildred có được ngủ với con khi con về nhà không?

Yêu mẹ, hôn mẹ nghìn lần, con gái nhỏ yêu quý của mẹ.

Helen Keller.

Gửi cô Della Bennett.

Tuscumbia, 29 tháng Giêng 1889,

Cô Bennett yêu quý.

Cháu rất vui sáng nay viết thư cho cô. Chúng cháu vừa ăn trưa xong. Mildred chạy xuống cầu thang. Cháu vừa đọc xong cuốn sách của cháu viết về một số điều liên quan tới những nhà thiên văn học (astronome). Astronome bắt nguồn từ tiếng Latin, astr có nghĩa là những ngôi sao; và các astronome là những người nghiên cứu những vì sao và nói cho chúng ta về chúng. Chỉ chúng ta đang yên giấc trên giường, họ quan sát bầu trời tráng lệ qua kính viễn vọng. Một kính viễn vọng giống như một con mắt rất uy quyền. những ngôi sao rất xa đến nỗi chúng ta chẳng thể nói nhiều về chủ đề này nếu không có những dụng cụ tuyệt vời ấy. Cô có thích nhìn qua cửa sổ buồng vô và ngắm những vì sao nhỏ không? Cô giáo bảo rằng cô giáo có thể nhìn thấy sao Venus từ cửa sổ nhà cháu đây, và đó là một vì sao to và đẹp. Những vì sao được gọi là anh chị em của trái đất.

Có rất nhiều dụng cụ to khác ngoài những dụng cụ mà các nhà thiên văn dùng. Con dao là một dụng cụ dùng để cắt. Cháu nghĩ đồng hồ cũng là một dụng cụ. Cháu sẽ nói cho cô những gì cháu biết về đồng hồ. Có những đồng hồ có giai điệu và có những đồng hồ không có giai điệu. Có những cái bé xíu và có những cái rất lớn. Cháu đã từng thấy một chiếc đồng hồ rất to ở Wellesley. Nó từ Nhật Bản tới. Những chiếc đồng hồ được dùng trong rất nhiều trường hợp. Chúng báo cho chúng ta khi bữa trưa đã sẵn sàng, khi đã đến giờ đến trường hay đến nhà thờ và khi có đám cháy. Chúng nói với mọi người khi nào quay về nhà để nghỉ ngơi. Đồng hồ ở trên xe báo cho hành khách rằng họ đã đến một trạm đỗ và nói với mọi người xuống xe. Thỉnh thoảng cũng xảy ra những tai nạn xe cộ khủng khiếp và nhiều người bị cháy, bị chìm trong nước và bị thương. Có một hôm cháu đã làm vỡ đầu con búp bê của cháu; nhưng đó không phải là một tai nạn nghiêm trọng, vì những con búp bê không sống và không cảm thấy được như con người. Những con chim bồ câu của cháu vẫn khỏe và con chim nhỏ của cháu cũng thế. Cháu rất muốn có một ít đất sét.

Cô giáo bảo bây giờ đã đến lúc cháu phải đi học rồi.

Yêu cô nhiều, hôn cô.

Helen A. Keller

Lá thư tiếp theo được gửi cho cô Sarah Fuller, người đã dạy Helen những bài học nói bằng miệng đầu tiên.

Gửi cô Sarah Fuller.

Nam Boston (Mass.), ba tháng Tư 1890.

Cô Fuller yêu quý.

Tim cháu đập rộn lên vui mừng trong buổi sáng đẹp trời này, vì cháu đã học phát âm được nhiều từ mới và cháu đã có thể nói được vài câu nữa. Tối qua, cháu đã ra sân và nói chuyện với mặt trăng đầy. Cháu nói là: “Mặt trăng ơi! Xuống đây với tôi!”. Cô có nghĩ rằng mặt trăng đầy quyến rũ hạnh phúc vì cháu đã có thể nói với trăng không? Mẹ cháu sẽ vui sướng biết bao nhiêu. Cháu sốt ruột chờ tháng Sáu đến biết bao, cháu nóng lòng được nói với mẹ và cả em gái yêu quý của cháu nữa. Mildred không thể hiểu ngôn ngữ tay của cháu, nhưng bây giờ em sẽ ngồi trên đùi cháu và cháu sẽ nói với em nhiều điều để làm em vui, và chúng cháu sẽ cùng sung sướng biết bao! Cô có hạnh phúc, rất rất hạnh phúc vì có thể đem hạnh phúc đến cho biết bao nhiêu người đến thế không? Cháu tin rằng cô rất dễ mến và rất kiên nhẫn, và cháu rất yêu quý cô. Hôm thứ ba, cô giáo bảo cháu rằng cô muốn biết tại sao cháu lại có mong muốn được nói bằng miệng. Cháu sẽ kể cho cô nghe tất cả chuyện đó bây giờ đây, vì cháu nhớ rất rõ. Khi cháu còn bé, cháu thường hay ngồi suốt ngày trong lòng mẹ, vì cháu rất nhút nhát và vì cháu không thích bị bỏ một mình. Và cháu thường đặt tay lên mặt mẹ, vì khi cảm thấy các cử động của môi và của các đường nét khi mẹ nói với ai đó, cháu cảm thấy thích thú. Cháu không biết mẹ đang làm gì, vì cháu chẳng biết gì hết. Sau đó, khi cháu đã lớn hơn, cháu tập chơi với chị vú em và những đứa trẻ da đen, và cháu nhận ra chúng cũng động đây môi như mẹ. Vậy là cháu cũng thử làm như vậy với môi của mình nhưng đôi lúc điều đó chỉ làm cho cháu tức giận, và cháu đã xiết rất mạnh miệng của các bạn. Cháu đã không biết rằng đó là một hành động hung ác đến thế nào. Rất lâu sau đó, cô giáo yêu quý của cháu đã đến, và cô đã dạy cho cháu cách giao tiếp bằng những ngón tay và từ ngày đó, cháu luôn thấy vui vẻ và hạnh phúc. Nhưng khi đến trường, ở Boston, cháu gặp một vài người câm họ cũng nói được bằng miệng như tất cả những người khác. Và một hôm có một bà sống ở Na Uy đến trường và kể về một cô gái người Na Uy cũng mù và điếc như cháu mà bà đã được trực tiếp nhìn và nghe cô ấy nói từ xa; người ta đã dạy cho cô nói và hiểu người khác khi người ta nói. Tin tốt lành và may mắn này đã làm cho cháu vui mừng vô cùng, vì ngay lúc đó, cháu càng hoàn toàn tin rằng, cháu, Helen cũng có thể học được. Cháu thử tạo ra các âm như những bạn học nhỏ tuổi khác của mình, nhưng cô giáo Ann bảo giọng nói là một thứ rất tinh tế và nhạy cảm, và vì vậy cháu sẽ làm hại nó nếu cứ phát âm từng từ một cách sai lạc, và cô hứa sẽ đưa cháu đến gặp một phụ nữ rất dễ mến và giỏi chuyên môn, người đó sẽ chỉ dạy cho cháu. Người phụ nữ đó chính là cô đấy. Bây giờ cháu vui như những con chim nhỏ vậy vì cháu đã có thể nói, và có thể hát nữa. Tất cả các bạn bè của cháu sẽ rất ngạc nhiên và rất vui mừng.

Cô học trò nhỏ của mô, người rất yêu quý cô.

Helen A. Keller.

Lá thư sau đây được sao chụp và đăng lại nguyên bản trong một số báo tháng Bảy năm 1892, tờ “Thánh Nicholas”. Nó không ghi ngày nhưng hẳn đã được viết hai hoặc ba tháng trước khi xuất bản.

Gửi “Thánh Nicholas”.

“Thánh Nicholas” yêu quý,

Tôi tự đem tới cho mình một niềm vui được gửi bạn một bức thư do chính tay tôi viết vì tôi muốn những bạn đọc của bạn, những cậu bé trai và những cô bé gái biết được những đứa trẻ mù viết như thế nào. Không nghi ngờ gì nữa, nhiều bạn đọc của bạn sẽ hỏi tại sao chúng tôi lại giữ

được dòng chữ viết thẳng như thế; vì vậy tôi sẽ giải thích cho các bạn đây. Chúng tôi sử dụng một tấm xoi rãnh đặt giữa dưới những tờ giấy khi chúng tôi muốn viết. Những rãnh này song song với nhau và tương ứng với những dòng kẻ và khi người ta ấn mạnh tờ giấy trên những rãnh này và với đầu bẻ nhọn của một cây bút chì, sẽ trở nên rất dễ dàng để giữ cho các từ có cùng một độ cao. Những chữ bé nằm lọt hoàn toàn trong các rãnh, còn những chữ lớn hơn thì sẽ trải dài lên trên hoặc xuống dưới một chút. Chúng tôi điều khiển cây bút chì bằng tay phải trong khi ngón trỏ của tay trái kiểm soát để chắc chắn rằng mình đã viết và định vị những chữ đều đặn. ban đầu rất khó để viết cho đúng, nhưng chỉ cần một chút kiên nhẫn, công việc đã được thực hiện dễ dàng hơn, và nhờ thường xuyên tập luyện, chúng tôi đã đạt viết được loại chữ mà tất cả các bạn bè chúng tôi đều có thể đọc được. Đích đã đạt được, chúng tôi rất, rất hạnh phúc. Có thể một ngày nào đó những bạn đọc nhỏ tuổi của Thánh Nicholas sẽ đến thăm một trường dành cho người mù. Tôi tin chắc rằng họ sẽ mong muốn được tận mắt thấy các bạn học sinh ở đó viết.

Rất chân thành, người bạn nhỏ của các bạn.

Helen Keller.

Helen đã kể lại cuộc đi thăm Triển lãm Toàn cầu trọng một bức thư gửi cho ông John P. Spaulding, mà tờ “Thánh Nicholas” sau đó đã đăng tải. Lá thư đó cô Caroline Derby, mà chúng tôi đưa ra dưới đây, cũng nói về chủ đề đó. Trong một bài tựa mà cô Ann Sullivan viết cho tờ “Thánh Nicholas”, cô đã nhắc đến một điều mà cô luôn tâm niệm trong lòng: “Helen đã nhìn bằng những ngón tay được nhiều hơn những gì chúng ta nhìn thấy bằng đôi mắt của mình”.

Gửi cho cô Carolin Derby.

Hulton (Pennsylvannie), 17 tháng Tám năm 1893.

...Tất cả mọi người ở Triển lãm đều rất tốt bụng với cháu... Hầu hết những người trưng bày hàng đều sẵn lòng cho cháu sờ vào các đồ vật dù dễ vỡ nhất, và họ tỏ ra rất đáng mến cố giải thích cho cháu về tất cả. Một quý ông người Pháp, mà cháu không thể nhớ được tên, đã chỉ cho cháu xem những đồ chạm trổ lớn bằng đồng của đất nước ông. Chắc chắn rằng chúng đã tạo cho cháu sự thích thú hơn tất cả những thứ khác trong triển lãm: chúng quá hoàn hảo đến độ, cháu có cảm tưởng như thấy chúng sống động dưới các đầu ngón tay của mình. Bác sỹ Bett đã đích thân dẫn bốn cháu đến gian trưng bày đồ điện và chỉ cho chúng cháu xem những chiếc điện thoại, cả những chiếc mang ý nghĩa lịch sử. Giáo sư Gillett đến từ bang Illinois đã dẫn chúng cháu đến gian nghệ thuật trường phái Tự do và gian của Quý bà.

Ở gian nghệ thuật tự do, cháu đã thăm gian trưng bày Tiffany, ở đó cháu đã cầm trong tay một viên kim cương rất đẹp cũng mang tên gọi ấy, mà người ta ước tính trị giá trăm nghìn đô la. Ở đó cháu còn được sờ rất nhiều những đồ vật rất hiếm và có giá trị lớn khác. Cháu đã được ngồi trong chiếc ghế của vua Louis. Gian cho các Quý bà, chúng cháu đã gặp công chúa Maria Schaovosky của nước Nga và một quý bà đẹp khác người Syri. Cả hai người đều gây cảm tình cho cháu. Cháu đã sang khu vực Nhật Bản cùng với giáo sư Morse, một diễn giả rất được nhiều người biết đến. Cháu chưa từng tưởng tượng có một dân tộc tuyệt vời như dân tộc Nhật Bản, trước khi được nhìn thấy gian triển lãm rất hấp dẫn của họ. Những nhạc cụ của họ thật kỳ lạ, những tác phẩm nghệ thuật của họ làm cháu say mê. Những cuốn sách của người Nhật mới thật lạ lùng. Bảng chữ cái của họ gồm những 47 chữ. Giáo sư Morse rất uyên bác, thông thạo về những gì liên quan đến nước Nhật. Ông cũng rất tốt bụng và rất am hiểu. Ông đã mời cháu đến thăm bảo tàng của ông ở Salem, ngay khi nào đến Boston. Những cánh buồm trên phà trôi chậm chậm và những quang cảnh tuyệt diệu, tất cả những gì mà bè bạn đã tả cho cháu, tất cả đều có trong triển lãm, những điều đó đã khơi dậy niềm phấn khởi khôn tả cho cháu. Một lần, khi chúng cháu đang ở trên nước, mặt trời khuất sau chân trời, bao bọc thành phố trắng bằng một ánh sáng dịu nhẹ và nhuộm hồng nó hơn khi nào hết, thành phố hiện ra trong cảnh sắc tuyệt diệu nhất...

Gửi giáo sư Edward Everett Hale.

Hulton (Pennsylvannie), 14 tháng Giêng năm 1894.

Bác kính mến của cháu,

Đã rất nhiều lần cháu định viết trả lời bức thư dễ thương của bác, nó khiến cháu rất vui và rất muốn cảm ơn về cuốn sách mà bác đã gửi cho cháu; cháu quá nhiều việc phải làm từ khi bắt đầu năm học mới. Mẩu chuyện nhỏ của cháu đăng trên tờ “Bạn đồng hành của tuổi trẻ” đã mang tới cho cháu bao nhiêu là thư. Chỉ riêng tuần vừa rồi, cháu đã nhận được sáu một bức. Cháu cần phải trả lời một số thư, nhưng cũng không thể vì thế mà lơ là công việc học hành được, nhất là trong môn số học và môn tiếng Latin. Bởi bác biết rằng một đứa bé gái như cháu muốn hiểu được về Caesar, những cuộc chiến tranh của ông ta và những chiến thắng ông ta dành được, kể bằng ngôn ngữ Latin rất hay này đòi hỏi phải nghiên cứu và suy nghĩ rất nhiều, và việc đó tốn rất nhiều thời gian...

Gửi Carolin Derby.

Trường Wright – Humanson, New York, 15 tháng Ba 1895.

Mình chắc rằng đã tiến bộ nhiều trong việc học đọc mỗi người nói, mặc dù mình biết nếu gặp những đoạn nói nhanh, mình sẽ còn có nhiều khó khăn hơn. Nhưng mình tin sẽ làm được, chỉ cần mình kiên trì. Giáo sư Humanson đã miệt mài để giúp mình tiến bộ hơn. Ôi, Carrie, mình hạnh phúc biết bao vì có thể nói như tất cả mọi người. Để làm được điều đó, mình đã phải học từ sáng tới tối. Thử nghĩ xem bạn bè mình sẽ vui thế nào khi có thể nghe mình kể chuyện bằng cách thông thường! Mình tự hỏi tại sao người khác lại học nói khó đến vậy, trong khi việc đó có vẻ rất đơn giản với những người khác. Nhưng bởi vì mình rất kiên nhẫn, mình sẽ nói được, một ngày nào đó, nói được một cách hoàn hảo.

Dù có rất nhiều việc phải làm, mình vẫn thu xếp được thời gian để đọc chút ít... Gần đây mình đọc “Guillaume nói” của Schiller... Mình đang đọc “Nathan thông thái” của Lessing và “Vua Arthur” của Mullock...

Gửi bà Kate Adams Keller.

New York, 31 tháng Ba 1895.

... Cô giáo và con đã có một buổi chiều đáng yêu ở nhà ông Hulton. Ở đó chúng con gặp ông Clemens và ông Howells. Con được nghe nói về những nhà văn này từ lâu nhưng con chưa từng có ý nghĩ là có ngày lại được chuyện trò với họ, thế mà, niềm vui không ngờ ấy lại được dành cho con. Đôi khi con rất ngạc nhiên rằng con, một cô bé mười bốn tuổi lại thấy mình có quen biết với nhiều người lỗi lạc như thế. Và từ đó, con kết luận rằng con thực sự là một đứa trẻ được nhiều ưu đãi và rõ ràng con được hưởng quá nhiều đặc quyền. Hai nhà văn nổi tiếng này tỏ ra rất dễ mến đối với con. Con khó mà nói được mình mến ai hơn. Clemens đã kể những câu chuyện hài hước làm mọi người cười chảy nước mắt. Con ước gì mẹ cũng ở đó. Ông ta nói sẽ đi châu Âu trong một thời gian ngắn để đón vợ và con gái Jeanne; con gái của ông ấu học ở châu Âu khá lâu, ba năm rưỡi, nên có lẽ am hiểu về nơi đó còn hơn cả cha mình. Con thấy cái tên Maark Twain là một bút danh rất phù hợp với cá tính của ông Clemens vì âm sắc lạ tai và độc đáo, rất phù hợp với những câu chuyện dí dỏm của ông...

Ngày mùng một tháng Mười, Helen vào trường nữ sinh Cambridge do ngài Arthur Gilman làm hiệu trưởng. Những bài thi đề cập trong lá thư sau chỉ đơn giản là những bài kiểm tra mang tính khảo sát trình độ học sinh.

Gửi bà Laurence Hulton.

37, đại lộ Concorde, Cambridge (Mass.) 8 tháng Mười 1896.

... Sáng nay cháu dậy sớm để có thể viết gửi bác vài dòng. Cháu biết là bác muốn biết tình cảm của cháu về trường mình. Cháu rất muốn rằng bác có thể đến được đây, để chính bác thấy rằng ngôi trường đẹp đến ra sao. Ngôi trường này có hơn một trăm nữ sinh thông minh, hoạt bát và bạn đồng hành với họ luôn là niềm vui.

Hắn bác rất vui, cháu tin chắc thế, khi biết cháu đã vượt qua kỳ thi thành công. Cháu có các bài thi tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Hy Lạp và lịch sử La Mã. Tất cả các bài thi kiểu này đều đã được dùng trong các kỳ thi vào trường Harvard. Cháu rất sung sướng khi nghĩ rằng có thể mình sẽ được nhận vào học trường đại học đó. Năm nay cháu và cô giáo sẽ có rất nhiều việc phải làm. Cháu phải đọc nhiều sách và bởi có quá ít sách trong số những cuốn sách cháu cần đã được chuyển in cho người mù, thế là cô giáo đáng thương của cháu lại phải đọc hộ cháu, đó là công việc rất vất vả...

**(Những bức thư này được trích
từ tác phẩm “Điếc, câm, mù”, Chuyện đời tôi của Helen Keller)**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>